



## BAN CỐ VẤN

PGS. TS Nguyễn Anh Phong  
- Trưởng khoa Tài chính - Ngân hàng  
ThS Tô Thị Thanh Trúc  
- Phó trưởng khoa Tài chính - Ngân hàng  
ThS Nguyễn Thị Hai Hằng  
ThS Nguyễn Hải Yến  
Cùng tập thể giảng viên  
khoa Tài chính - Ngân hàng

## BAN BIÊN TẬP

Nguyễn Quốc Đại Trường An  
Bùi Thị Mỹ Tiên  
Bùi Thị Thúy Nhi  
Cùng tập thể ban nội dung CS KTTCNH

## THIẾT KẾ TRÌNH BÀY

Nguyễn Phương Trâm  
Lý Thanh Ngân  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Lồ Siêu Linh  
Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Nguyễn Thị Trang

## MỤC LỤC

### Điểm tin

- 4 Kinh tế
- 6 Tài chính
- 8 Ngân hàng

### Nghiên cứu - Trao đổi

- 10 Đánh giá tác động của các chính sách đối phó Covid-19 đối với thị trường chứng khoán các nước Châu Á
- 16 Tác động của Covid-19 tới thị trường lao động Việt Nam
- 22 Phát triển bán hàng trực tuyến trong đại dịch Covid 19
- 31 Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam
- 38 Tác động của Covid-19 đến nhu cầu tín dụng doanh nghiệp tại ngân hàng Vietcombank

### 44 Góc sinh viên

### 48 Mini game

## LỜI NGỎ

Năm 2020 là một năm có nhiều biến động trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự bùng phát dịch Covid-19 trên toàn cầu đã mang lại những thách thức to lớn và những tác động đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể, sức tiêu dùng trong nước sụt giảm do các biện pháp giãn cách xã hội làm cho tổng mức hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giảm mạnh. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ ở các thị trường nước ngoài cũng bị giảm vì cách ly cùng vận chuyển quốc tế bị đình trệ cũng làm ảnh hưởng xấu đến kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Đối với các doanh nghiệp, đại dịch Covid – 19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu khiến cho linh kiện sản xuất khan hiếm. Thêm vào đó, giãn cách xã hội khiến cho người lao động không thể làm việc. Tất cả những điều này đã khiến cho nhiều nhà máy sản xuất phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động.

Tất cả những tác động kể trên của Covid – 19 sẽ được tổng hợp và phân tích rõ hơn trong số báo 22: ***“TÁC ĐỘNG CỦA COVID – 19 ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM”***

Với số báo 22, Chuyên san rất vinh dự khi nhận được sự đóng góp của các bạn cộng tác viên cũng như sự hỗ trợ và cố vấn nhiệt tình từ quý thầy cô khoa Tài chính – Ngân hàng. Hy vọng Chuyên san sẽ mãi là người bạn thân thiết đồng hành cùng với những ai quan tâm và yêu thích lĩnh vực kinh tế, tài chính – ngân hàng. Chuyên san xin chân thành gửi lời tri ân đến quý đọc giả.

Trân trọng

**Ban biên tập**

**ĐIỂM TIN KINH TẾ**

Nguyễn Thị Ngọc Trang

K18504

Trần Quốc Thắng

K19414c

**1. VIỆT NAM HẬU COVID - 19: LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG GIẢM SÂU NHẤT KỂ TỪ NĂM 2011, DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ BỊ ẢNH HƯỞNG NẶNG NỀ VỚI TỶ LỆ MẤT VIỆC LÊN ĐẾN 72%.**

Theo số liệu Điều tra lao động và việc làm quý 2/2020 do Tổng cục Thống kê công bố, gần 31 triệu người trong độ tuổi lao động ở Việt Nam phải chịu tác động tiêu cực từ đại dịch Covid -19. Phần lớn người lao động vẫn có việc làm nhưng thu nhập bị cắt giảm do hoạt động kinh tế giảm sút. Về tổng thể, lực lượng lao động đã giảm xuống còn 53,1 triệu người, thấp hơn 2,4 triệu người so với quý 2/2019. Đây là mức giảm sâu nhất kể từ cuộc điều tra lao động và việc làm bắt đầu vào năm 2011.

Hàng triệu người đã phải hủy bỏ kế hoạch đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, Đài Loan hay Hàn Quốc do việc hạn chế đi lại giữa các quốc gia. Bên cạnh đó, nhiều người Việt từng đi xuất khẩu lao động cũng phải hồi hương do dịch bệnh.

Mức độ mở của nền kinh tế cũng đặt ra một điều khác phải cân nhắc: người Việt đang xuất khẩu nhiều loại hàng hóa mà bản thân họ không tiêu thụ trong nước và mua hàng hóa nhập khẩu mà họ không tự sản xuất được. Để giảm nguy cơ đến từ thực trạng này, chính phủ nên cân

nhắc điều chỉnh trọng tâm sản xuất để người Việt có thể dùng hàng Việt nhiều hơn.

Tựu chung, dù kiểm soát thành công tác động của Covid -19 lên sức khỏe cộng đồng, Việt Nam đã và đang chịu tổn thất không ít về kinh tế, và có lẽ lực lượng lao động là đối tượng bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất từ đại dịch này. Người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn sẽ ít bị ảnh hưởng hơn những người phụ thuộc vào kinh tế tiền mặt (chẳng hạn như bán hàng rong) chịu ảnh hưởng nặng nề hơn vì nhiều hoạt động ở thành thị bị hạn chế trong thời gian giãn cách xã hội. Song vì thế nhà nước cần đưa ra những chính sách để giúp đỡ người dân vượt qua giai đoạn khó khăn này.

**2. SHOPEE ĐANG BỎ XA TIKI, LAZADA VÀ SENDO: LƯỢNG TRUY CẬP BẰNG CẢ 3 ĐỐI THỦ CỘNG LẠI.**

Thương mại điện tử Việt Nam được đánh giá là một thị trường đầy tiềm năng và vẫn đang duy trì sức hút của mình, kéo theo cuộc đua cạnh tranh gay gắt chưa có hồi kết của những ông lớn. Đặc biệt, trong mùa dịch Covid- 19 nên sự phát triển của các doanh nghiệp thương mại điện tử cũng chịu nhiều ảnh hưởng.

Theo số liệu Bản đồ thương mại điện tử do iPrice Group công bố, Shopee có quý thứ 3 liên tiếp tăng tốc và khoảng cách về lượng truy cập so với các đối thủ ngày càng được nới rộng.

Đối với Tiki, tuy vẫn duy trì vị

trí thứ 2, nhưng lượng truy cập hiện chỉ còn 21,1 triệu lượt. Lazada có quý sụt giảm thứ 2 liên tiếp, về tương đương với mức truy cập hồi cuối năm 2018 và đã giảm 63% nếu so với đỉnh cao là quý 4/2017. Sendo sau khi liên tục tăng trưởng mạnh trong năm 2018 và 2019 thì lượng truy cập đã đột ngột giảm sâu chỉ trong 6 tháng đầu năm 2020. Lượng truy cập của Sendo hiện ở mức 14,6 triệu lượt, giảm 50% so với giai đoạn cuối năm 2019. Ngược với ba công ty trên Shopee lượng truy cập web Shopee trong quý 2/2020 đạt 52,5 triệu lượt, cao nhất từ trước đến nay và bằng tổng số truy cập của ba công ty cộng lại.

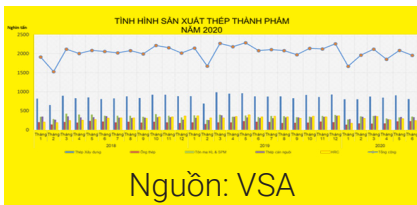
Ranking	Company	Current (2020)	Q2 2020	Q1 2020	Q4 2019	Q3 2019	Q2 2019
1	Shopee VN	52,495,900	↑	↑	49,000	49,000	17,447,000
2	Lazada VN	23,533,000	↓	↓	20,000	20,000	23,949,000
3	Tiki	21,100,000	↑	↑	19,000	19,000	2,796,000
4	Sendo	14,600,800	↓	↓	141,000	17,000	2,987,300
5	Grab	4,955,500	↑	↑	2,200	N/A	938,800
6	Điện Máy Xanh	3,511,100	↑	↑	10,000	N/A	1,417,000
7	Thế Giới Di Động	2,193,000	↑	↑	10,000	2,300	623,400
8	Bách Mã Xuân	1,176,800	↑	↑	12,800	N/A	317,200
9	SIEM	56,100	↑	↑	63,000	10,000	439,400
10	Ngân Hàng	483,200	↑	↑	700	4,400	464,800

**3. SẢN XUẤT VÀ BÁN HÀNG NGÀNH THÉP GIẢM MẠNH TRONG NỬA ĐẦU NĂM 2020**

Thông tin từ Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) cho biết trong tháng 6/2020 sản xuất thép các loại đạt hơn 1.955.949 tấn, giảm 6,17% so với tháng trước và giảm 5,9% so với cùng kỳ 2019.

Bán hàng thép các loại đạt 1.756.515 tấn, giảm 7,19% so với tháng 5/2020, và giảm 6,1% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 300.438 tấn, tăng 14,5% so với tháng trước, nhưng giảm 21,9% so với cùng kỳ tháng 6/2019.

Tính chung 6 tháng đầu năm



2020 sản xuất thép các loại đạt hơn 11.621.709 tấn, giảm 8,1% so với cùng kỳ 2019.

Bán hàng thép các loại đạt 10.409.055 tấn, giảm 10,7% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, đặc biệt xuất khẩu thép các loại đạt 1.855.267 tấn, giảm 24,6% so với cùng kỳ năm 2019.



#### 4. MỤC TIÊU KIM NGẠCH XUẤT KHẨU TĂNG 5%/NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Bộ Công Thương đã xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 2021-2025 đối với ngành Công Thương bằng nhiều mục tiêu và giải pháp đồng bộ.

Xuất khẩu hàng hóa là một trong những điểm sáng của hoạt động kinh tế cả nước nhiều năm qua, đóng góp tích cực cho tăng trưởng GDP. Thống kê của Bộ Công Thương cho thấy, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2016 - 2019 đã tăng từ 176,58 tỷ USD năm 2016 lên 264,27 tỷ USD năm 2019.

Kết quả này nhờ hoạt động sản xuất và xuất khẩu của những tập đoàn lớn cùng với việc ký kết các hiệp định như

CPTPP, FTA ... Việt Nam đã có cơ hội xuất khẩu hàng hóa đến hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ. Đặc biệt, Việt Nam đã tăng mạnh xuất khẩu sang Mỹ đối với một số hàng hóa Việt Nam có lợi thế nhằm thay thế hàng hóa Trung Quốc trong chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

Năm 2020, dù bị ảnh hưởng từ dịch Covid-19, 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nước ta vẫn đạt 145,79 tỷ USD, tăng 0,2% so với cùng kỳ và dự kiến cả năm 2020 vẫn duy trì mức độ tăng trưởng dương. Do vậy, khả năng chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu toàn giai đoạn 2016 - 2020 vẫn đạt trên 10%.

Trước những kết quả đạt được, giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Công Thương phấn đấu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân từ 5%/năm, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 340 tỷ USD vào năm 2025; tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp trong nước tăng 5%; trong đó, xuất khẩu sang khu vực thị trường châu Âu - châu Mỹ tăng trưởng trung bình từ 7 - 10%/năm. Nhóm hàng công nghiệp chế biến được công nhận định tiếp tục là động lực của xuất khẩu hàng hóa với tỷ trọng trong tổng kim ngạch tăng lên khoảng 85,3% vào năm 2025; tỷ trọng nhóm nhiên liệu, khoáng sản giảm xuống còn khoảng 1,15% vào năm 2025.

Để đạt được mục tiêu, Bộ Công Thương đã xây dựng kế

hoạch triển khai thực hiện với nhiều giải pháp như đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế. Đồng thời, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]An.B. (2020, 7 23). cafef. Retrieved-from-cafef.vn: <https://cafef.vn/viet-nam-hau-covid-19-luc-luong-lao-dong-giam-sau-nhat-ke-tu-nam-2011-doanh-nghiep-dich-vu-bi-anh-huong-nang-ne-voi-ty-le-mat-viec-len-den-72-2020072310035523-6.chn>
- [2] My.H. (2020, 08 18). cafef. Retrieved from cafef.vn: <https://cafef.vn/shop-ee-dang-bo-xa-tiki-lazada-va-sendo-luong-truy-cap-bang-ca-3-doi-thu-cong-lai-20200818085541294.chn>
- [3]Ngọc.M. (2020, 7 20). cafef. Retrieved from cafef.vn: <https://cafef.vn/san-xuat-va-ban-hang-nganh-thep-giam-manh-trong-nua-dau-nam-2020-20200719231224361.chn>
- [4]H.S. (2020, 8 19). cafef. Retrieved-from-cafef.vn: <https://cafef.vn/muc-tieu-kim-ngach-xuat-khau-tang-5-nam-giai-do>

**ĐIỂM TIN TÀI CHÍNH**

Lê Thị Thảo Nghi

K19413

Nguyễn Ngọc Minh Thanh

K19404

**1. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NGÂN HÀNG CÓ ĐỂ VỀ ĐÍCH?**

Các ngân hàng đều đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế cho năm 2020 dựa trên kịch bản dịch Covid-19 sẽ sớm được kiểm soát. Tuy nhiên, đứng trước làn sóng Covid-19 thứ 2, triển vọng lợi nhuận của ngân hàng đã có những thay đổi không mấy tiêu cực so với kế hoạch kinh doanh ban đầu. Theo thống kê của Vietstock, tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm của 27 ngân hàng đã công bố BCTC quý 2/2020 đạt hơn 62,693 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng trong quý 2/2020, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 33,286 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Con số này cũng khá quan trọng hơn nhiều so với mức tăng trưởng 7% của các ngân hàng trong quý đầu năm nay.

Xét về tốc độ tăng trưởng, có đến 19/27 ngân hàng báo lãi trước thuế 6 tháng đầu năm tăng trưởng so với cùng kỳ. Trừ 3 nhà băng tăng dưới 10% là SHB (+1%), MBB (+5%) và ACB 9+5%), còn lại 16/19 ngân hàng tăng trưởng từ 15% trở lên. Dù dịch Covid-19, nhưng đa số các ngân hàng đều đề ra kế hoạch lãi trước thuế tăng so với năm trước, qua nửa chặng đường 2020, có đến 14/27 ngân hàng đã thực hiện được hơn 50% kế hoạch năm. Do đó có thể thấy, dịch Covid-19 tác động đến ngân hàng chủ yếu ở cả dư

**Bảng 1: Lợi nhuận trước thuế của các ngân hàng(%)**

Ngân hàng	Lợi nhuận trước thuế			
	KH2020	6T/2020	%(+/-) 6T/2019	% TH/KH
SGB	130	126	42	97
MSB	1,439	974	72	68
VPB	10,214	6,585	52	64
LPB	1,700	1,004	(10)	59
PGBank	190	110	75	58
MBB	9,032	5,119	5	57
STB	2,573	1,428	(2)	56
VIB	4,500	2,356	29	52
TCB	13,000	6,738	19	52
HDB	5,661	2,908	32	51
SHB	3,268	1,662	1	51
BAB	700	353	(19)	50
ACB	7,636	3,820	5	50
TPB	4,068	2,034	26	50
VBB	613	288	15	47
ABBank	1,358	633	15	47
VietABank	405	186	125	46
SeABank	1,506	669	64	44
OCB	4,400	1,864	67	42
EIB	1,318	552	(28)	42
BID	12,500	4,454	(5)	36
BVB	200	62	29	31
NamABank	1,000	201	(55)	20
KLB	750	103	(31)	14
CTG	-	7,460	40	-
NVB	-	23	13	-
VCB	-	10,982	(3)	-

Nguồn: VietstockFinance

nợ cho vay (cá nhân, khách hàng vay vốn) và huy động vốn (khách hàng cá nhân và doanh nghiệp gửi tiền). Các ngân hàng đã áp dụng những giải pháp tối ưu để nhận được mức thu nhập lãi thuần tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Các ngân hàng được áp dụng quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm, lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Bên cạnh đó, các ngân hàng cũng đẩy mạnh nguồn thu từ các hoạt động phi tín dụng để bù đắp cho dư nợ tín dụng tăng trưởng chậm trong giai đoạn giãn cách xã hội vừa qua. Do đó, lợi nhuận của các ngân hàng vẫn sẽ tiến về phía trước theo đúng kế hoạch đã vạch ra dù có làn sóng Covid-19 thứ hai.

**2. GIẢM THUẾ CHƯA ĐỦ GIÚP DOANH NGHIỆP VƯỢT QUA COVID-19**

Với các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiệt hại nặng nề bởi dịch Covid-19, việc giảm thuế suất thuế thu nhập không mang lại

hiều ý nghĩa. Trong khi đó, nhiều công ty lớn hoạt động tại các lĩnh vực trọng điểm, doanh thu vượt 200 tỉ đồng cũng chỉ biết “ngậm ngùi” ngồi nhìn. Quyết định giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong kỳ tính thuế năm 2020 đang được Bộ Tài chính lấy ý kiến dự thảo rộng rãi. Trước đó, Quốc hội (QH) đã thông qua nghị quyết về vấn đề này. Theo đó, giảm 30% thuế TNDN cho các đối tượng trên với điều kiện doanh thu dưới 200 tỉ đồng. Trong dự thảo, Bộ Tài chính đưa ra căn cứ để xác định đối tượng được giảm là mức tổng doanh số bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong năm 2020 của DN. Một tiêu chí khá mở được thiết kế, kể cả DN mới thành lập trong năm 2020 không đủ 12 tháng, tổng doanh thu năm 2020 được xác định bằng doanh thu chia cho số tháng DN thực tế hoạt động trong năm 2020... Trường hợp sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra DN không thuộc đối tượng giảm thuế theo quy định tại nghị định này hoặc số thuế đã kê khai để giảm lớn hơn số thuế được giảm theo quy định thì DN phải nộp lại số tiền thuế thiếu, tiền phạt, tiền chậm nộp do cơ quan thuế xác định lại. Nếu sau khi hết thời gian giảm thuế, cơ quan thuế phát hiện qua thanh tra, kiểm tra DN được giảm nhiều hơn số thuế đã kê khai giảm trước đó thì DN được kê khai bổ sung để tiếp tục hưởng số thuế được giảm theo mức mà cơ quan thuế đã xác định lại. Những giải pháp trên tương đối chưa giải quyết được vấn đề của các doanh nghiệp vì

vậy cần những liều thuốc đặt trị hiệu quả hơn.

### 3. PHẦN ĐẦU THU NỘI ĐỊA TỐI THIỂU TĂNG 9-11% VÀO NĂM 2021

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 71/2020/TT-BTC hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2021 - 2023. Theo đó, năm 2021 thu nội địa phấn đấu tăng tối thiểu 9 - 11% so với đánh giá ước thực hiện năm 2020. Về dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN), Bộ Tài chính hướng dẫn: Phải được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về thuế, phí và lệ phí. Việc xây dựng dự toán thu năm 2021 bám sát dự báo khả năng phục hồi kinh tế và đón các dòng đầu tư mới (trong và ngoài nước). Đồng thời, việc xây dựng dự toán phải tính toán kỹ các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi cơ chế, chính sách và thay đổi bất thường do tác động của đại dịch COVID-19. Về việc xây dựng dự toán thu nội địa, các địa phương phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn. Trong đó, bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh. Theo đó, dự toán thu NSNN năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh

vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2021 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2021.

### 4. TĂNG TỈ LỆ NỢ CÔNG THÊM TỪ 2-3% GDP: ÁP LỰC VAY NỢ MỚI TRẢ NỢ CŨ

Theo đại diện Bộ Tài chính, việc tăng vay vốn thêm 2-3% GDP vẫn nằm trong giới hạn được Quốc hội cho phép nhưng cũng sẽ là thách thức không nhỏ. Trao đổi với báo chí về những biến động của tình hình nợ công trong thời gian qua, ông Võ Hữu Hiến, Phó Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại (Bộ Tài chính) cho biết, thời gian qua, nợ công so với GDP đã giảm mạnh từ 63,7% năm 2016 xuống khoảng 55% cuối năm 2019. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Bộ Tài chính dự kiến nợ công có thể lên khoảng 57-58% GDP vào cuối năm 2020. Về áp lực của các khoản nợ đến hạn của Chính phủ Việt Nam trong giai đoạn tới, đại diện Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại nhận định, gánh nặng nợ so với GDP đã giảm so với những năm đầu giai đoạn, xu hướng giảm nợ công một phần phản ánh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, trong đó có vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài rất chậm. Điều này đã hạn chế đóng góp cho tăng trưởng từ nguồn vốn vay, mặt khác ngân sách vẫn phải chịu chi phí cam kết đối

với các khoản vay đã ký kết và chưa giải ngân. Do đó, áp lực trả nợ đang ngày càng lớn lên. Đến nay, Việt Nam đã thành nước thu nhập trung bình, do đó, Việt Nam không còn được vay ưu đãi với lãi suất thấp, ngược lại sẽ phải vay thương mại với lãi suất cao hơn, kỳ hạn rút ngắn lại đáng kể so với thời kỳ trước, tiệm cận với điều kiện thị trường. Mặt khác, trong năm 2020, khả năng thu ngân sách nhà nước không đạt mục tiêu đặt ra sẽ gây áp lực lên chỉ tiêu nghĩa vụ trả nợ so với thu ngân sách nhà nước vốn đang có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây, tiến rất sát ngưỡng 25% được Quốc hội cho phép trong giai đoạn 2016-2020. Trước tác động của dịch Covid-19, Thủ tướng Chính phủ đã có chủ trương có thể xem xét tăng tỷ lệ nợ công thêm từ 2-3% GDP để có thêm nguồn lực hỗ trợ nền kinh tế. Mặt khác, khả năng hấp thụ vốn của thị trường trái phiếu chính phủ trong nước còn hạn chế. Do đó trong giai đoạn sắp tới, đại diện Bộ Tài chính cho biết, việc tính toán, đề xuất trần nợ công để trình Quốc hội xem xét, phê duyệt trong giai đoạn sẽ được cân nhắc kỹ để đảm bảo mục tiêu giữ vững an ninh tài chính quốc gia, bền vững nợ. Một mặt phù hợp với khả năng vay vốn trên thị trường để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, mặt khác phù hợp với khả năng trả nợ của ngân sách, không làm ảnh hưởng đến xếp hạng tín nhiệm quốc gia cũng như hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Minh. A. (2020/08/24)

retrieved from <https://vietstock.vn/2020/08/ke-hoach-loi-nhuan-ngan-hang-co-de-ve-dich-737-785613.htm>

(2) Vũ. A. (2020/07/11) retrieved from <https://vietstock.vn/2020/07/giam-thue-chua-du-giup-doanh-nghiep-vuot-qua-covid-19-768-775244.htm>

(3) Quang. N. (2020/08/13) retrieved from <https://vietstock.vn/2020/08/nam-2021-phan-dau-thu-noi-dia-tang-toi-thieu-9-11-758-784909.htm>

(4) Tú.C. (2020/08/11) retrieved from <https://vietstock.vn/2020/08/tang-ty-le-no-cong-them-tu-2-3-gdp-ap-luc-vay-no-moi-de-tra-no-cu-758-784253.htm>

## ĐIỂM TIN NGÂN HÀNG

Nguyễn Ngọc Phương Thư

K19404C

Trương Công Quốc Bảo

K185040

### 1. TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG SẼ SỚM PHỤC HỒI

Theo số liệu cập nhật mới nhất của Ngân hàng nhà nước, đến ngày 16/6/2020, tín dụng tăng 2,13% so với đầu năm, mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Nguyên nhân của tình trạng này được nhận định là do những tác động tiêu cực đại dịch Covid-19. Bên cạnh các ngân hàng gặp khó trong tăng trưởng tín dụng, trên thị trường cũng có nhiều ngân hàng vẫn giữ được nhịp tăng trưởng khả quan. Đơn cử như Sacombank gần 6 tháng đầu năm, dư nợ tín dụng của ngân hàng tăng xấp xỉ 6%. Do hạn mức tín dụng của Sacombank

được cấp đầu năm nay chỉ có 9% nên ngân hàng này đã trình xin Ngân hàng nhà nước nới room tín dụng lên 14%. OCB cũng là một trong những ngân hàng đã sử dụng hết room tín dụng được cho phép và đã nộp đơn xin Ngân hàng nhà nước xem xét nới room. Tổng giám đốc OCB Nguyễn Đình Tùng cho rằng, khi vốn FDI đổ mạnh vào Việt Nam một số ngành như công nghiệp, công nghiệp phụ trợ... sẽ có cơ hội phát triển mạnh theo. Theo đó, có thể tạo ra công ăn việc làm mới cho người lao động, hồi phục sức mua trong xã hội, cầu đầu tư tín dụng, tiêu dùng cũng sẽ tăng thêm. Bên cạnh đó khả năng tín dụng những tháng cuối năm tăng tốt hơn do được hỗ trợ nhiều yếu tố: doanh nghiệp bắt đầu có dấu hiệu hồi phục, quy luật mùa vụ nhu cầu vốn thường tăng mạnh cuối năm, bên cạnh đó Ngân hàng nhà nước hỗ trợ giảm lãi suất điều hành, các ngân hàng tích cực giảm lãi suất cho vay,.. Nhưng TS. Nguyễn Trí Hiếu tỏ ra thận trọng khi đánh giá: Tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp. Thế giới như vậy làm sao Việt Nam miễn nhiễm được khủng hoảng. Do vậy, tình trạng phục hồi của Việt Nam như thế nào tùy thuộc rất nhiều vào kinh tế thế giới trong thời gian sắp tới.

### 2. GIẢM LÃI SUẤT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Gần 1 triệu tỷ đồng đã được các tổ chức tín dụng thực hiện giảm lãi suất nhằm hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Theo số liệu mới nhất từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến

nay, các Tổ chức tín dụng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho hơn 215 nghìn khách hàng với dư nợ 138 nghìn tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho hơn 320 nghìn khách hàng với dư nợ gần 1,13 triệu tỷ đồng (mức hạ lãi suất phổ biến từ 0,5-2%, thậm chí một số TCTD đã hạ lãi suất tới 2,5% và hơn 4% cho khách hàng); cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23-1 đến nay đạt hơn 659 nghìn tỷ đồng với hơn 188 nghìn khách hàng, lãi suất thấp hơn phổ biến từ 0,5 đến 2,5%/năm so với trước dịch. Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp cũng đã tiếp cận được vốn vay với lãi suất thấp hơn lãi suất ngân hàng huy động kỳ hạn một năm. Theo Tổng Giám đốc Công ty TNHH Vico (Hải Phòng) – ông Nguyễn Mộng Lân, công ty luôn được Vietinbank chi nhánh Ngô Quyền hỗ trợ rất kịp thời về giải ngân vốn vay, hỗ trợ lãi suất cho vay ưu đãi. Cụ thể, Vietinbank đã giảm lãi suất vay đối với các khoản vay VND kỳ hạn đến năm tháng từ 6,5%/năm xuống còn 6,3%/năm, sau đó tiếp tục giảm còn 6,0%/năm; lãi suất vay đối với các khoản vay USD kỳ hạn đến năm tháng từ 3,8%/năm xuống còn 3,3%/năm. Quy mô dư nợ ngắn hạn của công ty tại Vietinbank chi nhánh Ngô Quyền là lớn nhất trong các Tổ chức tín dụng. Vì thế, việc giảm lãi suất cho vay của ngân hàng là rất thiết thực, giúp công ty tiết giảm được đáng kể chi phí lãi vay, cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh.

### 3. TÁC ĐỘNG BỞI COVID-19, NGÂN HÀNG TỰ “SIẾT” LỢI NHUẬN



Thông tin từ đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) của một số ngân hàng thương mại (NHTM) cho thấy trong kế hoạch kinh doanh năm 2020 hầu hết ngân hàng đều giảm sâu chỉ tiêu về lợi nhuận và dự kiến tỷ lệ nợ xấu sẽ tăng trong năm 2020. Chẳng hạn tại ĐHCĐ năm 2020, VPBank đặt ra mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12,3% (năm 2019 là 17,6%), tỷ lệ nợ xấu ở mức 3% (năm 2019 là 2,18%; riêng lợi nhuận trước thuế (LNTT) ngân hàng này dự kiến giảm 1,1% so với năm 2019). Sacombank cũng đặt ra chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng 11,1% (năm 2019 là 15,3%), tỷ lệ nợ xấu 3% (năm 2019 là 1,9%); LNTT được dự kiến giảm đến 20% so với năm 2019, giảm mạnh so với tốc độ tăng 43,2% của năm 2019. Ngay cả ông lớn VietinBank cũng chỉ đặt mức tăng trưởng tín dụng năm 2020 từ 4 - 8,5% (năm 2019 là 7,3%), tỷ lệ nợ xấu dưới 2% (năm 2019 là 1,2%). Giới chuyên gia cho rằng, những tháng đầu năm tín dụng tăng trưởng chậm, đến cuối quý I/2020 tăng trưởng tín dụng toàn ngành chỉ đạt 1,3%, con số này tăng nhẹ lên 1,42% vào trong tháng 4/2020 và tháng 5/2020 chỉ đạt 1,96% - thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng 5,74% của 5 tháng đầu năm 2019. Việc tín dụng tăng trưởng chậm trong khi nguồn thu từ tín dụng vẫn chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 70%) trong tổng thu nhập là nguyên nhân khiến các ngân hàng điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận giảm mạnh trong năm nay. Không những thế, còn mối lo lớn nữa là do ảnh hưởng dịch bệnh nợ xấu sẽ tăng nên các tổ chức tín

dụng cũng phải tăng trích lập dự phòng rủi ro, càng thêm lý do để giảm mạnh chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2020.

#### 4. DOANH NGHIỆP ĐÃ KIP THỜI TIẾP CẬN VỐN TỪ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Một cách nhanh chóng trong thời điểm đỉnh của dịch bệnh, tháng 3/2020, ADB công bố gói hỗ trợ trị giá 6,5 tỷ USD để đáp ứng nhu cầu trước mắt của các quốc gia thành viên đang phát triển khi ứng phó với đại dịch. Là một trong các nước thành viên, Việt Nam cũng sẽ nhận được các hỗ trợ từ ADB. Cụ thể, ADB sẽ chia ra các gói hỗ trợ nhỏ bao gồm gần 3,6 tỷ USD trong các hoạt động thuộc kênh chính phủ cho một loạt các biện pháp ứng phó trước những hậu quả về kinh tế và y tế của đại dịch, và 1,6 tỷ USD trong các hoạt động không thuộc kênh chính phủ để hỗ trợ cho các DN siêu nhỏ, nhỏ và vừa; thương mại trong nước và khu vực; cũng như các công ty bị tác động trực tiếp. Cùng với ADB, WB và IFC đã nâng giá trị gói hỗ trợ khẩn cấp lên 14 tỷ USD để giúp các công ty và các quốc gia đang nỗ lực ngăn chặn, ứng phó và kiểm soát dịch bệnh. Trong đó, IFC sẽ tăng gói hỗ trợ lên tới 8 tỷ USD thay vì mức 6 tỷ theo đề xuất ban đầu để hỗ trợ các công ty tư nhân và người lao động khắc phục đợt suy thoái kinh tế. Từ phía các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, thông qua các gói tài trợ thương mại với IFC có thể tiếp cận nguồn vốn này để giải ngân các khoản vay trung hạn cho các DN tư nhân đang gặp khó khăn về

vốn. Đến nay, 4 ngân hàng AB- Bank, TPBank, VIB và VPBank là những ngân hàng đã tiếp cận được gói hỗ trợ tổng trị giá 294 triệu USD của IFC để cho các DN vừa và nhỏ vay vốn. DN trong nước là khu vực tạo nhiều việc làm nhất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các gói hỗ trợ tài chính khẩn cấp dành cho doanh nghiệp (DN) đặc biệt là khu vực DN vừa và nhỏ đang được tung ra từ nhiều tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)... Nguồn vốn này sẽ giúp phần nào cho các DN có thêm nguồn tài chính khắc phục những khó khăn trong thời kỳ hậu dịch bệnh Covid-19.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Thành, H . (26/06/2020). thoibaonganhng.vn. Retrieved from thoibaonganhng.vn: <https://thoibaonganhng.vn/tang-truong-tin-dung-co-the-som-hoi-phuc-103408.html>

[2] Anh, H. (07/06/2020). nhandan.com.vn. Retrieved from nhandan.com.vn: <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-kinh-te/giam-lai-suat-ho-tro-doanh-nghi-ep-460815/>

[3] Tú, M. (19/06/2020). thoibaonganhng.vn. Retrieved from thoibaonganhng.vn: <https://thoibaonganhng.vn/chiu-tac-dong-boi-dich-covid-19-nganhng-tu-siet-loi-nhuan-103146.html>

[4] Thảo, Ng. (07/07/2020). congthuong.vn. Retrieved from congthuong.vn: <https://congthuong.vn/doanh-nghiep-da-kip-thoi-tiep-can-von-tu-cac-to-chuc-tai-chinh-quoc-te-140044.html>

## ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI PHÓ COVID-19 ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CÁC NƯỚC CHÂU Á



Huỳnh Thị Thu Hiền

K18402

Vũ Thụy Hồng Phước

K18404

Bùi Thị Thúy Nhi

K17412

### 1. Đặt vấn đề

Ngày 31/12/2019, giới chức y tế Trung Quốc báo cáo văn phòng Tổ chức Y tế thế giới (WHO) tại Trung Quốc về việc phát hiện chủng virus mới chưa từng có trước đây tại thành phố Vũ Hán, Trung Quốc.

thức của mình. Virus này đã nhanh chóng lây lan sang các nước và châu lục trên toàn thế giới, gia tăng số ca nhiễm và các ca tử vong. (thông tin Bảng 1).

Châu Á là châu lục phát hiện những ca nhiễm virus Corona đầu tiên. Đối phó nhanh đối với

Bảng 1: Các mốc sự kiện nổi bật trong đại dịch Covid-19 trong giai đoạn 01/01/2020 đến 08/08/2020

Thời gian	Diễn biến
31/12/2019	Giới chức y tế Trung Quốc báo cáo văn phòng Tổ chức Y tế thế giới (WHO) tại Trung Quốc về việc phát hiện chủng virus mới chưa từng có trước đây tại thành phố Vũ Hán, Trung Quốc
11/01/2020	Trung Quốc có ca tử vong đầu tiên do chủng virus mới.
19/01/2020	WHO thông báo chủng virus mới có sự lây lan từ người sang người
21/01/2020	Mỹ xuất hiện ca nhiễm đầu tiên
24/01/2020	Ca nhiễm đầu tiên xuất hiện ở châu Âu
30/01/2020	Tổng giám đốc WHO tuyên bố tình trạng khẩn cấp trên toàn cầu
25/02/2020	Xuất hiện những ca nhiễm đầu tiên tại châu Phi
07/03/2020	Số ca nhiễm chủng virus mới vượt qua con số 100.000
11/03/2020	Tổ chức Y tế thế giới WHO đã tuyên bố chuyển từ tình trạng “dịch bệnh” sang “đại dịch”
13/03/2020	Châu Âu trở thành tâm chấn mới của Đại dịch khi số ca tử vong ở châu Âu nhiều hơn hẳn phần còn lại của thế giới (trừ Trung Quốc)
04/04/2020	WHO tuyên bố một triệu ca nhiễm trên toàn thế giới, tăng 10 lần trong vòng 1 tháng.

Ngay sau đó, WHO đã yêu cầu chính quyền Trung Quốc cung cấp thêm thông tin về các trường hợp nhiễm bệnh tại Vũ Hán và thông báo trên các phương tiện truyền thông chính

nguy cơ dịch bệnh lây lan mạnh, chính phủ các quốc gia thuộc khu vực châu Á đã ban hành nhiều biện pháp mạnh mẽ, toàn diện để phòng tránh dịch bệnh (Bảng 2).

**Bảng 2: Biện pháp đối phó dịch Covid-19 của một số nước châu Á**

Quốc gia	Biện pháp đối phó
Trung Quốc, Hồng Kong	Ban hành lệnh đóng cửa đất nước, đóng cửa biên giới với các nước và các biện pháp kiểm soát khoảng cách xã hội để hạn chế lây nhiễm.
Hàn Quốc	Hàn Quốc đã thực hiện xét nghiệm trên diện rộng với hàng trăm địa điểm khám sàng lọc sáng tạo để phát hiện sớm nhất các ca nhiễm bệnh. Bên cạnh đó, nước này còn sử dụng công nghệ thông tin để xác định những người đã tiếp xúc với người nhiễm virus.
Nhật Bản	Nhật Bản đã ban hành các biện pháp giãn cách xã hội, tự cách ly và yêu cầu mọi người làm việc tại nhà. Nước này còn tung ra các gói hỗ trợ những doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Nước này còn áp dụng các công nghệ, sử dụng dữ liệu cá nhân có tính bảo mật cao để theo dõi sự lây lan của dịch bệnh.
Ấn Độ	Ấn Độ đã ban hành lệnh đóng cửa biên giới, trường học và doanh nghiệp, các phương tiện giao thông công cộng
Pakistan	Pakistan đã thực hiện việc xét nghiệm trên diện rộng, bổ sung nhân lực và tài chính cho việc xét nghiệm để ngăn chặn nguồn lây lan từ ban đầu.
Việt Nam	Việt Nam đã thực hiện các chính sách cách ly và xét nghiệm trên diện rộng. Ngoài ra, Việt Nam còn đóng cửa biên giới đất nước và đóng cửa các đường bay từ Trung Quốc, Mỹ, châu Âu và các nước có dịch khác.
Malaysia	Chính phủ đã ban hành Lệnh hạn chế di chuyển vào ngày 31/03/2020 để hạn chế lây lan dịch bệnh. Bên cạnh đó, nước này còn đưa ra gói hỗ trợ trị giá 4.56 tỷ USD để ngành du lịch và các lĩnh vực khác có thể chống chọi trong thời gian dịch bệnh. Gói hỗ trợ thứ hai trị giá 6 tỷ USD được đưa ra để hỗ trợ các hộ gia đình và chủ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi đại dịch.
Philippines	Nước này đã đóng cửa cả hòn đảo Luzon, ban hành gói hỗ trợ trị giá 3.9 tỷ USD để hỗ trợ các gia đình nghèo, các hộ gia đình có người chết do Covid-19.
Thái Lan	Chính phủ Thái Lan đã phải hủy bỏ sự kiện mừng năm mới truyền thống của người Thái (Songkran), đóng cửa đảo Phuket và đưa ra các gói hỗ trợ cho các doanh nghiệp và người dân.
Singapore	Chính phủ đã khuyến khích người dân đeo khẩu trang khi ra đường, đóng cửa biên giới quốc tế và hạn chế nhập cảnh.

Có thể nhận thấy, hầu hết các chính sách đối phó với Covid-19 ở các nước châu Á đều dựa trên các biện pháp khẩn cấp như đóng cửa đất nước, hạn chế di chuyển, khám sàng lọc và cách ly này nhằm mục đích giãn cách xã hội, nhanh chóng phát hiện ra các trường hợp nhiễm bệnh để ngăn chặn tốc độ lây nhiễm. Bên cạnh đó, nhiều chính phủ còn đưa ra các gói hỗ trợ về kinh tế để giảm thiểu các tình huống bất lợi, rủi ro xảy ra trong nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực mà các chính sách này mang lại vẫn tồn tại tác động không tốt. Ví dụ, tình trạng đóng cửa đất nước mặc dù làm giảm tốc độ lây lan của dịch bệnh nhưng lại làm cho các hoạt động kinh tế không được diễn ra, khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng khó khăn, nền kinh tế đình trệ. Do đó, nhóm tác giả sẽ nghiên cứu tác về tác động của các chính sách ứng phó của chính phủ các nước châu Á đối với đại dịch Covid-19 đến thị trường chứng khoán.

Nhóm tác giả đánh giá ảnh hưởng của các chính sách của chính phủ đến thị trường chứng khoán thông qua 3 loại chính sách: biện pháp giãn cách xã hội, chính sách ngăn chặn lây lan của dịch bệnh và các gói hỗ trợ tài chính của chính phủ. Các chính sách này của chính phủ gây ra cả tác động trực tiếp và gián tiếp lên thị trường chứng khoán của các nước.

Đối với tác động trực tiếp, chính sách giãn cách xã hội khiến các doanh nghiệp phải tạm thời đóng cửa và các hoạt động trong nền kinh tế phải tạm dừng, ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán. Ngược lại, các chính sách ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh và đưa ra các gói hỗ trợ kinh tế sẽ làm cho thị trường chứng khoán tăng trưởng do nó giúp tăng lòng tin của nhà đầu tư và giảm những ảnh hưởng của dịch bệnh đối với nền kinh tế.

Đối với tác động gián tiếp, các chính sách của chính phủ được xem xét trong nghiên cứu này có thể ngăn chặn và kiểm soát số ca nhiễm và số ca tử vong đang gia tăng nhanh ở châu Á. Dựa trên kết quả của các nghiên cứu trước cho rằng, việc gia tăng số ca nhiễm và tử vong do Covid-19 sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán cũng như lợi nhuận thu được từ thị trường này (Ahmad Al-Awadhi, 2020; Badar Nadeem Ashraf, 2020; Scott R. Baker, 2020; Dayong Zhang, 2020).

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Về phạm vi nghiên cứu, Scott R. Baker và các cộng sự (2020) đã sử dụng nghiên cứu định tính để đánh giá vai trò của thông tin trên báo chí về Covid-19 đến biến động của thị trường chứng khoán Mỹ. Bên cạnh đó, các nhà khoa học đã dựa trên ảnh hưởng của những dịch bệnh đã có trước đây để giải thích cho sự biến

động của thị trường tài chính do Covid-19 gây ra. Trong khi đó, Laura Alfaro và các cộng sự (2020) lại nghiên cứu ảnh hưởng của Covid-19 đến thị trường chứng khoán Mỹ ở mức độ tổng thể cho cả thị trường và mức độ từng ngành. Các nhà nghiên cứu đã so sánh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 lên thị trường chứng khoán với dịch SARS ở Hồng Kông năm 2003. Badar Nadeem Ashraf (2020) đã sử dụng yếu tố mức độ rủi ro ở cấp độ quốc gia (national-level uncertainty avoidance) để đánh giá độ nhạy cảm của các quốc gia trên thế giới đối với sự xuất hiện của đại dịch Covid-19. Trong một nghiên cứu khác của mình, Badar Nadeem Ashraf cũng đã nghiên cứu ảnh hưởng của các chính sách của chính phủ (stringency index, economic support và containment and health index) bên cạnh tác động của đại dịch Covid-19 đến lợi nhuận thị trường chứng khoán ở nhiều nước trên thế giới.

Về đối tượng nghiên cứu, John W. Goodell (2020) đã nêu ra các tác động của đại dịch Covid-19 trên nhiều khía cạnh và lĩnh vực, bao gồm các khía cạnh đối với chính phủ, khía cạnh đối với nền kinh tế (lĩnh vực ngân hàng và bảo hiểm, thị trường tài chính, financing and costs of capital). Trong khi đó, Shaen Corbet (2020) đã nghiên cứu tác động của những cái tên liên quan đến từ “corona” lên thị trường chứng khoán và thấy rằng những công ty có từ “corona” trong tên của mình có lợi nhuận giảm theo từng giờ và các biến động trên thị trường chứng khoán tăng mạnh theo giờ khi các thông tin về đại dịch Covid-19 được thông báo. Ngoài ra, Arshian Sharif (2020) cũng phân tích mối liên hệ giữa đại dịch Covid-19 với sự biến động của giá dầu, thị trường chứng khoán, rủi ro địa chính trị (geopolitical risk) và sự biến đổi trong chính sách kinh tế tại Mỹ theo thời gian. Kết quả nghiên cứu cho thấy những ảnh hưởng của Covid-19 lên rủi ro địa chính trị cao hơn (geopolitical risk). Về tiền ảo, các nghiên cứu của Shaen Corbet (2020), Thomas Conlon và Richard McGee (2020) đã đưa ra kết luận tiền ảo không được xem như là tài sản có tính bảo hiểm hoặc có tính an toàn, mà có thể xem như là sự khuếch đại của sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong thị trường gấu (thị trường đang xuống dốc) giữa lúc đại dịch xảy ra. Tuy nhiên, John W. Goodell (2020) đã sử dụng phương

pháp phân tích Wavelet đối với dữ liệu số ca tử vong của Covid-19 và giá Bitcoin theo ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự gia tăng tình trạng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 khiến cho giá Bitcoin tăng lên và chỉ ra Bitcoin là tài sản an toàn trong thời gian đại dịch xảy ra. Dayong Zhang (2020) kiểm tra sự biến động của 10 thị trường chứng khoán của các nước có nhiều ca nhiễm Covid-19 trong tháng 1 và tháng 2, 2020. Kết quả cho thấy biến động trên thị trường chứng khoán tăng lên trong tháng 2 vì Covid-19. Bên cạnh đó, tác giả đã hệ thống lại những đặc điểm chung của các rủi ro ở các quốc gia khác nhau và rủi ro hệ thống trong thị trường tài chính trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, Badar Nadeem Ashraf (2020) cũng nghiên cứu tác động của đại dịch Covid-19 lên lợi nhuận từ thị trường chứng khoán. Nghiên cứu này đã so sánh mức độ ảnh hưởng giữa số ca nhiễm Covid-19 và số ca tử vong vì Covid-19 lên thị trường chứng khoán trên toàn thế giới.

Các bài nghiên cứu đã công bố đánh giá ảnh hưởng của Covid-19 lên nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán hầu hết tập trung nghiên cứu ở thị trường chứng khoán của Mỹ hoặc thị trường chứng khoán của nhiều nước trên thế giới, chưa có bài nghiên cứu nào tập trung tại một khu vực nhất định, nơi có những điều kiện khá tương đồng về điều kiện tự nhiên cũng như văn hóa, xã hội. Ngoài ra, các bài nghiên cứu thường tập trung chủ yếu vào đánh giá ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến thị trường tài chính, khá ít các bài đánh giá những ảnh hưởng những tác động của các chính sách đối phó Covid-19 do chính phủ ban hành tác động lên thị trường chứng khoán, đặc biệt là các thị trường chứng khoán châu Á.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở nghiên cứu tổng quan, tác giả sử dụng mô hình hồi quy để xác định ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và các biện pháp đối phó của chính phủ các nước đến thị trường chứng khoán của các nước châu Á. Để đánh giá về ảnh hưởng của chính sách lên thị trường chứng khoán, tác giả sử dụng ba biến độc lập đại diện cho các chính sách: String\_ Index (đo lường các biện pháp đóng cửa các

hoạt động, dịch vụ trong nước); Eco\_index (đo lường các gói hỗ trợ kinh tế của chính phủ); Containment\_health (đo lường ảnh hưởng của các biện pháp xét nghiệm diện rộng). Mô hình đề xuất:

Mô hình 1: Ảnh hưởng trực tiếp của các biện pháp đến thị trường chứng khoán

$$\text{Return} = b_0 + b_1 \text{Gro\_cases} + b_2 (\text{String\_index}, \text{Containment\_health}, \text{Eco\_index}) + b_3 \text{Invest\_Free} + b_4 \log(\text{GDP}) + uijt.$$

Mô hình 2: Ảnh hưởng gián tiếp của các biện pháp đến thị trường chứng khoán

$$\text{Return} = b_0 + b_1 \text{Gro\_cases} + b_2 (\text{String\_index}, \text{Containment\_health}, \text{Eco\_index}) + b_3 (\text{String\_index}, \text{Containment\_health}, \text{Eco\_index}) * \text{Gro\_cases} + b_4 \text{Invest\_Free} + b_5 \log(\text{GDP}) + uijt.$$

Trong đó:

Return: Lợi nhuận thu được hàng ngày từ thị trường chứng khoán.

Gro\_cases: Tỷ lệ số ca nhiễm gia tăng hàng ngày ở một nước trên tổng số ca nhiễm.

String\_index, Containment\_health, Eco\_index: Các chính sách đối phó với Covid-19 của chính phủ các nước.

Invest\_Free: Đo lường mức độ tự do đầu tư vào thị trường tài chính.

Log(GDP): Tổng sản phẩm quốc nội hàng năm của một nước.

những nước châu Á, có những ca nhiễm đầu tiên được công bố trong giai đoạn này. Dữ liệu về lợi nhuận hàng ngày trên thị trường chứng khoán ở các nước được thu thập từ website của Investing (www.investing.com) và tác giả sử dụng một chỉ số thị trường chính ở mỗi nước châu Á để có sự thống nhất về dữ liệu được nghiên cứu. Dữ liệu về các ca nhiễm mới hàng ngày và tổng số ca nhiễm được sử dụng từ website OxCGRt của Đại học Oxford.

Bảng 4: Thống kê ngày có ca nhiễm đầu tiên và chỉ số chứng khoán ở các nước

Quốc gia	Ngày có ca nhiễm đầu tiên	Chỉ số chứng khoán
Bahrain	24/02/2020	Bahrain All Share
China	01/01/2020	Shanghai Composite
India	30/01/2020	BSE Sensex 30
Indonesia	02/03/2020	Jakarta SEC
Israel	21/02/2020	TA 35
Japan	22/01/2020	Nikkei 225
Kazakhstan	13/03/2020	KASE
Lebanon	21/02/2020	BLOM Stock
Malaysia	25/01/2020	FTSE KLCI
Mongolia	10/03/2020	MNE Top 20
Oman	24/02/2020	MSM 30
Pakistan	26/02/2020	Karachi 100
Philippines	30/01/2020	PSEi Composite
Qatar	26/02/2020	QE General
Saudi Arabia	02/03/2020	Tadawul All
Singapore	23/01/2020	FTSE Straits Times Singapore
South Korea	22/01/2020	KOSPI
Taiwan	22/01/2020	Weighted
Thailand	22/01/2020	SET Index
United Arab Emirates	29/01/2020	ADX General
Vietnam	23/01/2020	VN

Bảng 3: Kỳ vọng dấu đối với các biến trong mô hình

Tên biến	Kỳ vọng dấu	Nhóm tác giả tham chiếu
Gro_cases	-	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a), Badar Nadeem Ashraf (2020) (b), Badar Nadeem Ashraf (2020) (c), Abdullah M. Al-Awadhi (2020), Laura Alfaro, Anusha Chari, Andrew Greenland, Peter K. Schott, (2020), Savva Shanaev, Arina Shuraeva, Binam Ghimire (2020), Adam Zaremba, Renatas Kizys, David Y. Aharon, Ender Demir (2020)
String_index	-	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a), Adam Zaremba, Renatas Kizys, David Y. Aharon, Ender Demir (2020)
Containment_health	+	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a)
Eco_index	Không tác động	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a)
Invest_Free	Không tác động	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a), Badar Nadeem Ashraf (2020) (b), Badar Nadeem Ashraf (2020) (c)
Log(GDP)	Không tác động	Badar Nadeem Ashraf (2020) (a), Badar Nadeem Ashraf (2020) (b), Badar Nadeem Ashraf (2020) (c)

### 3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Mẫu dữ liệu nghiên cứu trong giai đoạn từ 01/01 đến 08/08 bởi vì Trung Quốc, một trong

Tác giả đã loại bỏ những quốc gia châu Á không đủ dữ liệu để nghiên cứu và những ngày không có dữ liệu để nghiên cứu, đặc biệt là

ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ của quốc gia để có được bảng dữ liệu cuối cùng.

**4. Kết quả nghiên cứu**

Bảng 5: Thống kê mô tả

Tên biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Return	3371	-.001	.018	-.133	.139
Gro_cases	3371	.065	.349	0	10.5
String_index	3371	.28	3.002	-29.63	41.67
Containment_health	3371	.297	2.596	-24.24	34.09
Eco_support	3371	.323	3.904	-50	100
Invest_Free	3371	57.849	14.685	20	85
Log GDP	3371	26.645	1.605	23.352	30.294

Từ bảng 5, ta thấy trung bình lợi nhuận thị trường đạt mức -0.001, với giá trị lợi nhuận nhỏ nhất là -0.133 ở thị trường Philippines vào ngày 19/03/2020 và giá trị lớn nhất là 0.139 đạt tại thị trường Lebanon và ngày 19/02/2020. Trong khi đó, tỷ lệ ca nhiễm gia tăng hàng ngày đạt trung bình 0.065, giá trị lớn nhất của biến này đạt 10.5 ở Bahrain vào ngày 26/02/2020. Ba chỉ số đánh giá chính sách đối phó Covid-19 của chính phủ có trung bình lần lượt đạt 0.28, 0.297, 0.323. Trong đó, Malaysia là nước có mức áp dụng chính sách đóng cửa và các biện pháp áp dụng xét nghiệm dịch tễ có độ tăng cao nhất, lần lượt là 41.67 và 34.09 trong khi Hàn Quốc có mức áp dụng các chính sách này có độ giảm sâu nhất, lần lượt đạt -29.63 và -24.24. Về các gói hỗ trợ kinh tế của chính phủ, Thái Lan có mức độ áp dụng chính sách này tăng cao nhất, đạt 100 trong khi Philippines có độ giảm cao nhất trong việc sử dụng chính sách này, với độ giảm -50. Trung bình cho các biến phụ đo lường độ tự do đầu tư và GDP đạt lần lượt 57.849 và 26.645.

Bảng 6 trình bày kết quả ước lượng hồi quy theo mô hình đã đề xuất. Kết quả ước lượng cho thấy có một số biến số cho kết quả như kỳ vọng. Hệ số R-squared ở cả ba mô hình lần lượt là 0,4025; 0,4015; 0,3865 cho thấy

mô hình đánh giá tác động của các biện pháp của chính phủ đã giải thích được khoảng 40% sự biến động lợi nhuận của thị trường chứng khoán.

Bảng 6: Tác động của các chính sách đối phó Covid-19 của chính phủ đến thị trường chứng khoán.

	Mô hình (1)	Mô hình (2)
Gro_cases	-.0053*** (.0018)	-.0058*** (.0012)
String_index	-.0001 (.0004)	.0001 (.0003)
Containment_health	-.0001 (.0004)	-.0003 (.0003)
Eco_support	0 (.0001)	.0001 (.0002)
Gro_cases x String_index		-.0009 (.001)
Gro_cases x Containment_health		.001 (.0012)
Gro_cases x Eco_support		-.0015 (.003)
Invest_Free	0 (0)	0 (0)
Log_GDP	.0003*** (.0001)	.0003*** (.0001)
Country fixed-effects dummies	YES	YES
Daily fixed-effects dummies	YES	YES
_cons	-.0077*** (.0024)	-.0081*** (.0024)
Observations	3371	3371
R <sup>2</sup>	0.4015	0.3865

*Robust standard errors are in pare*  
\*\*\* p<.01, \*\* p<.05, \* p<.1

Biến Gro\_cases thể hiện sự gia tăng của ca nhiễm mới trong ngày trên tổng số ca nhiễm mang dấu âm trong cả 3 mô hình, có ý nghĩa về mặt thống kê và phù hợp với kết quả của các bài nghiên cứu trước (Badar Nadeem Ashraf (2020), Abdullah M. Al-Awadhi (2020)). Như vậy, sự gia tăng các ca nhiễm mới trong ngày sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán các châu Á. Mô hình cho thấy khi số ca mắc Covid-19 mới trong ngày tăng lên 1%

thì lợi nhuận thị trường chứng khoán sẽ giảm 0,053%.

Các biến `String_index`, `Containment_health` và `Eco_support` thể hiện sự tác động của các chính sách đối phó với dịch Covid-19 của chính phủ không tác động đến sự biến động của thị trường chứng khoán trong cả 3 mô hình. Ở châu Á, các chính sách đối phó Covid-19 khi được thực thi cần có một thời gian nhất định để cho thấy sự hiệu quả trong việc giảm mức độ lây lan của Covid-19 và ảnh hưởng đến sự biến động lợi nhuận trên thị trường chứng khoán. Do đó, các chính sách này không cho kết quả ngay trên thị trường chứng khoán mà cần có một độ trễ nhất định, dù là theo cách trực tiếp ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán hay gián tiếp tác động đến thị trường chứng khoán thông qua việc làm giảm số ca nhiễm và giúp phục hồi của nền kinh tế.

Biến GDP thể hiện sự phát triển của một thị trường. Theo kết quả của bảng 6, GDP có tác động tích cực đến lợi nhuận của thị trường chứng khoán và có ý nghĩa thống kê. Theo đó, một nước phát triển có bảo đảm của GDP cao sẽ là sự đảm bảo điều tiết ổn định hơn nền kinh tế trong giai đoạn nền kinh tế bị suy thoái do dịch bệnh gây ra, là nơi an toàn hơn để các nhà đầu tư tiến hành đầu tư vào.

## 5. Kết luận

Kết quả từ mô hình chỉ ra rằng sự gia tăng số ca nhiễm Covid-19 hàng ngày sẽ tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán. Do đó, chính phủ các nước cần đẩy mạnh các biện pháp phòng chống dịch bệnh để tránh những ảnh hưởng đến thị trường tài chính này.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các biện pháp đối phó với Covid-19 của chính phủ không tác động ngay đến thị trường chứng khoán theo cả hình thức trực tiếp và gián tiếp mà cần có độ trễ về thời gian nhất định.

Nghiên cứu đã cho thấy cái nhìn trực quan hơn về tác động của sự gia tăng số ca nhiễm Covid-19 và ảnh hưởng của các chính sách đối phó đến thị trường chứng khoán ở các nước châu Á, nơi khởi đầu của virus Corona và nơi được xem là có các biện pháp chống Covid-19 hiệu quả nhất so với các châu lục khác.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abdullah M.Al-Awadhi, Khaled Alsaifi, Ahmad Al-Awadhi, Salah Alhammedi. (2020). Death and contagious infectious diseases: Impact of the COVID-19 virus on stock market returns. *Journal of Behavioral and Experimental Finance*.
- Ali M., Alam N., Rizvi S.A.R. (2020) . Coronavirus (COVID-19) – An epidemic or pandemic for financial markets. *Journal of Behavioral and Experimental Finance*.
- Ashraf, B. N. (2020) (a). Economic impact of government interventions during the COVID-19 pandemic: International evidence from financial markets. *Journal of Behavioral and Experimental Finance*.
- Ashraf, B.N (2020).(b) Stock markets' reaction to COVID-19: cases or fatalities? *Research in International Business and Finance*.
- Conlon T., Corbet S., McGee R.J. (2020). Are cryptocurrencies a safe haven for equity markets? An international perspective from the COVID-19 pandemic. *Research in International Business and Finance*.
- Corbet S., Hou Y., Hu Y., Lucey B., Oxley L. (2020). Aye Corona! The contagion effects of being named Corona during the COVID-19 pandemic. *Finance Research Letters*.
- Corbet S., Larkin C., Lucey B. (2020). The contagion effects of the COVID-19 pandemic: Evidence from gold and cryptocurrencies. *Finance Research Letters*.
- Hale T., Webster S., Petherick A., Phillips T.,Kira B. (2020). Oxford Covid-19 government response tracker. *Blavatnik School of Government* 25.
- Laura Alfaro, Anusha Chari, Andrew Greenland, Peter K. Schott. (2020). Aggregate and Firm-Level Stock Returns During Pandemics, in Real Time. *National Bureau of Economic Research*.
- Nadeem Ashraf, B. (2020) (c). Stock markets' reaction to COVID-19: Moderating role of national culture.
- Scott R. Baker, Nicholas Bloom, Kyle Kost, Marco Sammon, Tasaneeya Viratyosin. (2020). The Unprecedented Stock Market Reaction to COVID-19: Covid Economics: Vetted and Real-Time Papers 1. *The Review of Asset Pricing Studies*.
- Sharif A., Aloui C., Yarovaya L. (2020). COVID-19 pandemic, oil prices, stock market, geopolitical risk and policy uncertainty nexus in the US economy: Fresh evidence from the wavelet-based approach. *International Review of Financial Analysis*.
- Thomas Conlon, Richard McGee. (2020). Safe haven or risky hazard? Bitcoin during the Covid-19 bear market. *Finance Research Letters*.
- Zhang D., Hu M., Ji Q. (2020). Financial markets under the global pandemic of COVID-19. *Finance Research Letters*.
- Riyanti Djalante, Jonatan A. Lassa, Laely Nurhidayah, Hoang Van Minh. (2020). The ASEAN's responses to COVID-19: A policy sciences analysis.
- Adam Zaremba, Renatas Kizys, David Y. Aharon, Ender Demir. (2020). Infected Markets: Novel Coronavirus, Government Interventions, and Stock Return Volatility around the Globe. *Finance Research Letters*.
- Savva Shanaev, Arina Shuraeva, Binam Ghimire. (2020). The Financial Pandemic: COVID-19 and Policy Interventions on Rational and Irrational Markets

# TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**Bùi Thị Thúy Nhi**  
K17412

**Đỗ Lê Thu Hằng**  
K18404

**Lê Thị Thảo Nghi**  
K19413

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đã cùng nỗ lực với các nước trên Thế Giới đề ra giải pháp quyết liệt để kiểm soát dịch bệnh và tái khởi động nền kinh tế nhằm tạo việc làm bền vững cho hàng chục triệu người lao động. Dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của hầu hết các tổ chức và công việc của người lao động trong các lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Bài viết phân tích tác động của đại dịch Covid-19 làm cho hàng triệu người bị mất việc và giảm thu nhập tại Việt Nam cũng như những giải pháp cải thiện thị trường lao động hậu Covid-19.

**Từ khóa:** Covid-19, Việt Nam, người lao động, việc làm, thu nhập bình quân người lao động.

## 1. Tình hình việc làm và doanh thu của người lao động trước Covid -19

Theo một báo cáo mới của Tổ chức Lao động Quốc tế được công bố tại Diễn đàn lao động Việt Nam 2019, Việt Nam đang sở hữu dân số đặc biệt năng động, với tỷ lệ tham gia thị trường lao động ở mức hơn 70% đối với phụ nữ (so với mức trung bình 48% trên thế giới), và 81% với nam giới. Đây là một cơ hội lớn tạo đà phát triển trong sự nghiệp “công nghiệp hóa hiện đại hóa” đất nước.

## 2. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến cơ hội việc làm và doanh thu của người lao động

### 2.1 Sơ lược diễn biến dịch Covid-19

Virus corona gây hội chứng hô hấp cấp tính nặng 2, viết tắt SARS-CoV-2, trước đây có tên tạm thời là virus corona mới 2019 (2019-nCoV), là một chủng coronavirus gây ra bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus corona 2019 (COVID-19), xuất hiện lần đầu tiên vào tháng 12 năm 2019, trong đợt bùng phát đại dịch COVID-19 ở thành phố Vũ Hán và bắt đầu lây lan nhanh chóng sau đó, trở thành một đại dịch toàn cầu. Vào ngày 12 tháng 01 năm 2020, nó được Tổ chức Y tế Thế giới gọi tên là 2019-nCoV, dựa trên một phương thức đặt tên cho virus corona mới. Đến ngày 11 tháng 2 năm 2020, Ủy ban Quốc tế về Phân loại Vi-

rus (ICTV) quyết định đặt tên chính thức cho chủng virus corona mới này là SARS-CoV-2 khi họ phân tích rằng nó cùng loài với virus SARS từng gây ra đại dịch năm 2003 nhưng là một chủng khác của loài. Virus này là một loại virus corona ARN liên kết đơn chính nghĩa. Trên Thế Giới đã ghi nhận gần 25 triệu người bị nhiễm với hơn 800 nghìn người tử vong được ghi nhận vào 30/08 vừa rồi, đây được xem là một đại dịch lớn của nhân loại. Nó ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt và gây khủng hoảng nền kinh tế Thế Giới trầm trọng, trong đó có Việt Nam. Sau khi vượt qua 99 ngày không có trường hợp mắc ca nhiễm, Việt Nam đã quay lại “cuộc chiến” đấu tranh với Covid-19. Mỗi lứa bùng nổ tại tâm dịch Đà Nẵng và Bắc Ninh sau đó lan truyền sang các tỉnh và thành phố như Hải Dương, TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, ...

### 2.2 Nhu cầu giảm mạnh dẫn đến dư nhân công

Dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, thậm chí đứng trước bờ vực phá sản buộc phải cắt giảm nguồn nhân sự hoặc cắt giảm thu nhập khiến hàng triệu người lao động mất việc. Khi bắt đầu có ca nhiễm tại Việt Nam, người dân có tâm lý hoang mang lo lắng dẫn đến hành vi tích trữ phòng ngừa nhất là khi có tin 3 người VN nhiễm Covid- 19. Sau đó, khi liên tiếp có thông tin 3 bệnh nhân được xuất viện trong 3



ngày, tâm lý người dân ổn định hơn, bắt đầu có hành vi giải cứu hỗ trợ (Thanh Long, Tôm Hùm). Tuy nhiên, tâm lý người dân sẽ rất dễ thay đổi với những thông tin mới nhất (ổ dịch tại Hàn Quốc, Nhật Bản, các ca tái nhiễm tại Trung Quốc). Tiếp đến, việc cách ly xã hội cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động xã hội. Các hoạt động tập trung đông người đều bị cấm do đó mọi người chỉ ra ngoài khi thật cần thiết. Các nhu cầu giải trí, vui chơi, mua sắm,... đều bị con người bỏ qua dẫn đến việc dư nhân công tại các quán, quầy bán hàng; những sản phẩm không cần thiết như quần, áo, túi xách,... tồn kho rất nhiều. Du lịch, học tập, giải trí là những hoạt động được cho là bị ảnh hưởng nhiều nhất với mức độ ảnh hưởng mạnh lần lượt là 36%, 29%, 22%. Trong khi đó, các mặt hàng như khẩu trang, nước rửa tay, sát khuẩn,... được bán rất chạy và hầu như không hàng tồn kho (trừ trường hợp người bán giữ hàng).

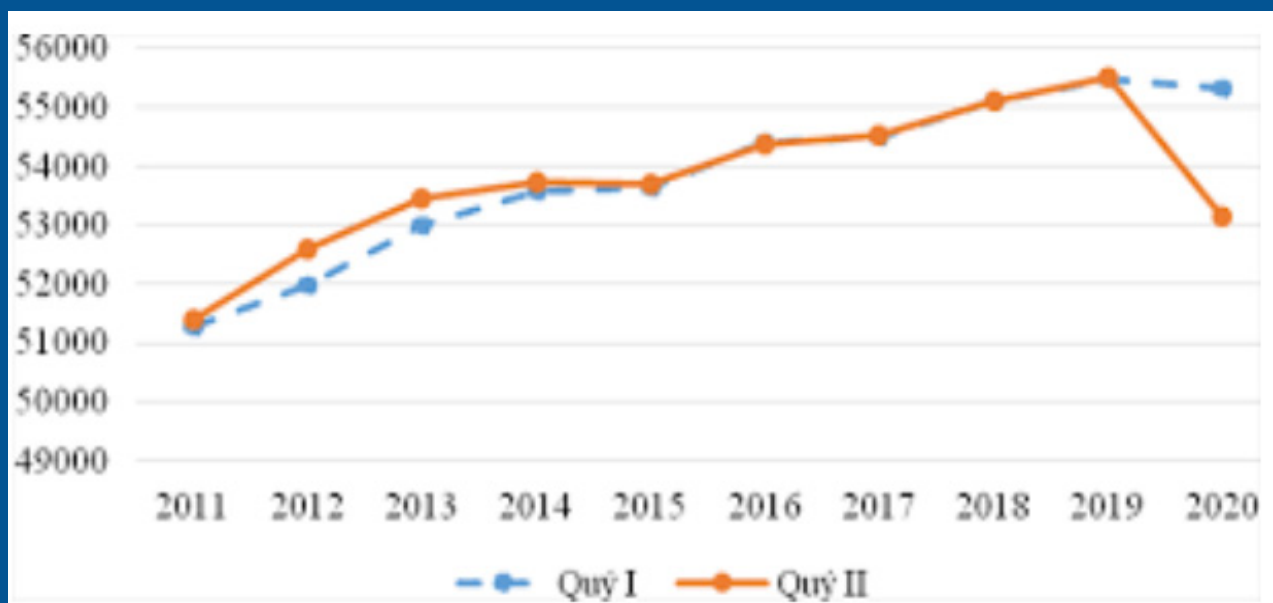
**2.3 Hậu quả của việc dư nhân công: Người lao động phải nghỉ giãn việc, luân phiên và giảm giờ làm.**

Tính đến tháng 6 năm 2020, cả nước có 30,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 bao gồm những người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập,... Ảnh hưởng do giảm thu nhập chiếm tỷ trọng cao

nhất với 57,3% tổng số người bị ảnh hưởng (tương ứng 17,6 triệu người). Trong tổng số 30,8 triệu người bị ảnh hưởng, có 28,7 triệu người có việc làm; 897,5 nghìn người thất nghiệp và 1,2 triệu người nằm ngoài lực lượng lao động (không tham gia hoạt động kinh tế). Khu vực Dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 72,0% lao động bị ảnh hưởng, tiếp đến là khu vực Công nghiệp và xây dựng với 67,8% lao động bị ảnh hưởng; tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng trong khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản là 25,1%. Lực lượng lao động giảm sâu kỷ lục, lao động nữ là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lao động nam trong bối cảnh dịch Covid-19. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý II năm 2020 là 53,1 triệu người, giảm 2,2 triệu người so với quý trước và giảm 2,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm ghi nhận mức giảm sâu kỷ lục của lực lượng lao động từ trước đến nay. Cụ thể, lực lượng lao động quý II của các năm trong giai đoạn 2012 - 2019[3] liên tục tăng so với quý trước (trừ năm 2016, lực lượng lao động quý II giảm 43,5 nghìn người so với quý trước) và liên tục tăng so với cùng kỳ năm trước (trừ năm 2015, lực lượng lao động quý II giảm 7,1 nghìn người so với cùng kỳ năm 2014);

trong khi đó, quý II năm 2020 đánh dấu sự sụt

Hình 1: Lực lượng lao động quý I và quý II các năm giai đoạn 2011-2020



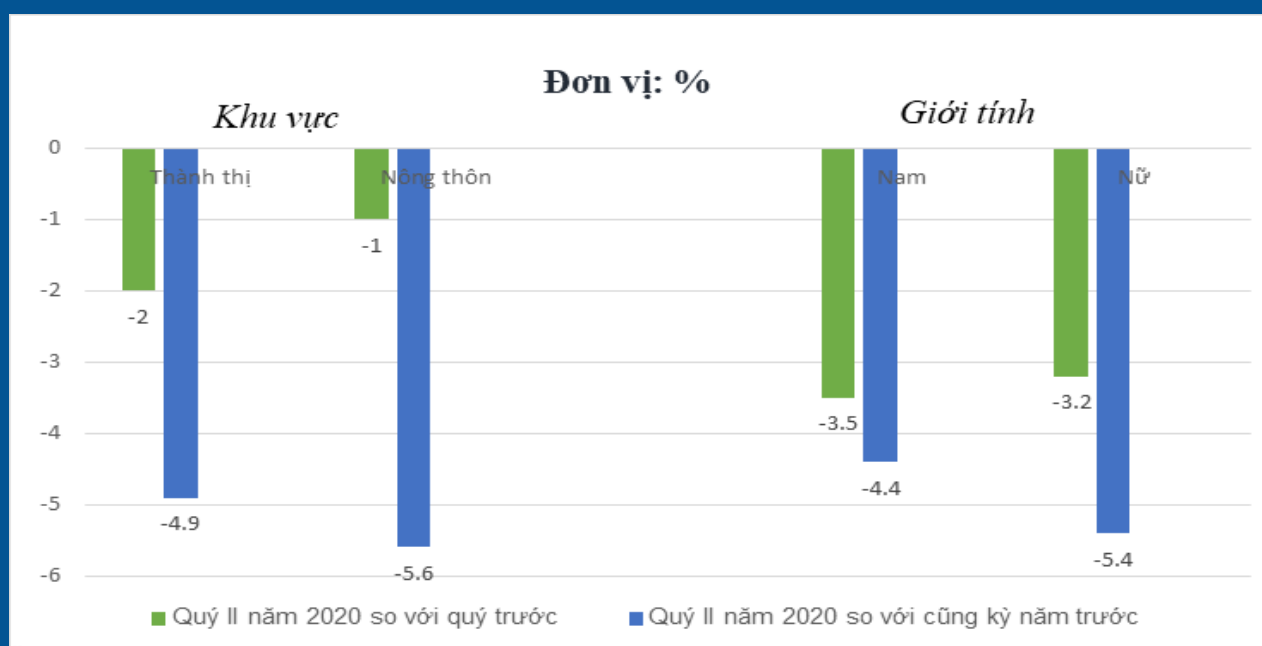
Đơn vị: Nghìn người

giảm lực lượng lao động lên tới hơn 2 triệu người - mức giảm chưa từng có trong thập kỷ vừa qua.

Đối với cả nhóm lực lượng lao động trong độ tuổi và ngoài độ tuổi, lực lượng lao động nữ luôn là nhóm chịu ảnh hưởng nặng nề hơn so với lực lượng lao động nam trong bối cảnh dịch Covid-19 tác động sâu rộng tới thị trường lao động tại Việt Nam. Trong quý II năm 2020, lực lượng lao động nữ trong độ tuổi giảm 4,9% so với quý trước và giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức giảm của lực lượng lao động nam trong độ tuổi (giảm 3,9% so với quý trước và giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước). Đối với nhóm ngoài độ tuổi lao động, trong khi lực lượng lao động nữ ghi nhận mức giảm lần lượt là 1,8% so với quý trước và 4,9% so với cùng kỳ năm trước, lực lượng lao động nam ngoài độ tuổi thậm chí tăng nhẹ (tăng 0,8% so với quý trước và tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước). Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý II năm 2020 là 72,3%, giảm 3,1 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 4,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn nông thôn ở tất cả các nhóm tuổi, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 15-24 tuổi (thành thị: 45,3%; nông thôn: 60,1%) và nhóm từ 55 tuổi trở lên (thành thị: 28,1%; nông thôn: 50,9%).

So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giảm ở tất cả các nhóm tuổi; trong đó, nhóm dân số từ 55 tuổi trở lên tại khu vực thành thị có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giảm sâu nhất (giảm 10,3 điểm phần trăm) trong khi mức giảm của các nhóm tuổi khác ở khu vực thành thị là dưới 3,0 điểm phần trăm và mức giảm của nhóm tuổi này ở khu vực nông thôn chỉ là 3,8 điểm phần trăm. Điều này cho thấy dịch Covid-19 đã tác động làm giảm cung ứng thị trường lao động ở tất cả các nhóm tuổi, đặc biệt là nhóm từ 55 tuổi trở lên tại khu vực thành thị. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý II năm 2020 là 51,8 triệu người, giảm 2,4 triệu người so với quý trước và giảm gần 2,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước, đây là mức giảm nhiều nhất trong vòng 10 năm qua[5]. Trong đó, lao động giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn và lao động nữ, số người có việc làm ở khu vực nông thôn giảm 1,8 triệu người so với quý trước và gần 2,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước; lao động nữ giảm 1,2 triệu người so với quý trước và giảm 1,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lao động làm công hưởng lương giảm gần 1,2 triệu người so với quý trước; nhóm lao động yếu thế (lao động tự làm và lao động gia đình) giảm 1,1 triệu người so với quý trước. Lao động có việc làm trong quý II năm 2020 giảm tương ứng so với mức giảm của lực lượng lao động.

Hình 2: Mức giảm của lực lượng lao động chia theo khu vực và giới tính



Điều này cho thấy dịch Covid-19 đã làm cho đa số người lao động mất việc phải tạm thời rời khỏi thị trường lao động trong thời gian dịch bệnh lây lan, đặc biệt là trong tháng 4 năm 2020 khi các biện pháp giãn cách xã hội được áp dụng nghiêm túc và triệt để. Một số ngành có số lao động giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (giảm 324,6 nghìn người); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (giảm 156,9 nghìn người); ngành giáo dục và đào tạo (giảm 122,7 nghìn người); ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (giảm 120 nghìn người). Lao động trong một số nghề giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước như: nghề lao động giản đơn giảm gần 1,5 triệu người, tương ứng giảm gần 8%; nhóm thợ thủ công và các thợ có liên quan giảm 515 nghìn người, tương ứng giảm 6,6%; lao động trong nhóm nghề chuyên môn kỹ thuật bậc trung giảm hơn 322 nghìn người, tương ứng giảm 16,5%.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng bắt đầu tăng lên khi dịch Covid-19 xuất hiện. Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động có nhu cầu làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng lực lượng lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế. Đây là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường, phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại nhưng duy trì ở mức ổn định. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội. Kết quả điều tra lao động việc làm từ năm 2018 đến nay cho thấy, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam dao động ở mức 4,0%. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng bắt đầu tăng lên khi dịch Covid-19 xuất hiện từ tháng 1 năm 2020 tại Việt Nam, chiếm 4,6% vào quý I năm 2020 và 5,8% vào quý II năm 2020. Đa số lao động không sử

dụng hết tiềm năng là những người dưới 34 tuổi (52,6%), trong khi đó lực lượng lao động dưới 34 tuổi chỉ chiếm 36,5%. Điều này cho thấy tỷ trọng lao động trẻ của Việt Nam tham gia vào thị trường lao động không cao nhưng mức độ “không sử dụng hết tiềm năng” của họ cao hơn nhiều so với lao động nhóm tuổi khác. Như vậy, việc tận dụng lợi thế về lao động trẻ và có kỹ năng còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh xuất hiện dịch Covid-19 tại Việt Nam.

**2.4 Thu nhập bình quân người lao động giảm**  
Sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 và các biện pháp giãn cách xã hội là nguyên nhân khiến hàng nghìn người Việt bị mất việc hoặc giảm thu nhập.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê thì năm nay là lần đầu tiên trong 5 năm qua ghi nhận bình quân tháng của người lao động trong quý II năm 2020 giảm đi so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động là 5,2 triệu đồng, giảm 525 nghìn đồng so với quý trước và giảm 5,1% (giảm 279 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, thu nhập bình quân tháng của lao động quý II năm 2019 tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao hơn 1,4 lần so với thu nhập của lao động nữ (6,1 triệu đồng và 4,3 triệu đồng) và thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao hơn lao động ở khu vực nông thôn 1,5 lần (tương ứng 6,7 triệu đồng và 4,5 triệu đồng).

So với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của lao động quý II năm 2020 trong 3 khu vực kinh tế thì khu vực Dịch vụ giảm mạnh nhất (giảm 7,3%), khu vực Công nghiệp và Xây dựng giảm 5,1%; khu vực Nông, lâm ngư nghiệp và thủy sản giảm 2,8%.

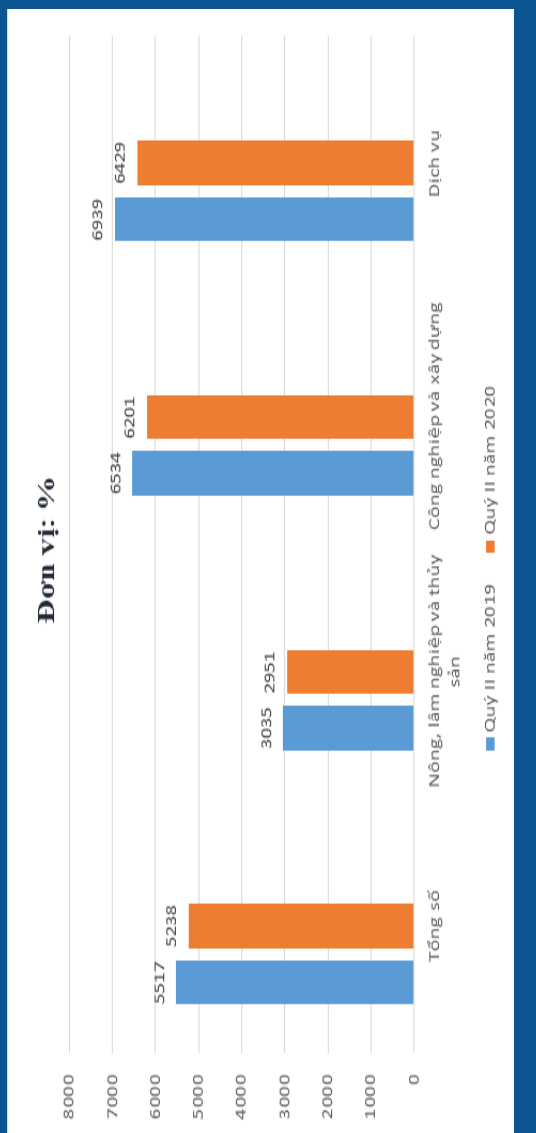
Thu nhập bị ảnh hưởng khiến thói quen hàng ngày của người Việt Nam thay đổi đáng kể. Hộ gia đình có thu nhập thấp phải thắt chặt chi tiêu. Các khoản bị cắt giảm mạnh nhất so với cùng kỳ năm ngoái là ngành nghệ thuật, vui chơi, giải trí (giảm 19,2%); ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống (giảm 18,3); ngành vận tải kho bãi (giảm 12,8%); ngành bán buôn và bán lẻ, sửa chữa

ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (giảm 9,1%).

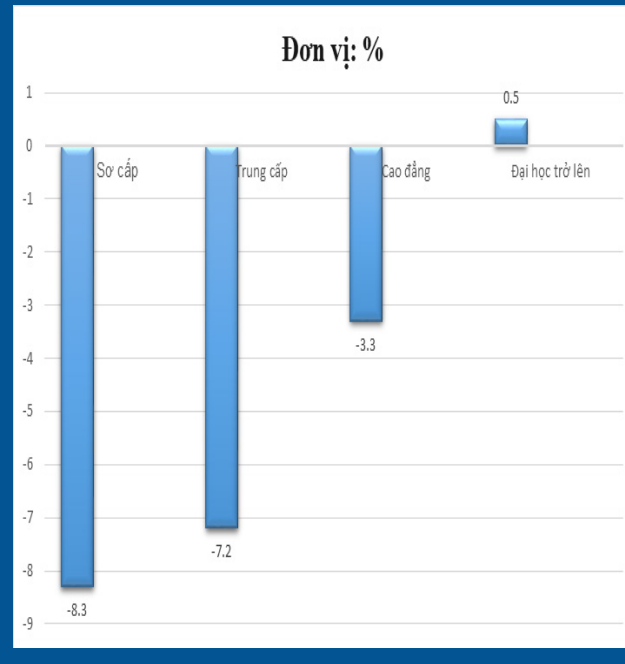
So với vùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của lao động là giảm cao nhất là chủ cơ sở (giảm 17,3%); lao động tự làm giảm 7,6%; lao động làm công hưởng lương giảm 2,8%.

Thu nhập bình quân tháng của lao động có trình độ càng cao, mức giảm thu nhập càng thấp. Người lao động càng có bằng cấp, trình độ cao hơn thì càng bị giảm thu nhập ít hơn. So với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân của người có trình độ đại học trở lên tăng 0,5 trong khi đó lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp giảm lần lượt 3,3%, 7,2% và 8,3%. Mức giảm thu nhập bình quân chủ yếu tập trung ở nhóm người lao động phổ thông.

Hình 3: Thu nhập bình quân tháng của lao động theo khu vực kinh tế



Hình 4: Tỷ lệ tăng/giảm thu nhập bình quân của người lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật so với cùng kỳ năm trước



### 3. Những giải pháp cải thiện thị trường lao động hậu Covid-19

Thực tế cho thấy, tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đối với thị trường lao động đã khiến nhiều gia đình mất thu nhập và thậm chí mất cả nguồn sinh kế. Điều này không những dẫn đến những biến động trên thị trường lao động, mà tác động của nó còn mang tính xã hội. Chính phủ đã tích cực hỗ trợ kịp thời cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề nhất bằng việc nới lỏng chính sách tiền tệ, hỗ trợ tín dụng cũng như thực hiện một loạt các biện pháp tài khóa khác. Việc nền kinh tế phục hồi nhanh là rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn đó là nền kinh tế cần phục hồi bền vững. Để bảo vệ và tạo việc làm, cần có những chính sách thúc đẩy việc làm và tăng cường vốn nhân lực.

**Thứ nhất**, trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc quy mô sản xuất, kinh doanh cần tập trung các biện pháp đảm bảo thu nhập cho người lao động và hộ gia đình cũng như hạn chế tình trạng mất việc. Vì vậy, phải có chính sách hỗ trợ tiền lương để khuyến khích doanh nghiệp duy trì và tuyển dụng lao động thuộc các nhóm dễ bị tổn thương như lao động nghèo, tay nghề thấp hoặc lao động

phi chính thức, lao động di cư, người khuyết tật,... Hỗ trợ này cần được thực hiện phù hợp với Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tổ chức các lớp đào tạo miễn phí về khởi nghiệp cũng như kỹ năng lao động.

**Thứ hai**, thúc đẩy tạo việc làm trong các lĩnh vực có tiềm năng phục hồi việc làm nhanh hơn bằng cách các dịch vụ việc làm cần được triển khai để kết nối người lao động đặc biệt những người lao động thuộc nhóm dễ bị tổn thương và mất việc làm với công việc như hỗ trợ tìm việc làm, cung cấp thông tin về thị trường lao động và trợ cấp tìm kiếm việc làm.

**Thứ ba**, đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phục hồi hoạt động kinh tế của tất cả các ngành, đặc biệt là các ngành ảnh hưởng lớn của dịch Covid-19 như ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bán buôn và bán lẻ, dịch vụ lưu trú và ăn uống; vận tải...

**Thứ tư**, cần có chiến lược phát triển nguồn lực bằng cách cải tổ để tăng cường phối hợp giữa các bộ phận chịu trách nhiệm về giáo dục và đào tạo nghề. Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia sâu vào đào tạo, đào tạo lại cho người lao động tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp để kịp thời cung cấp lực lượng lao động trở lại hậu dịch Covid-19. Đồng thời, tăng cường liên kết nhà trường với doanh nghiệp, định hướng nhu cầu đào tạo nghề và nhu cầu của doanh nghiệp cũng như có các biện pháp khuyến khích nhận sinh viên thực tập.

**Thứ năm**, doanh nghiệp và người lao động cần nắm bắt nhu cầu lao động của nền kinh tế trong bối cảnh chuyển đổi phương thức sản xuất đáp ứng yêu cầu mới sau khi xảy ra dịch Covid-19 để đào tạo, nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu lao động trong xã hội.

Do đó, các biện pháp định hướng lại kinh tế cần được giới thiệu, công bố rộng rãi để người lao động, doanh nghiệp và toàn

xã hội được biết, nhằm phục hồi niềm tin vào tương lai sau dịch Covid-19.

#### 4. Kết luận

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả quốc gia trên thế giới, hiện nay đang diễn biến phức tạp. Nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm và thu nhập của người lao động thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng. Vừa chống dịch vừa đảm bảo hoạt động kinh tế xã hội bị ảnh hưởng thấp nhất là điểm chỉ đạo công tác phòng chống dịch Covid-19 của Chính phủ Việt Nam hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Sơn.M (2020.07.10). Retrieved from <https://vnexpress.net/gan-31-trieu-nguoi-mat-viec-giam-thu-nhap-vi-covid-19-4128450.html>

[2] Dương.N (2019.11.27). Retrieved from <http://vneconomy.vn/viet-nam-khong-can-them-nhieu-viec-lam-nhung-can-viec-lam-tot-hon-20191127114156697.htm>

[3] Dương.N (2019.10.10). Retrieved from <http://vneconomy.vn/chat-luong-lao-dong-thap-viet-nam-se-danh-mat-co-hoi-dan-so-vang-20191010145628632.htm>

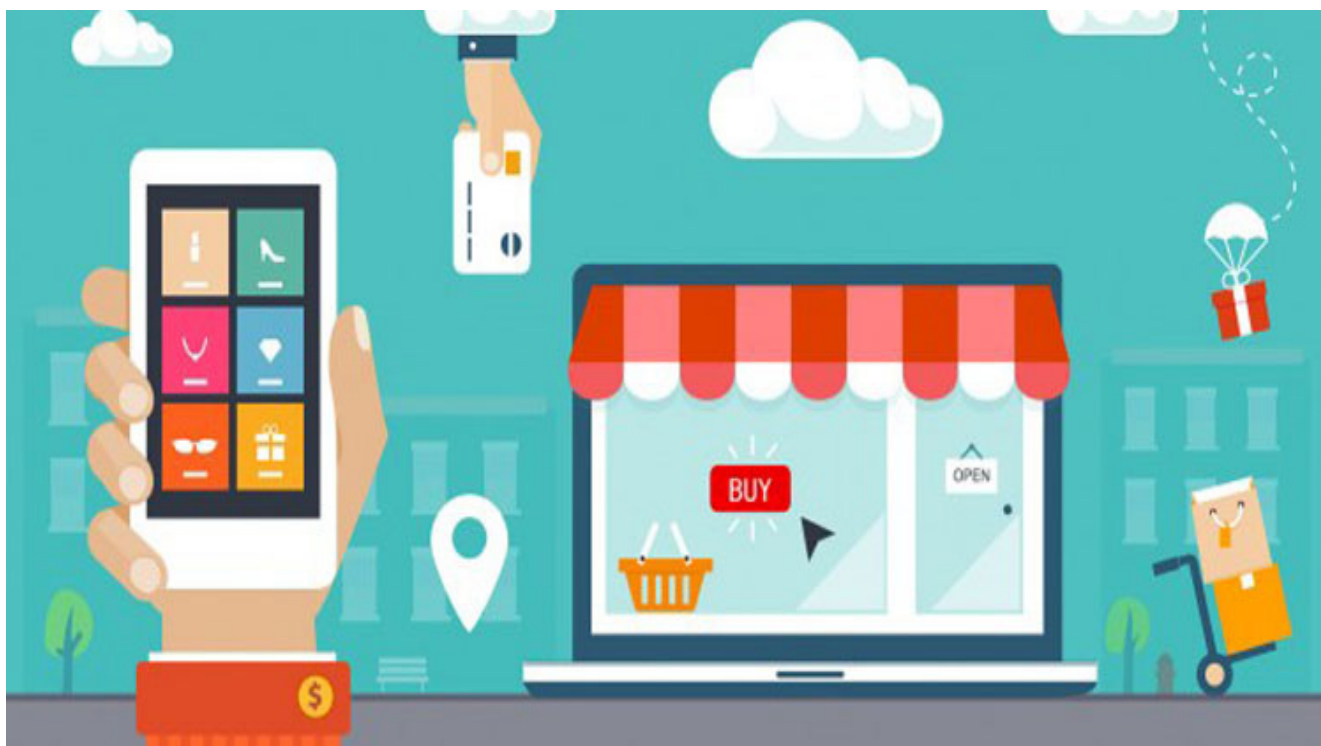
[4] baodongnai. (2020, 05 30). Retrieved from <http://www.baodongnai.com.vn: http://www.baodongnai.com.vn/tieu-diem/202005/khoi-dong-thi-truong-lao-dong-thoi-hau-covid-19-3005896/>

[5] Đảng Cộng Sản Việt Nam. (2020, 06 22). Retrieved from [dangcongsan.vn: http://dangcongsan.vn/kinh-te/bai-3-thuc-day-viec-lam-thoi-covid-19-557473.html](http://dangcongsan.vn: http://dangcongsan.vn/kinh-te/bai-3-thuc-day-viec-lam-thoi-covid-19-557473.html)

[6] Đông, P. (2020, 07 18). Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Retrieved from [www.vcci.com.vn: https://www.vcci.com.vn/90-nguoi-viet-bi-giam-thu-nhap-vi-covid-19](http://www.vcci.com.vn: https://www.vcci.com.vn/90-nguoi-viet-bi-giam-thu-nhap-vi-covid-19)

[7] Hình, Đ. T. (2020, 05 01). bbc. Retrieved from [bbc. Retrieved from https://www.bbc.com/vietnam-ese/forum-52424243](https://www.bbc.com/vietnam-ese/forum-52424243)

[8] Tổng cục Thống kê. (n.d.). Retrieved from [gso.gov.vn https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=1967](https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=1967)



# PHÁT TRIỂN BÁN HÀNG TRỰC TUYẾN TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

Trương Công Quốc Bảo

K18504

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang

K18504

Theo khoản 1 Điều 3 Nghị định 52/2013/NĐ-CP, Hoạt động thương mại điện tử là việc tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình của hoạt động thương mại bằng phương tiện điện tử có kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông di động hoặc các mạng mở khác. Đồng thời, thương mại điện tử cũng là xu hướng của thời đại toàn cầu hóa, đây là lĩnh vực tiềm năng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ sinh lợi và phát triển, cơ hội cho những ai muốn khởi nghiệp kinh doanh theo mô hình mới. Mô hình kinh doanh thương mại điện tử được xem như một trong những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Trong bối cảnh dịch Covid - 19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tình hình dịch bệnh đang từng bước được kiểm soát, tuy nhiên nhiều lĩnh vực, ngành kinh tế bị vẫn đang bị tác động, ảnh hưởng xấu. Với tâm lý tránh tiếp xúc gần với tác nhân gây bệnh trong thời điểm dịch bệnh, người dân có xu hướng lựa chọn sử dụng phương thức trực tuyến để đặt hàng thay vì mua hàng tại điểm bán truyền thống, điều này trực tiếp tác động đến xu hướng tăng trưởng của thương mại điện tử so với các thời điểm trước đó.

## 1. Bối cảnh thị trường bán lẻ trực tuyến toàn thế giới sau tác động của Covid - 19

Người tiêu dùng trên thế giới ngày càng có xu hướng ưu tiên mua sắm trực tuyến, đặc biệt là trong khoảng thời gian dịch Covid - 19 vẫn còn đang hoành thành và làn sóng bùng phát đợt dịch thứ 2 tại Việt Nam và một số nước trên thế giới. Trong bối cảnh này, nền kinh tế thế

giới vẫn đang trong trạng thái suy thoái, các ngành hàng không, dịch vụ và bán lẻ chịu ảnh hưởng lớn từ việc gián đoạn chuỗi cung ứng và các biện pháp giãn cách xã hội khiến cho các doanh nghiệp phải tạm ngừng tất cả hoạt

động và trên bờ vực phá sản trong giai đoạn khó khăn này. Các doanh nghiệp đang phải vật

lộn để tồn tại, thích nghi với sự thay đổi.

Người tiêu dùng đang có xu hướng quan tâm hơn đến việc tiêu dùng an toàn cho sức khỏe và việc mua sắm qua các nền tảng thương mại điện tử đang dần hình thành trong giai đoạn giãn cách xã hội. Xu hướng tiêu dùng nói trên đang trở thành thói quen của người tiêu dùng Việt Nam và sâu sắc hơn, nó có thể dẫn đến những thay đổi vĩnh viễn trong thế giới tiêu dùng hậu Covid - 19. Khi hành vi mua sắm của người tiêu dùng càng ngày hạn chế việc tiếp xúc, giảm dần mua sắm tại các điểm bán hàng truyền thống, tăng tần suất giao dịch trực tuyến cũng là thời điểm các doanh nghiệp bán lẻ khảo sát lại sở thích và thói quen của người tiêu dùng. Thay đổi phương thức cung cấp hàng hóa dựa trên sự phát triển không ngừng nghỉ của các nền tảng thương mại điện tử tạo điều kiện khiến cho thị trường bán lẻ trực tuyến trở dậy mạnh mẽ và sôi động hơn bao giờ hết trong bối cảnh hiện nay.

Khi dịch Covid - 19 lan rộng và được Tổ chức Y tế Thế giới chính thức tuyên bố là đại dịch, phản ứng của người dân là mua tích trữ hàng hóa. Họ mua các vật dụng y tế như nước rửa tay sát khuẩn và khẩu trang cũng như các mặt hàng gia dụng thiết yếu như giấy vệ sinh, bánh mì, mì gói... Việc hạn chế mua sắm trừ các mặt hàng thiết yếu đang trở thành điều bình thường. Khi người dân tuân thủ yêu cầu giãn cách xã hội như một cách để làm chậm tốc độ lây lan của dịch bệnh, một điều dễ hiểu là mua sắm tại các cửa hàng giảm đi, trong khi mua sắm trực tuyến tăng lên. Các nhà bán lẻ hàng gia dụng và thực phẩm đã chứng kiến doanh số tăng mạnh. JD.com, nhà bán lẻ trực tuyến lớn nhất Trung Quốc, có doanh thu từ hàng gia dụng tăng gấp bốn lần so với năm ngoái.

Theo một khảo sát của Engine, các gia đình chi tiêu cho việc mua hàng trực tuyến tăng trung bình 10-30%. Lượng mua thực phẩm trực tuyến trong tuần thứ hai của tháng Ba tăng vọt khi người tiêu dùng chuyển sang mua trực tuyến những mặt hàng họ cần nhưng đã không còn ở các cửa hàng. Người tiêu dùng cũng chọn mua trực tuyến với một loạt các sản phẩm khác. Tại thời điểm này, các dịch vụ tiện ích cũng chứng kiến xu hướng gia tăng

mạnh về doanh thu. Trước sự thay đổi đó, cả các cửa hàng thực tế và trực tuyến đều phải thích ứng và linh hoạt để đáp ứng. Tập đoàn thương mại điện tử Amazon cho biết hoạt động trên web của tập đoàn tăng mạnh và đã phải thuê thêm 100.000 người làm công việc giao hàng và xếp kho khi các đơn hàng trực tuyến tăng mạnh. Các nhà bán lẻ cũng đã chuyển từ bán hàng tại cửa hàng theo cách truyền thống sang bán hàng trực tuyến. Điều này giúp khách hàng kiểm soát được thời gian mua hàng và mặt hàng nào sẽ mua cũng như cách thức giao hàng.

Theo công cụ theo dõi trực tuyến của trang tiếp thị Emarsys và trang phân tích GoodData, lượng đơn đặt hàng trong hai tuần từ ngày 22/3 đến ngày 4/4 của các nhà bán lẻ trực tuyến chỉ qua trang web ở Mỹ và Canada tăng 52% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh số của nhóm này trong hai tuần đó tăng 30%. Với các nhà bán lẻ tại cửa hàng, số đơn đặt hàng trực tuyến tại Mỹ và Canada tăng 56% trong hai tuần nói trên, còn doanh số bán trực tuyến tăng 43%. Trong thời điểm mà người tiêu dùng tích trữ các mặt hàng thiết yếu, doanh số bán thực phẩm trực tuyến tăng mạnh hơn doanh thu thương mại điện tử nói chung. Theo hãng tư vấn bán hàng và tiếp thị thực phẩm Brick Meets Click, doanh số bán thực phẩm trực tuyến trong cả tháng Ba tăng 233% so với tháng 8/2019. Trong khi đó, nghiên cứu của Symphony RetailAI nhận thấy lượng truy cập các trang của một số nhà bán lẻ trực tuyến thực phẩm tăng hơn 300%, trong khi lượng khách ghé vào các cửa hàng giảm 45%.

Trong giai đoạn 22/3-1/4, tăng trưởng giao dịch của các nhà bán lẻ chỉ qua trang web tại Châu Á - Thái Bình Dương so với cùng kỳ năm ngoái đạt 23%. Trong giai đoạn này, tăng trưởng doanh thu đạt 19%. Với các nhà bán lẻ chủ yếu tại cửa hàng, lượng đơn hàng trực tuyến tăng 82%, còn doanh thu tăng 22%. Ở Tây Âu và Trung Âu, trong giai đoạn 22/3-4/4, lượng đơn hàng trực tuyến của các nhà bán lẻ qua web tăng 44%, trong khi doanh thu tăng 39%. Với các nhà bán lẻ tại cửa hàng, lượng đơn hàng trực tuyến tại Châu Âu tăng 71%, trong khi doanh số bán trực tuyến tăng 31%.

Riêng tại Anh, số liệu của hãng phân tích Content Square công bố cho thấy các giao dịch trên các trang siêu thị trực tuyến tăng 221% trong tuần kết thúc ngày 3/4. Trong khi đó, các hãng mỹ phẩm có lượng giao dịch trên các trang web trong tuần nói trên tăng 53% so với tuần trước đó, tăng 156% so với mức tăng trung bình của giai đoạn trước khi dịch bùng phát.

Tại Hàn Quốc, trong bối cảnh tác động của dịch Covid - 19, giá trị giao dịch mua sắm trực tuyến trong tháng 2/2020 đã xác lập mức tăng cao nhất trong vòng 16 tháng. Đặc biệt, tỷ trọng giá trị mua sắm trực tuyến trên tổng doanh thu bán lẻ đạt mức cao kỷ lục. Báo cáo "Xu hướng mua sắm trực tuyến tháng 2/2020" của Hàn Quốc cho thấy giá trị giao dịch mua sắm trực tuyến tại nước này trong tháng Hai đạt 11.961,8 tỷ won (9,7 tỷ USD), tăng 24,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là mức tăng cao nhất sau mức tăng 30,7% ghi nhận hồi tháng 10/2018, phản ánh hiệu ứng mua sắm tăng vọt dịp Tết Trung Thu. Tháng 7 vừa qua, thị trường mua sắm trực tuyến tại Hàn Quốc đã trở nên sôi động với những biện pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy lại nền kinh tế Hàn Quốc sau dịch Covid - 19 của chính phủ Hàn Quốc. Bằng việc 7 bộ trưởng Hàn Quốc sẽ bắt đầu xuất hiện trên các kênh livestream bán hàng nhằm thúc đẩy thương mại điện tử. Cụ thể, mỗi vị bộ trưởng đã xuất hiện livestream về sản phẩm liên quan đến lĩnh vực của họ nhằm quảng bá cho các mặt hàng địa phương. Buổi livestream được phát trên nhiều nền tảng như Naver hay TMON và người xem có thể tương tác với các vị bộ trưởng khi đặt mua hàng. Sự xuất hiện của các vị bộ trưởng như sự đảm bảo uy tín về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của sản phẩm, khiến cho việc tiêu thụ sản phẩm trở nên dễ dàng. Ngay trong ngày đầu tiên, sự kiện livestream đã thành công rực rỡ khi các sản phẩm như rong biển muối và chất tẩy rửa cháy hàng.

Trong bối cảnh nền kinh tế sa sút hay một cuộc khủng hoảng y tế, người dân vẫn tiếp tục sử dụng Internet để mua sắm. Internet mang đến cho họ đầy đủ thông tin về sản phẩm hay dịch vụ có thể không phải lúc nào cũng sẵn có ở các cửa hàng. Các sàn thương mại điện tử

tại Việt Nam có những chính sách khác nhau nhằm giữ chân người tiêu dùng và cuộc cạnh tranh giữa các ông lớn thương mại điện tử trở nên gay gắt. Theo thống kê của iPrice Group vừa công bố về lượng truy cập của top 50 sàn thương mại điện tử (TMĐT) hàng đầu tại Việt Nam trong quý 1/2020, số liệu cho thấy lượng truy cập vào website của các sàn TMĐT trong quý 1/2020 giảm trung bình 9% so với cùng kỳ năm 2019 ngoại trừ Shopee vẫn giữ được sức hút của mình. Cụ thể, Shopee vẫn là sàn TMĐT số 1 Việt Nam với 43,16 triệu lượt truy cập website/tháng. Trong 3 tháng đầu năm nay, Shopee Việt Nam còn tăng thêm 5,2 triệu lượt truy cập website/tháng so với quý trước. Đây cũng là quý thứ 3 liên tiếp Shopee Việt Nam đạt tăng trưởng về lượng truy cập website.

Báo cáo cho thấy, Tiki đã trở lại top 2 các sàn TMĐT Việt Nam sau 2 quý bị Sendo qua mặt. Cụ thể, website Tiki đạt 23,99 triệu lượt truy cập/tháng, giảm 500.000 lượt/tháng so với quý 4/2019. Trong khi đó, lượng truy cập của Lazada Việt Nam và Sendo trong quý 1 lần lượt giảm 7,3 triệu lượt / tháng và 9,6 triệu lượt / tháng so với quý trước.

Ảnh hưởng của dịch bệnh đã khiến một số ngành hàng trực tuyến trở nên "nóng sốt". Theo thống kê, trong tháng 2, nhu cầu tìm mua trực tuyến cho các sản phẩm khẩu trang và nước rửa tay khô lần lượt tăng đến 610% và 680% so với tháng 1. Sang đến tháng 3, khi người tiêu dùng ở nhà tránh dịch nhiều hơn thì đến lượt ngành bách hóa trực tuyến lên ngôi. Lượng truy cập vào website của Bách Hóa Xanh quý một nhờ vậy đã tăng 49% so với quý 4/2019 dù trước đó các ngành này trước đó lại không phải là tâm điểm của thị trường TMĐT Việt Nam.

Ngược lại, các ngành hàng trước đây là "gà đẻ trứng vàng" của TMĐT Việt Nam như thời trang và điện máy thì trong mùa dịch lại bị ảnh hưởng tiêu cực. Trong 3 tháng đầu năm, các website ngành thời trang bị sụt giảm trung bình 38% lượng truy cập so với quý trước. Tương tự, lượng truy cập vào các website ngành điện máy trong tháng 2 giảm 17% so với tháng 1. Sang tháng 3, thị trường này phục hồi lại khi nhu cầu mua laptop, webcam, microphone,



màn hình... để phục vụ học tập và làm việc tại nhà tăng mạnh.

Như vậy có thể thấy, đứng trước những biến động lớn của nền kinh tế, thương mại điện tử đang có một triển vọng sáng sủa khi trở thành một trong những công cụ kết nối các nhà bán lẻ với người tiêu dùng. Covid - 19 đã tạo một đà mới thúc đẩy chuyển đổi số trong toàn kênh bán hàng của các nhà bán lẻ trong tương lai, cả khi dịch bệnh kết thúc.

## 2. Phát triển bán lẻ trực tuyến tại thị trường Việt Nam hiện nay

Việt Nam là một trong những thị trường tiêu dùng tăng trưởng nhanh nhất châu Á với tốc độ tăng trưởng thị trường bán lẻ duy trì ở mức rất cao - khoảng 10%/năm. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp lựa chọn phương thức bán hàng trực tuyến, đưa phương thức này trở thành một xu hướng mới gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là trong thời điểm dịch Covid - 19 đang thúc đẩy xu hướng này phát triển nhanh chóng.

Đánh giá về xu hướng mua sắm trực tuyến của người Việt.

Thương mại di động ngày càng bùng nổ trên toàn cầu và Việt Nam chính là một trong những đất nước sử dụng điện thoại di động thường xuyên nhất. Theo “Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2020”, hơn một 1/3 dân số, tức khoảng 40 triệu người Việt Nam đã tham gia mua sắm trực tuyến, riêng trong năm 2018 ước tính chi tiêu của mỗi cá nhân cho thương mại điện tử là 208 USD. Tính tới năm 2019, ước tính số người mua sắm trực tuyến lên tới 44,9 triệu người với mức chi tiêu trung bình là 225 USD, tức tăng 23 USD so với năm 2018. Với những con số ấn tượng này đã góp phần đưa miếng bánh thị trường thương mại điện tử B2C (Business to Customer) lên con số 10,08 tỷ USD.

Nghiên cứu của Criteo, công phát triển các giải pháp quảng cáo cho nhiều trang thương mại điện tử lớn tại Việt Nam và thế giới, trong giai đoạn giãn cách xã hội, xu hướng mua hàng online tại Việt Nam tăng mạnh 5 tháng đầu năm 2020. Trong đó, xét trên toàn Đông Nam Á, tăng trưởng thương mại điện tử ở tuần

thứ 3 của tháng 5 lên đến 106% so với cùng kỳ. Tại Việt Nam, 76% số người được hỏi cho biết họ mua hàng trực tuyến nhiều hơn so với thông thường, trong khi chỉ có 15% số người được hỏi cho biết họ sẽ mua sắm với tần suất tương đương. Chỉ có 9% trả lời là họ ít mua sắm trực tuyến hơn. 62% số người tham gia khảo sát tại Việt Nam cũng cho biết họ mua hàng tạp phẩm và đồ dùng vệ sinh cá nhân qua giao dịch trực tuyến nhiều hơn. Trong khi đó, thống kê của Shopee - nền tảng mua bán online dẫn đầu về lượng người truy cập tại Việt Nam - cũng cho thấy sự gia tăng về người mua hàng trong giai đoạn bình thường mới. Cụ thể, số người dùng thường xuyên mua sắm các sản phẩm thực phẩm trong tháng đã gia tăng 3,5 lần.

Theo báo cáo Thị trường quảng cáo số Việt Nam của Adsota, thị trường Việt Nam hiện nay có đến 43,7 triệu người đang sử dụng các thiết bị smartphone trên tổng dân số 97,4 triệu dân, đạt tỷ lệ 44,9%. Những con số này cũng giúp Việt Nam lọt vào top 15 thị trường có số lượng người dùng smartphone cao nhất thế giới, tạo cơ hội tuyệt vời cho sự phát triển của các nền tảng TMĐT trong nước. Dữ liệu từ Picodi chỉ ra rằng phụ nữ Việt (khoảng 60%) mua sắm nhiều hơn nam giới (khoảng 40%). Thế hệ trẻ Việt Nam ngày càng yêu thích mua sắm trực tuyến trong đó GenZ và thế hệ Millennials là những người có xu hướng mua sắm trực tuyến nhiều nhất, tương ứng với 54% và 58%. Gần một nửa số người mua sắm trực tuyến (49%) là những người nằm trong độ tuổi từ 25-34. Tiếp đến là những người ở độ tuổi từ 18-24 (28%). Những nhóm người trên 35 tuổi chỉ còn dưới 10%. Các báo cáo trên đã cho thấy, nhu cầu mua sắm online trong tương lai dự kiến sẽ trở thành xu hướng không thể đảo ngược, bởi TMĐT sẽ dần trở thành thói quen của lối sống hiện đại trong bộ phận thế hệ trẻ.

Hiện nay, mua sắm trực tuyến của Việt Nam được dự báo có mức độ tăng trưởng nhanh nhất và đứng thứ 2 về giá trị, với mức tăng trưởng 6,5 lần lên tới 24,4 tỷ USD, chỉ sau Indonesia tại khu vực Đông Nam Á.

Về tốc độ tăng trưởng: Song song với sự phát triển vững chắc của nền kinh tế với tốc

độ tăng trưởng GDP đạt 7,02%, năm 2019 tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ của TMĐT. Dựa trên báo cáo của “Sách trắng Thương mại điện tử Việt Nam 2020”, tốc độ tăng trưởng của TMĐT năm 2019 đạt trên 25%, so với tốc độ tăng trưởng của năm 2018 là 30% thì có phần thấp hơn.

Về quy mô: Năm 2019, TMĐT Việt Nam tiếp tục phát triển toàn diện với tốc độ tăng trưởng trên 25%. Xuất phát điểm là 4,07 tỷ USD vào năm 2015 nhưng với tốc độ tăng trưởng cực nhanh làm tăng giá trị quy mô thị trường TMĐT năm 2019 đã lên tới 10,08 tỷ USD.

Năm 2020 chứng kiến sự biến động không ngừng của nền kinh tế, tuy nhiên dịch Covid - 19 là cú hích đáng kể với thương mại điện tử. Tốc độ tăng trưởng trung bình của doanh nghiệp thương mại điện tử trong giai đoạn cao điểm của đại dịch từ tháng 2 đến tháng 4/2020 là 14% so với cùng kỳ năm 2019. Số liệu của VECOM (Hiệp hội thương mại điện tử) cho thấy, 19% doanh nghiệp nhận thấy doanh thu trong giai đoạn cao điểm tăng từ 31-50% và 24% số doanh nghiệp khảo sát có doanh thu trên 51% so với cùng kỳ năm trước. Về mức độ lạc quan khi kết thúc dịch, đến 50% doanh nghiệp nhận định tiềm năng kinh doanh sau khi đại dịch kết thúc sẽ tốt hơn. Theo dự báo của VECOM, tốc độ tăng trưởng năm 2020 tiếp tục duy trì trên 30% và quy mô thương mại điện tử cả nước sẽ vượt con số 15 tỷ USD.

Như vậy, sự tăng trưởng bứt phá của TMĐT đã đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường tiềm năng nhất khu vực ASEAN kéo theo sự phát triển của bán lẻ trực tuyến. Với những dự báo về tiềm năng và sự hấp dẫn của thị trường TMĐT Việt Nam, cơ hội đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tham gia bán lẻ trực tuyến là rất lớn, cụ thể:

**Một là**, tiềm năng thị trường bán lẻ trực tuyến rất lớn. Ước tính năm 2019, Việt Nam có khoảng 23 triệu người thường xuyên mua sắm trực tuyến, chi tiêu của nhóm này đang chiếm 1/3 chi tiêu TMĐT của người tiêu dùng. Tại các đô thị lớn, tỷ lệ người dân có sử dụng điện thoại lên đến 95%, trong đó 78% sử dụng smartphone, 30% dân số có xu hướng mua sắm trực

tuyến, đạt mốc 350 USD/người/năm... Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng thích mua sắm trực tuyến vì độ tiện dụng. Đây chính là cơ hội hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn phương thức bán hàng trực tuyến, đưa phương thức này trở thành một xu hướng trong thời đại 4.0.

**Hai là**, điều kiện cho kênh bán lẻ trực tuyến phát triển ngày càng được quan tâm. TMĐT cần môi trường và hệ sinh thái thuận lợi để phát triển, bao gồm hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin tiên tiến, người tiêu dùng tin tưởng vào giao dịch mua bán trực tuyến, dịch vụ logistics và hoàn tất đơn hàng tiên tiến. Các số liệu cho thấy, tốc độ tăng trưởng của TMĐT rất nhanh, là một nền tảng quan trọng tạo sự tăng trưởng cho kênh bán lẻ trực tuyến. Một số vấn đề khác như chi phí logistics trong TMĐT tương đối cao, nhưng đang được cải thiện. Các đơn vị làm logistics hiện đang có những thay đổi lớn về mặt công nghệ để giảm giá thành.

Hiện nay, Chính phủ tạo mọi điều kiện thuận lợi để TMĐT phát triển thông qua các chính sách pháp luật. Cụ thể Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 với Quyết định số 645/QĐ-TTg đề ra 5 mục tiêu tổng quát về phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025 là “Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng; Thu hẹp khoảng cách giữa các thành phố lớn và các địa phương về mức độ phát triển thương mại điện tử; Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; Mở rộng thị trường tiêu thụ cho hàng hóa Việt Nam trong và ngoài nước thông qua ứng dụng thương mại điện tử; Đẩy mạnh giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới; Trở thành quốc gia có thị trường thương mại điện tử phát triển thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á”; và 06 nhóm giải pháp phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2021-2025 là “Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại điện tử trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0; Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động thương mại điện tử, đấu tranh chống các

hành vi gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại điện tử; Các giải pháp xây dựng thị trường và nâng cao lòng tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử; Tăng cường năng lực các hệ thống hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cho thương mại điện tử; Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực, mở rộng tiêu thụ cho hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tại các địa phương; Phát triển và ứng dụng các công nghệ mới trong thương mại điện tử, hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp”.

**Ba là,** giảm chi phí cho DNNVV. Việc tiếp tục duy trì và mở thêm đại lý bán hàng truyền thống sẽ chỉ làm tăng chi phí vận hành cho doanh nghiệp. Trong khi đó, TMĐT có những lợi thế đặc biệt dành cho DNNVV, với chi phí thấp. Ví dụ, doanh nghiệp sử dụng TMĐT để kinh doanh có thể sử dụng bán hàng đa kênh, thuê các dịch vụ để quản lý hàng tồn kho, quản lý đơn hàng. Trước đây, nếu doanh nghiệp muốn sử dụng dịch vụ vận chuyển thường dùng các dịch vụ thủ công. Hiện nay, các mô hình bán hàng đa kênh như vậy cho phép kết nối các đơn vị vận chuyển, doanh nghiệp có thể sử dụng trọn gói quy trình xử lý đơn hàng của mình trên hệ thống và có thể giảm một nửa nhân sự.

Với DNNVV, do ít vốn, ít nhân lực, thậm chí là chưa có kinh nghiệm, cần sử dụng các loại công nghệ được thiết kế dành riêng cho những doanh nghiệp quy mô nhỏ để giảm chi phí, rút ngắn khả năng ứng dụng công nghệ, cũng như tăng khả năng cạnh tranh. Khi đó, chi phí giảm, doanh nghiệp sẽ có cơ hội tăng lượng khách hàng và tăng doanh thu của chính mình.

Thách thức cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bên cạnh những cơ hội, các DNNVV tham gia hoạt động bán lẻ trực tuyến cũng sẽ đối mặt với không ít thách thức, rào cản:

**Thứ nhất,** mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt: Trong vài năm trở lại đây, với sự lên ngôi của TMĐT, thị trường bán lẻ tiêu dùng đã chứng kiến cuộc đua giữa các doanh nghiệp trong việc đầu tư vào công nghệ và phát triển

kênh bán hàng online. Đặc biệt, sự xuất hiện của các thương hiệu bán lẻ quốc tế khiến mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trong thời gian tới, cùng với sự gia tăng về quy mô, độ phức tạp của thị trường và chất lượng của các nhà cung cấp trên thị trường bán lẻ Việt Nam cũng sẽ tăng lên dưới sức ép của sự cạnh tranh gay gắt và sự hội nhập quốc tế ngày càng cao, đặc biệt sau khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA.

**Thứ hai,** thương mại điện tử không phải cuộc chơi ngắn hạn. TMĐT nói chung và bán lẻ trực tuyến nói riêng không thể kỳ vọng có lợi nhuận trong một vài tháng. Doanh nghiệp phải xác định đó là cuộc chơi dài hạn, ít nhất phải hai đến ba năm. Nói cách khác, cơ hội thành công chỉ đến khi doanh nghiệp đã xác định đây là cuộc chơi dài hạn để nghiêm túc đầu tư, ứng dụng công nghệ và hướng tới người tiêu dùng. Do vậy, khi chuyển sang kinh doanh trực tuyến thì các doanh nghiệp sẽ phải đầu tư thêm cho chi phí thiết kế, vận hành, duy trì website và các kênh bán hàng online.

**Thứ ba,** thách thức về năng lực quản trị của các DNNVV: Hiện nay, nhiều doanh nghiệp bán lẻ đang tích hợp và ứng dụng mô hình kinh doanh đa kênh - Omni Channel, đòi hỏi doanh nghiệp phải có sự quản lý tốt hơn từ nhân sự đến hàng hóa. Tuy nhiên, năng lực quản trị của DNNVV Việt Nam hiện vẫn luôn là thách thức, đòi hỏi cần có sự cải thiện trong bối cảnh số hóa khi yếu tố công nghệ đang dẫn dắt và tạo ra hiệu quả kinh tế trong hầu hết các mô hình kinh doanh, đối với hầu hết mô hình doanh nghiệp.

**Thứ tư,** hiệu quả trong các quyết định đầu tư để hướng đến bán lẻ trực tuyến trong bối cảnh tiềm lực tài chính yếu: Dù hiện nay, các doanh nghiệp đã tập trung nhiều hơn cho việc đầu tư cho phần mềm. Tuy nhiên, đa số doanh nghiệp vẫn tập trung vào việc đầu tư hạ tầng phần cứng nhiều hơn so với các hạng mục khác. Trong giai đoạn hiện nay, các DNNVV với tiềm lực tài chính hạn hẹp gặp phải sự khủng hoảng kinh tế do dịch Covid gây ra, cần cân nhắc tỷ trọng đầu tư, phù hợp với xu thế phát triển cũng như mục tiêu kinh doanh

và tiềm lực của chính mình.

**Thứ năm**, nguồn nhân lực phục vụ cho bán lẻ trực tuyến thiếu và yếu: Do TMĐT nói chung và bán lẻ trực tuyến nói riêng là một lĩnh vực khá mới mẻ, chỉ phát triển mạnh vài năm gần đây nên, nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Thực tế cho thấy, nhân sự làm trong lĩnh vực này vẫn thiếu từ các kỹ năng phục vụ giao dịch TMĐT (như: tạo sản phẩm, cập nhật thông tin sản phẩm, quảng bá sản phẩm, xử lý đơn hàng online...) cho đến các kỹ năng sử dụng công cụ trên các sàn TMĐT (trong nước và quốc tế) để giới thiệu và bán sản phẩm.

Như vậy, từ những cơ hội và thách thức trên, để có thể tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức hiện tại, các DNNVV cần phải lựa chọn các mô hình bán lẻ trực tuyến phù hợp theo nguồn lực và khả năng của mình. Cần xây dựng và lựa chọn các kênh bán lẻ trực tuyến như: Bán hàng trên website, bán hàng qua trang mạng xã hội... Ngoài ra, DN cũng có thể lựa chọn kênh bán hàng qua hệ thống sàn TMĐT cũng như lựa chọn mô hình trên các sàn TMĐT (như: Fullfill – gửi hàng trong kho của sàn thương mại điện tử, Dropshing – tự giao nhận với khách...). Sử dụng các ứng dụng bán hàng đa kênh từ các doanh nghiệp công nghệ thông tin để hỗ trợ việc quản lý đơn hàng và quản lý kho giúp giảm chi phí vận hành, quản lý. Bên cạnh đó, nâng cao kỹ năng quản trị của chủ DNNVV là yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của hoạt động TMĐT nói chung và bán lẻ trực tuyến đối với các doanh nghiệp. Đào tạo các kỹ năng về TMĐT cho đội ngũ tham gia bán lẻ trực tuyến nhằm hướng đến sự phát triển bền vững.

### 3. Những mặt hạn chế trong phát triển loại hình kinh doanh trực tuyến thương mại điện tử

#### 3.1. Rủi ro đối với người mua

Rủi ro lớn nhất và phổ biến nhất hiện nay đó chính là việc người tiêu dùng không thể đánh giá trực tiếp về sản phẩm trước khi mua hàng. Khác với hình thức mua sắm truyền thống (người tiêu dùng có thể nhìn, cầm, đánh giá trực tiếp sản phẩm), mua sắm trực tuyến hạn

chế người tiêu dùng trong việc đánh giá sản phẩm. Người tiêu dùng chỉ có thể nhìn hình ảnh sản phẩm qua thiết bị kết nối mạng. Một cách hiển nhiên, những người bán hàng sẽ luôn mong muốn sản phẩm của họ có những hình ảnh tốt nhất để thu hút người mua dẫn đến việc những bức ảnh mô tả sản phẩm trước khi đến người dùng sẽ qua các công nghệ chỉnh sửa hình ảnh. Trong nhiều trường hợp người mua hàng sẽ không có được sản phẩm như họ mong muốn, thậm chí còn mua phải hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

Bên cạnh đó việc sử dụng các thông tin cá nhân để thực hiện các giao dịch trên nền tảng mua sắm trực tuyến còn dẫn đến rủi ro rò rỉ thông tin cá nhân. Trong quá trình cài đặt các ứng dụng di động, kẻ xấu có thể lạm dụng quyền truy cập trên điện thoại thông minh để đánh cắp thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng...

Ngoài ra, việc tiếp cận các thông tin về an toàn, cảnh báo của sản phẩm cũng khó khăn hơn so với hình thức mua sắm truyền thống, đặc biệt khi người tiêu dùng xem sản phẩm qua thiết bị có màn hình nhỏ như điện thoại. Trong một số trường hợp, người tiêu dùng thậm chí bỏ qua phần điều kiện và điều khoản vì màn hình quá nhỏ, trong khi đó, phần này bao gồm những nội dung rất quan trọng liên quan đến đổi – trả sản phẩm, giao nhận, bảo hành...

Mặt khác, mua hàng từ các cá nhân qua mạng xã hội thậm chí còn tồn tại nhiều rủi ro hơn. Trong một số trường hợp phát sinh tranh chấp, người tiêu dùng cho biết không thể liên hệ được với cá nhân qua điện thoại/địa chỉ được cung cấp.

#### 3.2 Những mặt hạn chế còn tồn tại trong các doanh nghiệp và trong công tác quản lý nhà nước

Phần lớn doanh nghiệp bán lẻ chưa có chiến lược, cũng như đầu tư thích đáng để khai thác các ứng dụng thương mại điện tử theo chiều sâu, chưa chuẩn bị sẵn sàng để bắt kịp những tiến bộ công nghệ mới về thương mại điện tử của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Hệ sinh thái cho thương mại điện tử bao gồm dịch vụ thanh toán, logistics và các dịch vụ phụ trợ còn

chưa hoàn thiện. Tỷ lệ thanh toán bằng tiền mặt trong giao dịch thương mại điện tử vẫn còn cao. Tuy nhiên, hạ tầng, chất lượng vận chuyển, thời gian vận chuyển, thủ tục thông quan, chi phí, các dịch vụ theo dõi và truy xuất đơn hàng vẫn chưa phát triển đồng bộ và còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Theo khảo sát của Bộ Công Thương năm 2018, có đến 40% khách hàng mua hàng trực tuyến chưa hài lòng về việc vận chuyển, giao hàng. Các cơ chế quản lý chưa theo kịp sự phát triển của các mô hình kinh doanh mới, nhất là các mô hình dựa trên công nghệ số. Việc xuất hiện các hình thái tổ chức hoạt động kinh doanh mới chưa được điều chỉnh bởi khuôn khổ pháp lý hiện hành, như Uber, Grab, Airbnb,... đã đặt ra bài toán lớn cho công tác quản lý, đặc biệt đòi hỏi sự đồng bộ hóa giữa các văn bản pháp quy và sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý thuộc những lĩnh vực khác nhau. Sự tăng trưởng nóng của thị trường thương mại điện tử dẫn đến hệ lụy là các hành vi gian lận thương mại, hàng gian, hàng giả và hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ cũng xuất hiện ngày càng nhiều trên môi trường điện tử, đặt ra thách thức lớn cho cơ quan quản lý nhà nước.

Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế này là do kinh tế số có đặc thù là dựa trên nền tảng công nghệ, nền tảng Internet với tốc độ phát triển và thay đổi vô cùng nhanh chóng. Trong khi đó, việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh các hành vi trong xã hội lại cần thời gian để nghiệm chứng nên chưa theo kịp tốc độ phát triển của công nghệ. Đặc trưng của mô hình kinh doanh trên mạng dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, đó là: Nhiều đối tượng không có kho hàng hay cửa hàng, chỉ tiếp nhận đặt online; phân tán hàng hóa nhiều nơi; chỉ giao hàng với số lượng dè dặt nhỏ lẻ, khó xác định được kho hàng... Thủ đoạn của người bán trong việc lách qua bộ phận kỹ thuật của các Sàn Thương mại điện tử cũng rất đa dạng và khó có thể bao quát hết, gây khó khăn cho việc ngăn chặn hàng gian, hàng giả trên môi trường trực tuyến.

Trình độ kỹ thuật, năng lực nghiệp vụ của các cán bộ quản lý, thực thi còn yếu, trang thiết bị

phục vụ thực thi công vụ chưa đáp ứng được những thay đổi của công nghệ sản xuất, mô hình kinh doanh mới. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng vẫn còn nhiều bất cập.

#### 4. Giải pháp khắc phục

Đẩy mạnh xử lý vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử. Trên cơ sở Nghị định 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Công Thương đã tiến hành kiểm tra và xử lý nhiều vụ việc vi phạm hành chính trong thương mại, đa phần các trường hợp liên quan tới hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên internet. Năm 2019 của lực lượng Quản lý thị trường cả nước đã thực hiện kiểm tra 2.403 vụ việc, xử lý 2.213 vụ việc vi phạm hành chính, xử phạt 16.382.372.000 đồng, trị giá hàng vi phạm 40.625.465.000 đồng hành vi vi phạm về thương mại điện tử và các hành vi lợi dụng thương mại điện tử để kinh doanh hàng hoá nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả. Đầu năm 2020, ngay sau khi dịch bệnh Covid - 19 đã từng bước được kiểm soát tốt tại Việt Nam, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số tiếp tục đẩy mạnh triển khai Kế hoạch kiểm tra theo Quyết định số 3935/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2020, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đã phối hợp với Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng trực tiếp tiến hành kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính 02 đơn vị với tổng mức phạt 42 triệu đồng.

Điều chỉnh lại các văn bản quy phạm pháp luật. Trên thực tế, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP đã được xây dựng khá đầy đủ và chi tiết, giải quyết được phần lớn tình huống phát sinh trong thực tiễn nhưng thị trường thương mại điện tử luôn biến động không ngừng do sự phát triển về mặt khoa học – công nghệ. Điều đó đã đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh lại các văn bản quy phạm pháp luật. Hiện tại, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số đang chủ trì xây dựng Nghị định Sửa đổi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử. Đặc biệt các nội dung liên quan tới: Điều kiện thiết lập các website và ứng dụng thương mại điện tử để kinh doanh các mặt hàng kinh doanh

có điều kiện, hạn chế kinh doanh; Minh bạch hóa thông tin sản phẩm đặc biệt là quy định về ghi nhãn hàng hóa hiện hành, kể cả nhãn phụ, nhãn gốc, các thông tin cụ thể cần phải đăng tải khi bán hàng, thông tin về người bán, v.v.; Tăng cường trách nhiệm của chủ sở hữu các sàn giao dịch thương mại điện tử trong quản lý hoạt động thương mại điện tử trên sàn, quy định cụ thể về hoạt động thương mại điện tử trên mạng xã hội và trách nhiệm tương ứng của đơn vị quản lý mạng xã hội; Các vấn đề bán hàng xuyên biên giới; Điều chỉnh các mô hình kinh doanh mới như mô hình kinh tế chia sẻ, trung gian cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, v.v...

Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 thông qua Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2020 trong đó chú trọng đẩy mạnh đầu tư công nghệ để phát triển thương mại điện tử theo chiều sâu, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại điện tử tiên phong tập trung phát triển những ứng dụng tiên tiến trên nền tảng công nghệ mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từ đó nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của thị trường TMĐT Việt Nam, coi đây là một động lực cho sự phát triển của kinh tế số trong thời gian tới.

## 5. Kết luận

Trong bối cảnh dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp, loại hình kinh doanh trực tuyến đã và đang là biện pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu việc tiếp xúc trực tiếp, tập trung đông người cần tiếp tục được khuyến khích. Bên cạnh đó, tuy hoạt động thương mại nước ta còn nhiều hạn chế nhưng vẫn có những dấu hiệu phát triển tích cực, nhà nước cần phải tăng cường thêm các công tác quản lý, hoàn thiện hơn các quy định pháp luật để phát triển kinh doanh trực tuyến trong tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử

[2] Quyết định số 645/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025

[3] Quyết định số 3935/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2020

[4] Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, "Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam 2020"

[5] Tổng cục Quản lý thị trường. (2020.03.03). moit.gov.vn. Retrieved from moit.gov.vn: <https://www.moit.gov.vn/CmsView-EcolT-portal/html/print cms.jsp?articleId=18001>.

[6] Thái.D. (2020.06.16). thanhtravietnam.vn. Retrieved from thanhtravietnam.vn: <http://www.thanhtravietnam.vn/xa-hoi/bo-cong-thuong-day-manh-thanh-tra-kiem-tra-xu-ly-vi-pham-ve-thuong-mai-dien-tu-191563>.

[7] Nguyễn.T. (2020.06.26). cafebiz.vn. Retrieved from cafebiz.vn: <https://cafebiz.vn/vecom-quy-mo-thi-truong-thuong-mai-dien-tu-viet-nam-se-vuot-15-ty-usd-nam-2020-20200626110639653.chn>

[8] Linh.T. (2019.07.16). andrews.edu.vn. Retrieved from andrews.edu.vn: <https://andrews.edu.vn/bao-cao-mua-sam-online-xu-huong-tieu-dung-pho-bien-cua-gan-40-trieu-nguoi-tieu-dung-viet/>

[9] Đăng.H. (2020.06.20). ictnews.vietnamnet.vn. Retrieved from ictnews.vietnamnet.vn: <https://ictnews.vietnamnet.vn/cuoc-song-so/xa-hoi/mua-sam-online-tiep-tuc-tang-nguoi-viet-chu-trong-mua-thuc-pham-256601.html>

[10] Minh.L. (2020.05.04). ictnews.vietnamnet.vn. Retrieved from ictnews.vietnamnet.vn: [http://ictvietnam.vn/thuong-mai-dien-tu-dang-bung-no-o-nhieu-khu-vuc-tren-toan-cau-20200504165402085.htm?fbclid=IwAR3VnEuXZhL\\_d\\_LOEZIQenirQYzfAFYGI6PK-ck7bFzwgo85h8WyoTWHoGE](http://ictvietnam.vn/thuong-mai-dien-tu-dang-bung-no-o-nhieu-khu-vuc-tren-toan-cau-20200504165402085.htm?fbclid=IwAR3VnEuXZhL_d_LOEZIQenirQYzfAFYGI6PK-ck7bFzwgo85h8WyoTWHoGE)

[11] Bình.T. (2020.08.26). tapchitaichinh.vn. Retrieved from tapchitaichinh.vn: [http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/phan-trien-ban-le-truc-tuyen-cho-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-307774.html?fbclid=IwAR0ADezkVCcgKcyEDVU9v\\_Cc3GJWTF12xGIW-61CDsy2oCxDVXds3eMWYowg](http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/phan-trien-ban-le-truc-tuyen-cho-cac-doanh-nghiep-nho-va-vua-307774.html?fbclid=IwAR0ADezkVCcgKcyEDVU9v_Cc3GJWTF12xGIW-61CDsy2oCxDVXds3eMWYowg)

# TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH BỆNH COVID-19 ĐẾN NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Đại Trường An

K17407

Bùi Thị Mỹ Tiên

K17412

Trần Quốc Thắng

K19414C

**Tóm tắt:** Sự phát triển của xã hội dẫn đến nhu cầu về giải trí, du lịch của mọi người không ngừng tăng lên và kéo theo chính là sự gia tăng không ngừng cả về doanh thu lẫn lợi nhuận của mảng kinh doanh du lịch. Tuy nhiên, sự bùng nổ của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi toàn cầu đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng cả về con người, kinh tế và hàng loạt các lĩnh vực khác trong đó có ngành du lịch. Bài viết sau đây trình bày các tác động cụ thể của dịch bệnh Covid-19 lên toàn ngành du lịch Việt Nam trong nửa đầu năm 2020, các gánh nặng mà các doanh nghiệp phải chịu từ việc giảm sút doanh thu nặng nề, từ đó đưa ra các khuyến nghị biện pháp để phục hồi ngành du lịch.

**Từ khóa:** Covid-19, du lịch Việt Nam, du lịch nửa đầu 2020, thiệt hại du lịch Việt Nam.

## 1. Giới thiệu

Ngày nay thế giới ngày càng phát triển con người ngày càng bận bịu với công việc hằng ngày dẫn đến nhiều áp lực, do đó ngày càng nhiều khu du lịch, resort được mở ra để đem lại cho mọi người những giây phút thư giãn cùng với gia đình, bạn bè sau những áp lực từ công việc, cuộc sống. Hiện tại và tương lai ngành du lịch đóng một vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Du lịch tham gia tích cực vào quá trình tạo nên thu nhập quốc dân (sản xuất ra đồ lưu niệm, chế biến thực phẩm, xây dựng các cơ sở vật chất kĩ thuật...) làm tăng tổng sản phẩm quốc nội. Tham gia tích cực vào quá trình phân phối lại thu nhập quốc dân giữa các vùng. Bên cạnh đó, du lịch phát triển tốt sẽ củng cố sức khỏe cho nhân dân lao động và do vậy góp phần làm tăng năng suất lao động xã hội, thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2019 là năm thành công nhất của ngành du lịch Việt Nam với các chỉ số rất ấn tượng đánh dấu chỉ số năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường thế giới, bên cạnh đó Việt Nam còn tổ chức thành công nhiều sự kiện quốc tế và khu vực ở Việt Nam như Diễn đàn Du lịch ASEAN (ATF) 2019, Hội nghị Thượng đỉnh Hoa Kỳ- Triều Tiên lần thứ 2, Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc Vesak 2019 đã tạo cơ hội thuận lợi để quảng bá du lịch, thu hút khách quốc tế đến Việt Nam. Tuy nhiên, Covid-19 đã gây ra nhiều tổn thất cho nền kinh tế Việt Nam Số liệu thống kê của quý I/2020 cho thấy nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề với quy mô GDP tăng ở mức

thấp nhất trong vòng 1 thập niên, hầu hết các ngành quan trọng đều suy giảm mức tăng trưởng, việc làm và thu nhập bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Trong đó, ngành du lịch đã chịu nhiều tổn thất rất lớn khiến cho các doanh nghiệp điêu đứng sau khi Covid-19 bùng phát.

## 2. Tác động của dịch bệnh đối với ngành

Trong vài thập kỷ qua, ngành du lịch trên thế giới chứng kiến nhiều khủng hoảng do dịch bệnh gây ra như dịch Chân tay miệng ở Anh (năm 2001), SARS tại Đông Á và Đông Nam Á (năm 2003), dịch MERS ở Trung Đông (năm 2012), dịch Ebola tại Châu Phi (năm 2014) hay dịch muỗi Zika (năm 2016), (Global Rescue & WTTC, 2019). Các tác động dịch bệnh đối với ngành du lịch xảy ra gần như ngay lập tức và kéo dài.

### 2.1. Những tác động của dịch bệnh đến ngành du lịch

Dịch bệnh xảy ra, đặc biệt là những dịch bệnh có nguy cơ lây nhiễm toàn cầu làm sụt giảm lượng khách nhanh chóng dẫn tới giảm doanh thu, giảm lợi nhuận, cắt giảm việc làm... trong ngành du lịch. Các căn bệnh dịch cúm gia cầm và hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng (SARS) gần đây là những ví dụ điển hình về các đợt bùng phát đã có tác động lớn đến truyền thông với những tranh cãi quan trọng về chính sách y tế

trong những năm gần đây. Ước tính đã giảm 12 triệu lượt khách đến các nước Châu Á và Thái Bình Dương sau khi đại dịch cúm gia cầm bùng phát ( Wilder-Smith 2006). Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới ước tính rằng khoảng 3 triệu người trong ngành du lịch đã mất việc làm sau khi dịch SARS bùng phát ở các quốc gia bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất như Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore và Việt Nam, số việc làm trong ngành du lịch của các nước trên giảm theo thứ tự là 27.000; 2,8 triệu; 17.500 và 62.000 việc làm ( WTTC, 2003). dẫn đến thiệt hại hơn 20 tỷ USD . Ngoài ra còn có sốt rét, sốt xuất huyết và Ebola. Trong đó Ebola gây ra ảnh hưởng đối với du lịch và đi lại đang được cảm nhận trên toàn bộ châu Phi, nhiều hơn hầu hết các lĩnh vực khác, do rủi ro nhận thức cao khi đi du lịch ( Nyarko et al. 2015). Tác động chính sẽ thông qua phía cầu; tức là, chi tiêu tùy ý dưới hình thức du lịch và du lịch, trong đó du lịch quốc tế bị ảnh hưởng nhiều nhất và cả du lịch nội địa, tổn thất với hàng tỷ đô la trong năm 2015.

Tác động đối với cầu du lịch xảy ra gần như ngay lập tức khi dịch bệnh xảy ra, tăng theo mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh và kéo dài sau dịch bệnh. Ảnh hưởng của dịch bệnh từ cả góc độ tâm lý khách du lịch lo ngại về an toàn cho mình cũng như chính sách hạn chế đi lại của các quốc gia gửi khách và nhận khách ( Cooper, 2005). Bệnh dịch cũng ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển kinh tế nói chung, làm giảm thu nhập của người dân, dẫn tới giảm khả năng chi tiêu cho du lịch.

Cung du lịch cũng có thể bị tác động ngay lập tức khi các nước áp dụng chính sách hạn chế thậm chí là tạm dừng kinh doanh dịch vụ du lịch để đối phó với dịch bệnh. Không có doanh thu, các doanh nghiệp du lịch phải nhanh chóng thực hiện các biện pháp như cắt giảm lao động, kinh phí marketing... ( Pine & McKercher, 2004; Global Rescue & WTTC, 2019). Điều này dẫn tới những tác động lâu dài đối với các doanh nghiệp và ngành du lịch sau dịch bệnh do thiếu lao động, đứt gãy hệ thống cung cấp, gián đoạn hệ thống phân phối... Đầu tư trong lĩnh vực du lịch cũng có nguy cơ sụt giảm mạnh ( Chen & cộng sự 2007) ảnh hưởng tới sự phát triển dài hạn trong ngành du lịch.

## 2.2. Mức độ ảnh hưởng của dịch bệnh đối với ngành du lịch

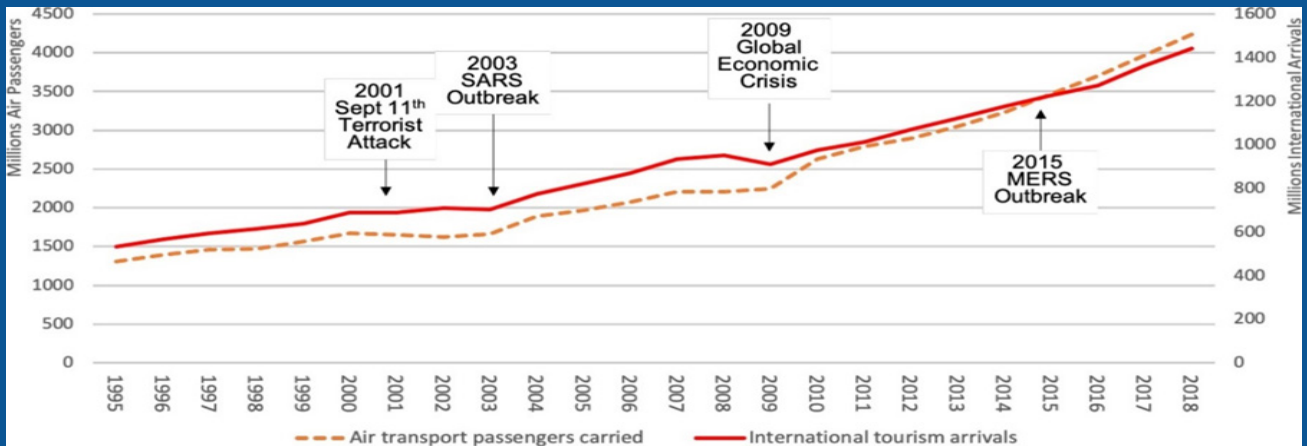
Nhìn chung, mức độ ảnh hưởng của bệnh dịch tới ngành du lịch phụ thuộc vào mức độ nghiêm trọng, phạm vi và thời gian kéo dài của bệnh dịch. Thời gian để ngành du lịch phục hồi lại bình thường với các dịch bệnh có ảnh hưởng toàn cầu là hàng năm. Gần đây nhất, với dịch SARS 2003, các nước chịu ảnh hưởng nhiều phải mất tới 2 năm để khôi phục ngành du lịch ( Global Rescue & WTTC, 2019). So với dịch Covid-19, phạm vi và mức độ tác động của SARS 2003 nhỏ hơn nhiều. Dịch SARS 2003 chỉ xảy ra trong phạm vi hẹp, chủ yếu là ở Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam và trong thời gian được xác định là 3 tháng ( Pine & McKercher, 2004). Trong khi đó dịch Covid-19 đã lan ra toàn cầu với một loại virus hoàn toàn mới, chưa có vắc-xin phòng bệnh. Theo Trung tâm Kiểm soát dịch bệnh Mỹ, phải đến đầu năm 2021 mới có khả năng có vắc-xin phòng bệnh này ( CDC, 2020). Điều quan trọng cần lưu ý là du lịch toàn cầu đã phải đối mặt với nhiều cuộc khủng hoảng trong quá khứ ( Hình 1). Từ năm 2000 đến năm 2015, các sự kiện gây rối loạn lớn bao gồm vụ tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 ( 2001), bùng phát hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng ( SARS) ( 2003), cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu diễn ra vào năm 2008/2009 và Hội chứng hô hấp Trung Đông năm 2015 ( MERS) sự bùng phát. Không ai trong số đó dẫn đến sự suy giảm lâu dài hơn trong phát triển du lịch toàn cầu, trong Hình 1, chỉ với SARS ( -0,4%) và khủng hoảng kinh tế toàn cầu ( -4,0%) dẫn đến lượng khách quốc tế giảm ( Ngân hàng Thế giới. Điều này cho thấy rằng du lịch với tư cách là một hệ thống đã có khả năng chống chịu với những cú sốc bên ngoài. Tuy nhiên, Virus Covid-19 được xem là nguy hiểm hơn vì có khả năng lây bệnh nhanh chóng. Những đặc tính của dịch bệnh Covid-19 không những hạn chế nhu cầu của khách du lịch mà còn gây thái độ nghi ngại, thậm chí từ chối đón tiếp khách khách du lịch từ người dân địa phương. Du lịch là một ngành kinh tế mang tính cộng đồng. Tác động của Covid-19 sẽ rất lớn tới cả cung và cầu du lịch, nhất là khi nó kéo dài.

## 2.3. Ứng phó dịch bệnh

Kinh nghiệm của những lần khủng hoảng bệnh dịch trước đây cho thấy tầm quan trọng của các chính sách ứng phó của các quốc gia, các doanh



Hình 1. Tác động của các sự kiện khủng hoảng lớn đến du lịch toàn cầu.

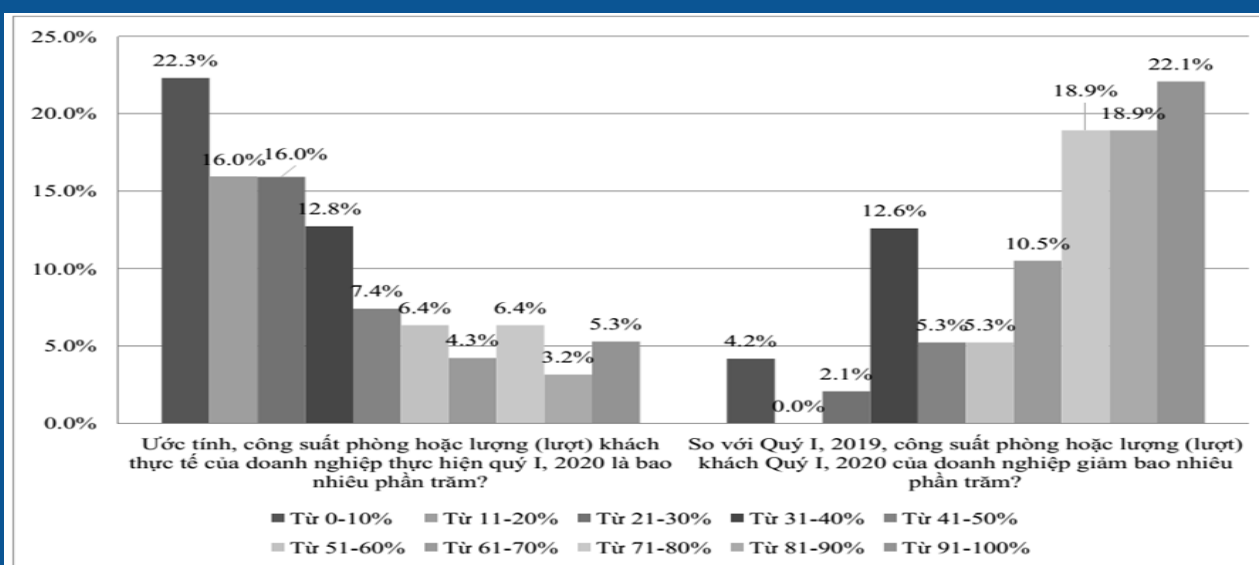


Nguồn dữ liệu : Ngân hàng Thế giới

ngành đối với việc phục hồi kinh tế (Global Rescue & WTTC, 2019; Au & cộng sự, 2004; Gu & Wall, 2006; Cooper, 2005). Khi nền kinh tế gặp các cú sốc dẫn đến suy thoái, cần đến bàn tay can thiệp của chính phủ. Các nước khác nhau có những phương án ứng phó không giống nhau chống lại đại dịch, và lời giải cho bài toán kinh tế nằm đằng sau những phương án này cũng không giống nhau. COVID-19 là một dịch bệnh đặc biệt. Biểu đồ dịch tễ của nó cho thấy virus rất dễ lây nhiễm và tăng nhanh chóng, mặc dù không đặc biệt nguy hiểm theo nghĩa tỷ lệ tử vong không cao hơn so với các bệnh dịch khác, đặc biệt là đối với người khỏe mạnh và người trẻ. Ban đầu, một số chính phủ đã không coi trọng đúng mức tác động của dịch bệnh, nhưng sau đó đã phải

khẩn cấp áp dụng các biện pháp mạnh mẽ hơn như giãn cách xã hội, phong tỏa, đóng cửa biên giới, dừng các chuyến bay, đóng cửa trường học, .... Tuy vậy đứng trước các đe dọa của dịch bệnh với ngành du lịch, các nước có phản ứng khá giống nhau theo các bước từ kiểm soát sự lây lan của dịch bệnh đến từng bước phục hồi ngành du lịch, tạo lập lại niềm tin đối với khách du lịch quốc tế (Global Rescue & WTTC, 2019). Tuy vậy, một số chiến thuật khác cũng được áp dụng như tạo lập hình ảnh quốc gia kiểm soát được dịch bệnh ngay trong và sau dịch nhằm tạo niềm tin cho khách du lịch mà Nhật Bản đã làm trong dịch SARS năm 2003 (Cooper, 2005). Các giải pháp ứng phó cũng cần được xây dựng trên phạm vi quốc gia do tính chất bao trùm của ngành du lịch.

Hình 2: Các tác động của dịch bệnh Covid-19 tới doanh thu của các doanh nghiệp du lịch.



Nguồn: Nhóm nghiên cứu khảo sát và tổng hợp (Đại học Kinh tế Quốc Dân).

### 3. Tác động của dịch bệnh Covid- 19 đối với ngành du lịch Việt Nam

#### 3.1 Tác động và thách thức của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam

##### Tác động đối với nền kinh tế:

Theo báo cáo của tổng cục thống kê công bố ngày 29/06, doanh thu du lịch lữ hành 6 tháng đầu năm 2020 ước tính đạt 10,3 nghìn tỷ đồng; giảm 53,2% so với cùng kỳ năm trước.

Khách du lịch quốc tế, cụ thể, tính đến tháng 6 ước tính đạt 8,8 nghìn lượt, đây là mức thấp kỷ lục trong nhiều năm qua, giảm 61,3% so với tháng 5 và giảm 99,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung nửa đầu năm 2020, tổng lượt khách quốc tế đến Việt Nam hơn 3,7 triệu lượt người, giảm đến 55,8% so với cùng kỳ năm ngoái là 8,5 triệu lượt. Tất cả các thị trường châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Úc và châu Phi đều giảm xấp xỉ 40-60%. Khách từ châu Á vẫn chiếm chủ đạo 73%, đạt 2,7 triệu lượt trong tổng số khách quốc tế đến Việt Nam sáu tháng, giảm 58,4% so với cùng kỳ năm trước. Hầu hết các thị trường khách châu Á chính đều sụt giảm mạnh: Trung Quốc giảm 63%, Hàn Quốc 60%, Nhật Bản 56%, Đài Loan 55%, Malaysia 61%. Chỉ riêng khách từ Campuchia tăng 106% với 120.500 lượt người. Lượng du khách quốc tế từ châu Âu ước đạt 666.000 người, giảm 42%. Cụ thể, khách từ Nga giảm 31%, Anh giảm 51%, Pháp giảm 52%, Đức giảm 48%. Khách đến từ châu Mỹ ước đạt 234.400 lượt, giảm 54,8%, chủ yếu từ nước Mỹ, đạt 172.800 lượt - giảm 56%. Khách từ thị trường châu Úc đạt 102.300 lượt - giảm 54,4%. Tỷ trọng thấp nhất là khách từ châu Phi với 12.100 lượt người, giảm 46,6%.

Khách du lịch nội địa, cùng với việc tạm dừng tiếp nhận khách du lịch quốc tế để khống chế

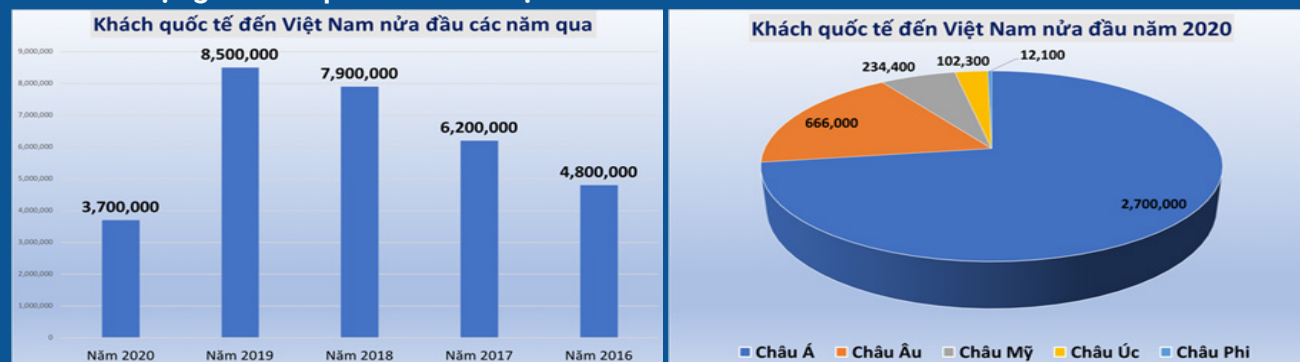
dịch Covid-19 thì tại thời điểm tháng 6, học sinh và sinh viên chưa nghỉ hè nên du lịch nội địa tuy đã mở cửa trở lại nhưng vẫn còn kém sôi động. Nhiều địa phương có thể mạnh về du lịch đều có doanh thu lữ hành 6 tháng giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước: Khánh Hòa giảm 73,5%; TPHCM giảm 71,2%; Bà Rịa- Vũng Tàu giảm 66,2%; Quảng Ninh giảm 60,8%; Cần Thơ giảm 55,8%; Quảng Bình giảm 52,3%; Thanh Hóa giảm 47,1%; Hà Nội giảm 44,2%; Đà Nẵng giảm 44%; Hải Phòng giảm 28,9%.

Tại thời điểm này, cùng với việc hàng loạt các địa phương chung tay tổ chức các hoạt động kích cầu du lịch nội địa nhằm tận dụng kỳ nghỉ hè rất ngắn sắp tới, ngành du lịch kỳ vọng sẽ tạo ra được nhiều tín hiệu tích cực để vực dậy ngành công nghiệp không khói trong thời gian tới.

##### Bài toán nan giải của các doanh nghiệp du lịch thời Covid- 19:

Các doanh nghiệp có thể phải chịu việc “ bị hủy tour” từ phía khách du lịch do tình hình dịch bệnh phức tạp dẫn đến việc doanh thu sụt giảm một cách nghiêm trọng và phải đối mặt với trạng thái cầm chừng hoạt động với các khoản chi phí phát sinh trong khoảng thời gian chưa xác định cho đến khi tình hình dịch bệnh có diễn biến khác. Ví thể mà các khoản vốn lưu động của doanh nghiệp có thể sẽ không kịp thời hoặc không có khả năng đáp ứng đủ nhu cầu để các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động trong một thời gian khá dài và không có một dự báo cụ thể chính xác. Cụ thể theo thống kê Sở Du lịch TP HCM, ở khối lữ hành hiện có gần 90% doanh nghiệp phải ngưng hoạt động; số còn lại hoạt động cầm chừng, chủ yếu giải quyết các công việc còn đọng.

Hình 3: Lượng khách quốc tế đến Việt Nam nửa đầu các năm từ 2016-2020



Từ vấn đề tài chính sụt giảm của các doanh nghiệp thì sẽ dễ dàng dẫn đến hậu quả kéo theo là người lao động sẽ phải đối mặt với nguy cơ mất việc rất cao do tình trạng cắt giảm nhân lực để tối thiểu hóa chi phí. Ví dụ cụ thể tại TP HCM, ở khối lưu trú, các khách sạn 3-5 sao đã cho nhân viên nghỉ việc không lương hoặc chấm dứt hợp đồng với số lượng lên tới 80- 90%; còn đối với khách sạn 1-2 sao, nhân viên cũng lâm vào tình trạng tương tự hoặc bị cho nghỉ hẳn.

Ngoài ra, doanh nghiệp còn phải đối mặt với các khoản thuế, bảo hiểm xã hội trong tình trạng tài chính suy giảm nghiêm trọng. Đây là một gánh nặng khá lớn đối với doanh nghiệp trong thời điểm hiện tại do doanh thu giảm, thậm chí không có còn chi phí cứ gia tăng đều đều khiến doanh nghiệp gần như “kiệt sức”, nhất là đối với các doanh nghiệp có quy mô hoạt động vừa và nhỏ, có nguồn vốn kém lưu động.

Hơn nữa, trong trạng thái lạc quan nhất là thế giới công bố hết dịch thì các doanh nghiệp cũng cần có một khoảng thời gian để phục hồi “chậm hơn” các doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác do phải chờ sự khởi động từ các hoạt động liên quan.

### 3.2. Ứng phó của doanh nghiệp.

Cùng với sự sụt giảm lượng khách, tổng thu

từ khách du lịch cũng giảm mạnh. Hội đồng Tư vấn Du lịch (TAB), vừa thực hiện khảo sát về tình hình hoạt động của các DN du lịch, lũy hành do tác động tiêu cực của dịch Covid-19. Kết quả cho thấy, với 394 doanh nghiệp tham gia trả lời, 71% doanh nghiệp cho biết doanh thu của họ trong quý I/2020 giảm hơn 30% so với cùng kỳ năm 2019; 77% doanh nghiệp dự kiến doanh thu quý II/2020 sẽ giảm hơn 80% so với cùng quý năm ngoái; Gần 50% doanh nghiệp cho hay họ sẽ không có doanh thu trong quý II/2020.

Để vượt qua khó khăn do những tác động xấu từ dịch Covid-19 đối với các doanh nghiệp ngành Du lịch trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi cần có nhiều giải pháp từ chính bản thân doanh nghiệp

Theo đó trong ngắn hạn, các doanh nghiệp du lịch cần chủ động sắp xếp lại lao động, rà soát, cắt giảm tối đa các chi phí để duy trì hoạt động, cho nhân viên nghỉ phép hoặc nghỉ không lương trong một khoảng thời gian để chung tay cùng doanh nghiệp. Doanh nghiệp du lịch nên hướng đến đối tượng khách hàng nội địa nhiều hơn trong thời điểm này vì hiện tại dịch bệnh tại các nước trên thế giới vẫn hết sức phức tạp nên việc

**Bảng 1: Các giải pháp ứng phó đối với dịch bệnh Covid-10 của các doanh nghiệp du lịch.**

	Đang thực hiện	Trong 3 tháng tới	Trong 6 tháng tới	Trong 9 tháng tới	Trong 12 tháng tới	Trong 24 tháng tới	Tôi không biết
Tiếp tục kinh doanh bình thường	15,8%	22,1%	21,1%	8,4%	12,6%	5,3%	14,7%
Điều chỉnh lại kế hoạch kinh doanh	33%	18%	18%	9%	15%	2%	5%
Sắp xếp lại thị trường khách hàng chính	24,5%	19,4%	22,4%	12,2%	12,2%	4,1%	5,1%
Dừng cung cấp một số dịch vụ hoặc một số hoạt động kinh doanh	53,4%	18,2%	11,4%	1,1%	5,7%	2,3%	8,0%
Thực hiện chính sách nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế. (Ví dụ: giảm lao động, sắp xếp lại bộ máy, giảm phí phục vụ...)	55,6%	18,2%	13,1%	5,1%	5,1%	2,0%	1,0%
Cắt giảm chi phí kinh doanh nói chung	56,3%	17,5%	11,7%	3,9%	4,9%	3,9%	1,9%
Đề nghị các nhà cung cấp giảm giá	48,5%	15,8%	11,9%	7,9%	7,9%	2,0%	5,9%
Tái cấu trúc lại cơ cấu nợ, tìm nguồn vốn để duy trì hoạt động	54,5%	12,5%	9,1%	2,3%	8,0%	1,1%	12,5%
Sáp nhập và mua/bán lại doanh nghiệp với doanh nghiệp khác	15,8%	3,9%	3,9%	5,3%	1,3%	3,9%	65,8%
Tạm đóng cửa doanh nghiệp	29,1%	13,9%	6,3%	3,8%	5,1%	0,0%	41,8%
Đóng cửa doanh nghiệp	13,3%	9,3%	6,7%	2,7%	4,0%	2,7%	61,3%
Giải pháp khác	42,3%	6,4%	3,8%	2,6%	3,8%	0,0%	41,0%

Nguồn: Nhóm nghiên cứu và khảo sát (Đại học Kinh tế Quốc Dân).

hạn chế du khách nước ngoài nhập cảnh để đảm bảo an toàn là cần thiết.

Trong dài hạn, các doanh nghiệp phối hợp tốt với các doanh nghiệp vận tải, hàng không, nhà hàng... để tạo nên sự hấp dẫn du lịch nội địa, cần có giải pháp đồng bộ từ việc tổ chức các hoạt động kích cầu du lịch nội địa, tổ chức liên kết các nhà cung cấp dịch vụ để hình thành những chương trình du lịch trọn gói với giá ưu đãi cho khách du lịch Việt Nam.

Cần đầu tư các tuyến du lịch nội địa mới, chú trọng khai thác du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch gắn với bảo vệ môi trường. Tận dụng thời gian này, các DN tập trung đào tạo nhân sự, bồi dưỡng chuyên môn, nâng cấp quy trình quản lý chất lượng, tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 vào các hoạt động của công ty, sửa sang lại cơ sở vật chất và chuẩn bị mọi thứ tốt nhất khi dịch kết thúc để hoạt động trở lại một cách tốt nhất. Cập nhật các thông tin hỗ trợ từ Chính phủ về các chính sách thuế, bảo hiểm, chính sách cho người lao động... một cách thường xuyên để giảm thiểu khó khăn cho DN và nhân viên trong thời điểm này.

### 3.3. Các kịch bản dịch covid- 19 có thể xảy ra đối với doanh nghiệp Việt Nam

Bộ VHTT&DL cũng đề xuất các giải pháp cụ thể cho 3 kịch bản diễn biến dịch Covid-19.

Với kịch bản Việt Nam công bố hết dịch, ngành tập trung kích cầu thị trường du lịch nội địa thông qua miễn, giảm có thời hạn giá dịch vụ (hàng không, lưu trú, phí tham quan...); tập trung vào phân khúc du lịch kết hợp kinh doanh, giải quyết công việc, MICE; triển khai chiến dịch truyền thông “ Du lịch Việt Nam an toàn”. Đề nghị Chính phủ có các gói kích cầu tiêu dùng, triển khai xây dựng Trung tâm Điều hành du lịch thông minh phục vụ chuyển đổi số trong và sau dịch Covid-19.

Với kịch bản Việt Nam và một số nước khác công bố hết dịch( dự kiến các nước khu vực châu Á có khả năng hết dịch sớm), ngành du lịch đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, phát động chương trình: “Việt Nam an toàn và hấp dẫn”( Vietnam NOW - Safety and Smiling), công bố các gói sản phẩm, dịch vụ ưu đãi. Mặt khác, ngành cũng cơ cấu lại thị trường khách du lịch quốc tế đến Việt

Nam, tập trung quảng bá khách đến và đi du lịch các thị trường đã hết dịch, nhất là phân khúc khách du lịch kết hợp kinh doanh, giải quyết công việc, MICE.

Khi thế giới công bố hết dịch, du lịch Việt Nam sẽ tăng cường xúc tiến quảng bá, ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai rộng rãi nhiều gói kích cầu với khách nội địa, quốc tế; kiến nghị Chính phủ xem xét tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến Việt Nam như tăng tần suất, mở thêm đường bay đến các thị trường quốc tế, miễn thị thực, miễn giảm phí thị thực nhập cảnh.

### 4. Giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid- 19 đối với ngành du lịch Việt Nam

Đầu tiên, cần có các biện pháp phòng chống và đối phó với dịch bệnh Covid- 19 mà xuất phát điểm cũng là mấu chốt của kế hoạch chính là nằm ở lòng dân. Mọi người cần nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, tự giác chấp hành các Chính sách, chỉ đạo từ phía Chính phủ, tự thân thực hiện các biện pháp phòng tranh để bảo vệ bản thân và gia đình, từ đó nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh của toàn xã hội, chung tay đẩy lùi dịch bệnh.

Tiếp theo, xây dựng và phục vụ khách du lịch an toàn trong dịch Covid- 19, lấy khách hàng nội địa làm cơ sở từ đó mở rộng ra việc phục vụ các du khách quốc tế. Các doanh nghiệp cần trang bị đầy đủ các kiến thức thực tế đảm bảo an toàn cao nhất cho khách du lịch, chủ yếu là thị phần khách du lịch nội địa khi dịch bệnh trong nước đang dần được khống chế. Lấy khách hàng nội địa làm cơ sở khởi động cho hoạt động du lịch, cũng là điểm sáng nâng cao uy tín với thị phần khách quốc tế. Toàn ngành du lịch nên tận dụng ngay cơ hội, đẩy mạnh truyền thông xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch, triển khai có hiệu quả Chương trình “ Du lịch Việt Nam an toàn”, bắt đầu từ những thị trường đã có sự hồi phục, chuyển sang giai đoạn sau dịch bệnh, Việt Nam có thể thu hút được khách du lịch quốc tế( cụ thể có khả năng sẽ là các thị trường Đông Bắc Á, như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và các nước Đông Nam Á,...).

Tăng cường xúc tiến quảng bá, phát triển các sản phẩm mới để thu hút khách du lịch quốc tế, nhất là khách du lịch đến từ các vùng không chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh, đồng thời tập trung vào việc phát triển du lịch nội địa. Hướng tới tập trung vào thị trường du lịch trong nước để giữ khách nội địa, giữ nhân sự cho ngành du lịch. Khuyến khích các ngành, các cấp, các công ty, xí nghiệp,... hưởng ứng chương trình kích cầu du lịch “ Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” để khôi phục thị trường du lịch Việt Nam. Trong du lịch nội địa, cần có sự giúp sức từ phía chính quyền địa phương và nâng cao việc đa dạng các phương pháp du lịch kích cầu cho các địa phương.

Cuối cùng, các doanh nghiệp du lịch đã mất đại đa số nguồn thu trong mùa cao điểm và có thể cần thêm thời gian mới có thể vực dậy được. Chính phủ nên xem xét giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng hay cả năm 2020, hỗ trợ lãi suất để doanh nghiệp có hy vọng đủ nguồn lực phục hồi khi dịch đi qua. Cụ thể là miễn giảm thuế giá trị gia tăng ( VAT) cho tiêu dùng du lịch trong vòng một năm, giảm 50% thuế VAT cho tiêu dùng du lịch và các doanh nghiệp du lịch trong quý IV năm 2020 và quý I năm 2021; giảm chi phí môi trường cho các doanh nghiệp du lịch, giảm thuế khoán đối với các hộ kinh doanh du lịch cá thể trong năm 2020, gia hạn thêm thời gian nộp bảo hiểm xã hội,... Chính phủ cần đưa ra các gói bảo hiểm để các doanh nghiệp trực tiếp thụ hưởng, tránh đưa về các địa phương, sẽ gây khó khăn đến tay người lao động của doanh nghiệp.

Thiết nghĩ Chính phủ nên thành lập tổ công tác liên ngành để thúc đẩy du lịch phát triển. Trong thời gian tới, cần có các Chính sách kích cầu du lịch, đảm bảo sự tham gia hiệu quả của toàn ngành du lịch cũng như các bộ, ngành liên quan. Các bộ, ngành, địa phương xây dựng chính sách kịp thời và đồng bộ hỗ trợ doanh nghiệp du lịch giảm thiểu các thiệt hại, giúp các doanh nghiệp phục hồi và trở lại có hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cần triển khai giảm các loại phí, lãi suất thị trường mở (OMO), lãi suất tái cấp vốn cho các ngân hàng thương mại mà không ảnh hưởng đến mục

tiêu kiềm chế lạm phát; xem xét cho ngân hàng thương mại gia tăng nợ xấu quá hạn, nợ xấu của nhóm các ngành kinh tế bị ảnh hưởng do dịch bệnh để cơ cấu lại nợ tại các ngân hàng thương mại, đồng thời có những khoản vay ưu đãi không lãi suất hoặc lãi suất thấp để có chi phí trả lương cho đội ngũ các bộ công nhân viên. Triển khai gói hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch- nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, vận tải du lịch, khu du lịch, các khu vui chơi giải trí,...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jaume Rosselló, Maria Santana-Gallego, Waqas Awan (2017). <https://academic.oup.com>. Retrieved from <https://doi.org/10.1093/heapol/czw177>.
- [2] Stefan Gössling, Daniel Scott & C. Michael Hall (2020). <https://www.tandfonline.com/>. Retrieved from <https://doi.org/10.1080/09669582.2020.175878>
- [3] Oanh.K (2020/ 06/ 18). <http://tapchitaichinh.vn>. Retrieved from <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/giai-phap-nao-cho-doanh-nghiep-du-lich-vuot-qua-kho-khan-324441.html>
- [4] Nam.N. (2020/ 04/ 13). <http://baochinhphu.vn>. Retrieved from <http://baochinhphu.vn/Du-lich/Ba-kich-ban-go-roi-cho-nganh-du-lich-trong-cuoc-chien-voi-COVID19/392817.vgp>
- [5] Hoàng, P. T., Đức, T. H., & Anh, N. Đ. <http://ktpt.neu.edu.vn>. (2020). Retrieved from <http://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20274/379214.pdf>
- [6] Nhật Nam(05/2020), DN đề xuất Chính phủ các giải pháp hỗ trợ phục hồi du lịch, Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, <http://baochinhphu.vn/Du-lich/DN-de-xuat-Chinh-phu-cac-giai-phap-ho-tro-phuc-hoi-du-lich/395197.vgp>
- [7] Nhật Nam(04/2020), Ba kịch bản “ gỡ rối” cho ngành du lịch trong “ cuộc chiến” với Covid-19, Báo điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- [8] Hồng Quyên(08/2020), Doanh nghiệp du lịch làm thế nào vượt qua khủng hoảng?, Thời báo Tài chính, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2020-08-07/doanh-nghiep-du-lich-lam-the-nao-vuot-qua-khung-hoang-90655.aspx>
- [9] Trang Linh( 08/2020), Tăng kháng cự cho du lịch trước “cú đấm bồi” Covid-19, Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.com.vn/dien-dan-dulich/tang-khang-cu-cho-du-lich-truoc-cu-dam-boi-covid-19-611976/>

# TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐẾN NHU CẦU TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG VIETCOMBANK

Bùi Thị Mỹ Tiên  
K19412

Huyền Nguyễn Anh Thy  
K18504

Nguyễn Ngọc Minh Thanh  
K19404A

**Tóm tắt:** Đại dịch Covid19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới, tác động đến mọi mặt kinh tế- xã hội, đặc biệt tác động rất lớn đến nhu cầu tín dụng doanh nghiệp. Hiện nay, sự biến động của tín dụng là đang vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ- đối tượng đang rất cần hỗ trợ vốn trong giai đoạn này. Ngân hàng Vietcombank đã được chọn khảo sát để đánh giá nhu cầu tín dụng của doanh nghiệp thay đổi thế nào trước diễn biến của đại dịch Covid19. Sự tăng trưởng tín dụng, lãi suất, nhu cầu tín dụng,... đã bị tác động và tác động đến tình hình kinh tế hiện nay ra sao. Từ đó, đưa ra các giải pháp mà nhà nước, ngân hàng Vietcombank, các doanh nghiệp sẽ lựa chọn để đối phó trước sự biến động kinh tế lớn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua đại dịch Covid19.

**Từ khóa:** tín dụng doanh nghiệp, tín dụng Vietcombank, nhu cầu tín dụng, tín dụng.

## 1. Giới thiệu

Tín dụng là một phạm trù kinh tế và nó cũng là sản phẩm của nền kinh tế hàng hóa. Tín dụng là việc một bên (bên cho vay) cung cấp nguồn tài chính cho đối tượng khác (bên đi vay), sau đó bên đi vay sẽ hoàn trả tài chính cho bên cho vay trong một thời hạn thỏa thuận và thường kèm theo lãi suất. Trong đó, bên đi vay có thể là cá nhân hoặc tổ chức, còn bên cho vay là ngân hàng, hoặc tổ chức tài chính tín dụng nào đó. Sản phẩm vay có thể là hàng hóa hoặc tiền.

Vai trò quan trọng nhất của tín dụng là cung ứng vốn một cách kịp thời cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, một doanh nghiệp duy trì được hoạt động liên tục đòi hỏi vốn của doanh nghiệp phải đầy đủ đồng thời ở cả ba giai đoạn: dự trữ, sản xuất và lưu thông. Hiện tượng thừa, thiếu vốn tạm thời luôn xảy ra ở các doanh

nh nghiệp. Khi đó tín dụng đã góp phần điều tiết các nguồn vốn nhằm tạo điều kiện cho quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp không bị gián đoạn. Nhờ vậy mà các do-

anh nghiệp có thể đẩy nhanh tốc độ sản xuất cũng như tốc độ tiêu thụ sản phẩm.

## Sơ lược tình hình tín dụng doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung và tại Vietcombank nói riêng trong 5 năm gần đây nhất (2014-2019)

Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, mặc dù nhu cầu tín dụng tháng 4 và 5 khá yếu nhưng tính đến cuối tháng 6, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 3,26%.

Mức tăng này chưa bằng một nửa so với cùng kỳ năm ngoái và là mức tăng thấp nhất 7 năm qua tính theo giai đoạn nửa năm. Xét theo cơ cấu, tín dụng tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực thương mại, công nghiệp và xây dựng trong đó công nghiệp và xây dựng ghi nhận tổng dư nợ tăng trưởng cao nhất so với các nhóm ngành còn lại. (Hình 1)

## 2. Thực trạng nhu cầu tín dụng của các doanh nghiệp trong thời Covid-19 tại các ngân hàng Việt Nam 6 tháng đầu năm 2020.

### Tình hình chung

Tổng tài sản của Ngân hàng Quốc Dân (NVB) giảm 11% so với đầu năm, xuống 71.386 tỷ đồng, chủ yếu do tiền, vàng gửi tại tổ chức

Hình 1: Tăng trưởng tín dụng 6 tháng qua các năm



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Thống kê

tín dụng khác giảm 76% và cho vay các tổ chức tín dụng khác giảm 94% giảm mạnh. Còn cho vay khách hàng của NVB chỉ tăng nhẹ 3% so với đầu năm, đạt 38.862 tỷ đồng.

Trong khi đó, tổng tài sản của Bac A Bank đạt 110.928 tỷ đồng, tăng nhẹ 3% so với đầu năm chủ yếu nhờ các khoản phải thu tăng 13%. Trong đó, cho vay khách hàng xấp xỉ đầu năm, ghi nhận 74.015 tỷ đồng. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước giảm đến 48%, chỉ còn 259 tỷ đồng.

Tổng tài sản của Saigonbank giảm gần 10% so với đầu năm, xuống còn 20.569 tỷ đồng.

Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng giảm 2,79%, đạt 14.151 tỷ đồng. Tiền gửi của khách hàng tăng 2%, đạt 15.982 tỷ đồng.

Nhưng điều đáng chú ý, mặc dù tín dụng tăng trưởng âm, Ngân hàng vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong 6 tháng đầu năm, với lợi nhuận trước thuế đạt 125 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái, nhờ giảm mạnh dự phòng rủi ro.

Tại Kienlongbank, tính đến cuối tháng 6/2020, cho vay khách hàng xấp xỉ đầu năm nay, ghi nhận 34.146 tỷ đồng, trong đó cho vay doanh nghiệp tư nhân gấp 10,4 lần đầu năm (231 tỷ đồng).

Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2020 của SeABank cũng cho thấy, tính đến ngày 30/6, tổng tài sản của SeABank đạt 161.540 tỷ đồng, tăng nhẹ 3% so với đầu năm, chủ yếu do tăng các khoản phải thu (tăng 24%), chứng khoán kinh doanh (gấp 2,6 lần). Đáng chú ý, cho vay khách hàng lại giảm nhẹ 1%, ghi nhận 98.004 tỷ đồng.

Với Agribank, tổng tài sản tính của Ngân hàng đạt trên 1,46 triệu tỷ đồng; nguồn vốn đạt trên 1,35 triệu tỷ đồng; tổng dư nợ và đầu tư đạt trên 1,33 triệu tỷ đồng, trong đó cho vay nền kinh tế đạt trên 1,135 triệu tỷ đồng. Vốn tín dụng Agribank chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ gần 2 triệu tỷ đồng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và chiếm trên 50% thị phần dư nợ lĩnh vực này của toàn ngành ngân hàng Nhà nước.

Theo thông tin của lãnh đạo các nhà băng, hiện thanh khoản của ngân hàng đang khá dồi dào, thậm chí ngân hàng thừa tiền nhưng khó cho vay ra. Bởi do ảnh hưởng của dịch bệnh, doanh nghiệp chưa có nhu cầu vay đầu tư, sản xuất, kinh doanh mới.

Chẳng hạn, Sacombank cho biết, Ngân hàng đang dư thừa khoảng 30.000 tỷ đồng nên khó duy trì lãi suất ở mức cao, song tín dụng nhà băng này nửa đầu năm nay cũng chỉ tăng gần 5%.

Tuy nhiên, vẫn có một số ngân hàng có tăng trưởng tín dụng tốt trong 6 tháng đầu năm nay như VPBank, Vietcombank, TPBank... Cụ thể, tăng trưởng tín dụng hợp nhất của VPBank đạt 9,8% so với cuối năm 2019. Trong đó, tỷ lệ tăng trưởng ở riêng ngân hàng mẹ đạt tới 12,7%.

Với Vietcombank, tại hội nghị sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm vừa tổ chức,

lãnh đạo nhà băng này cho biết, đến cuối tháng 6, dư nợ tín dụng Ngân hàng đạt trên 772.000 tỷ đồng, tăng 5% so với 2019 và là một điểm sáng về mức tăng trưởng cao trong toàn hệ thống ngân hàng.

Thông tin từ TPBank cho biết, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 khiến mức tăng tín dụng của toàn ngành khá thấp, hết 6 tháng, Ngân hàng mới chỉ đạt mức tăng 5% với với kế hoạch tăng trưởng tín dụng 15% trong năm 2020.

Một số ngân hàng khác đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng lớn trong năm nay là OCB mục tiêu 2%, VIB dự kiến tăng 24%, MSB 20%, HDBank 16%, Sacombank 11% và đang xin nới room tín dụng lên 14%...

Theo nhận định của giới phân tích kinh tế - tài chính, khả năng tín dụng chỉ tăng khoảng 10% trong năm nay.

Tình hình cụ thể tại ngân hàng Vietcombank Tính đến hết tháng 6 năm 2020, tổng tài sản của Vietcombank giảm 3% so với cuối năm 2019, xuống còn xấp xỉ 1.186 nghìn tỷ đồng, chủ yếu là nhờ vào hoạt động cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng nhẹ( 4%), ngoài ra các khoản mục khác đều có xu hướng giảm xuống.

Hoạt động cho vay khách hàng: Các khoản về cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất vẫn là cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước với 99,18%( hơn 764 nghìn tỷ VNĐ), tăng 5% so với số liệu ngày 31/12/2019. Có thể thấy trong tình trạng không quá khả quan của nền kinh tế dưới biến động bất thường của dịch bệnh, Ngân hàng vẫn có thể giữ được mức tăng trưởng

cao, là một biểu hiện hết sức khả quan và “ sáng” của toàn hệ thống ngân hàng, trong khi một số ngân hàng đã và đang gánh chịu hậu quả tăng trưởng tín dụng âm từ diễn biến phức tạp của Covid- 19, đang gồng mình tìm cách khắc phục và giảm bớt hậu quả của nó.

Trong đó, tín dụng bán lẻ của Vietcombank tiếp tục tăng trưởng cao ở mức 7,4%, chiếm gần 52% tổng dư nợ ngân hàng và tăng thêm 1,2 điểm phần trăm so với 2019, chất lượng tín dụng cũng được kiểm soát. Tỷ lệ nhóm nợ đủ tiêu chuẩn vẫn giữ ở mức cao và ổn định so với năm 2019, xấp xỉ 98%, sự biến động của các nhóm nợ khác không nhiều và vẫn theo chiều hướng ngân hàng có thể kiểm soát và điều chỉnh. Đây là một điểm đáng chú ý bởi khả năng kiểm soát chất lượng nợ tốt từ phía ngân hàng, là một biểu hiện lạc quan cho nền kinh tế và của hệ thống ngân hàng khi các tiêu chuẩn nợ được đáp ứng và đảm bảo được sự tồn tại cũng như nhu cầu kinh doanh và khả năng chi trả cho ngân hàng, đảm bảo khả năng luân chuyển nguồn vốn được duy trì.

Đáng chú ý, với Vietcombank tăng trích dự phòng rủi ro trong những năm trước nên năm 2020 dù ảnh hưởng bởi đại dịch lên đến 250%. Bởi theo lãnh đạo Vietcombank, với tình hình hiện nay, chất lượng tín dụng sẽ bị ảnh hưởng trong thời gian tới. Vì thế, ngân hàng đã tăng trích dự phòng để bao nợ xấu.

Theo Chủ tịch HĐQT Vietcombank, lãi suất đang có xu hướng thấp (cả huy động và cho vay), do thanh khoản dồi dào (kể cả thị trường 1 và liên ngân hàng). Lãi suất tiền gửi giảm kéo theo lãi suất cho vay giảm. Nếu đáp ứng đủ điều kiện, doanh nghiệp sẽ được ngân hàng cung ứng vốn.

Trong thời gian qua, doanh nghiệp kêu khó tiếp cận tín dụng, nhưng lãnh đạo Vietcombank cho rằng, cũng cần xem xét lại. Vì với ngành ngân hàng luôn kiểm soát chất lượng tín dụng để hạn chế rủi ro nợ xấu. Mặt khác, để vay được vốn doanh nghiệp cũng phải đáp ứng được các điều kiện tín dụng.

### 3. Phân tích nguyên nhân nhu cầu tín dụng của các doanh nghiệp biến động trong 6



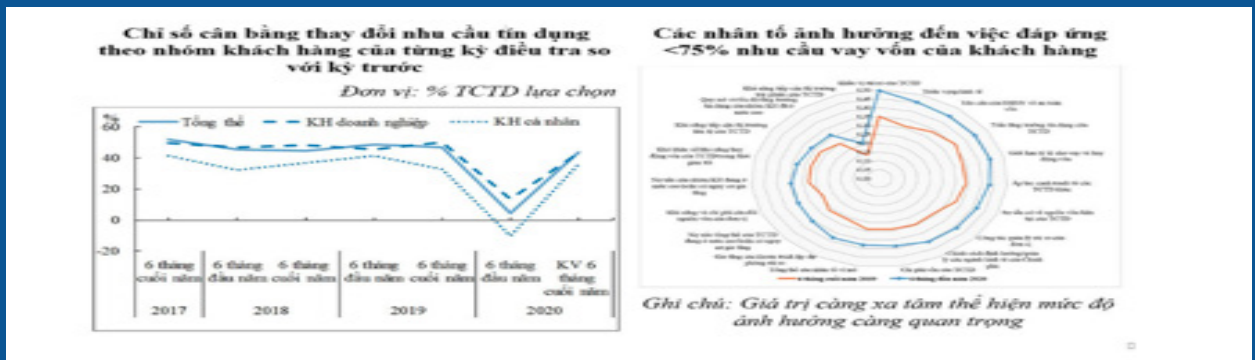
tháng đầu năm 2020

Các tổ chức tín dụng (TCTD) vẫn đánh giá nhu cầu tín dụng “tăng” trong 6 tháng đầu năm 2020, tuy nhiên đã điều chỉnh mạnh từ mức 91% TCTD kỳ vọng “tăng” ghi nhận tại kỳ điều tra tháng 12/2019 xuống còn 64% tại cuộc điều tra này. Đặc biệt điều chỉnh kỳ vọng đối với nhu cầu vay đầu tư công nghiệp hỗ trợ, xuất nhập khẩu, mua nhà để ở, đầu tư và kinh doanh du lịch.

năm 2019, với 88,7% TCTD cho biết đã đáp ứng từ “75%-100%” nhu cầu vay vốn, cao hơn tỷ lệ 84,3% của 6 tháng cuối năm 2019. Chỉ có 11,3% TCTD cho biết đáp ứng dưới 75% nhu cầu tín dụng của khách hàng trong 6 tháng đầu năm 2020, nguyên nhân chính là do sự thay đổi “khẩu vị rủi ro của đơn vị” và “diễn biến kinh tế”.

Kết quả điều tra cũng chỉ ra rằng, các ngành nghề được cho là động lực tăng trưởng tín

Hình 2:



Nguồn: thitruongtaichinhntiente.vn

Nguyên nhân chủ yếu của những điều chỉnh này là do diễn biến tăng trưởng kinh tế, sự thay đổi nhu cầu đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tiêu dùng, cơ hội đầu tư xuất nhập khẩu, thị trường bất động sản chịu tác động bất lợi của dịch COVID-19.

Các TCTD cũng cho biết, đã cắt giảm lãi suất biên và các phí phi lãi suất trong 6 tháng đầu năm 2020 để hỗ trợ, tăng khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng. Các điều kiện và điều khoản vay vốn được dự kiến “nới lỏng” hơn với các khoản vay cho sản xuất, kinh doanh và vay qua thẻ tín dụng trong 6 tháng cuối năm 2020.

Tuy nhiên, các TCTD kiểm soát kỹ hơn các yêu cầu về tài sản đảm bảo và xếp hạng tín nhiệm của khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng tín dụng do rủi ro tín dụng, đặc biệt “thắt chặt” hơn điều kiện và điều khoản vay vốn đối với các khoản vay đầu tư kinh doanh bất động sản, chứng khoán và vay tiêu dùng.

Trong 6 tháng đầu năm 2020, các TCTD đã đáp ứng nhu cầu vay vốn tổng thể của khách hàng ở mức độ cao hơn so với 6 tháng cuối

động trong 6 tháng đầu năm 2020 là lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ; xuất, nhập khẩu; xây dựng; dệt may.

Dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2020, 49%

TCTD kỳ vọng “xuất nhập khẩu” sẽ là động lực tăng trưởng tín dụng của hệ thống, tiếp đến là “bán buôn, bán lẻ” với 47%; “dệt may” với 41%; và “xây dựng” với 40% TCTD kỳ vọng.

Các ngân hàng đang rất thận trọng ở thời điểm hiện tại. Dù Chính phủ có liên tục yêu cầu các ngân hàng phải hỗ trợ doanh nghiệp với gói hỗ trợ lãi suất lên tới 300.000 tỷ, nhưng đó chỉ là lời hiệu triệu từ Chính phủ, ngân hàng có muốn cho doanh nghiệp, nhưng khi xảy ra nợ xấu, ai sẽ chịu trách nhiệm? Vì thế, các ngân hàng phải tự bảo vệ mình, không mạo hiểm cho vay ở thời điểm hiện tại.

Đây là lúc tiền ngân sách phải được đổ vào nền kinh tế, dù có phải đối diện với nguy cơ lạm phát hay ngân sách eo hẹp. Doanh nghiệp cần được Chính phủ cứu để vượt qua giai đoạn này.

Cách đây 2 tuần, theo số liệu cập nhật từ Tổng cục Thống kê đã có hơn 35.000 doanh nghiệp ngừng hoạt động. Các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ đang chịu tác động nặng nề của dịch bệnh, thanh khoản thấp dẫn tới mất thanh khoản khiến ngân hàng đang rất lo ngại rủi ro nợ xấu. Các ngân hàng đang ở trong trạng thái quan sát, không dám cho vay mới. Điều này là dễ hiểu khi nợ xấu đã từng là nỗi ám ảnh dài lâu cho ngành ngân hàng và cả nền kinh tế trong nhiều năm qua.

Kết quả điều tra cho thấy, các TCTD kỳ vọng sự cải thiện đáng kể nhu cầu tín dụng của khách hàng trong 6 tháng cuối năm 2020 trên cơ sở dự báo về sự phục hồi tăng trưởng kinh tế, cơ hội, nhu cầu đầu tư vào sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu góp phần thúc đẩy nhu cầu tín dụng của các nhóm khách hàng.

Nhìn nhận mức độ rủi ro tín dụng trong 6 tháng cuối năm, các TCTD cho rằng mức độ rủi ro sẽ tăng ít hơn so với 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, tính chung trong cả năm 2020, các TCTD nhận định mặt bằng rủi ro tín dụng tăng lên so với năm 2019.

## Nguyên nhân đến từ phía ngân hàng Vietcombank

Tại hội nghị sơ kết hoạt động sáu tháng đầu năm của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam mới đây, lãnh đạo Vietcombank cho biết tổng dư nợ tín dụng của ngân hàng tính đến cuối tháng 6.2020 đạt trên 772.000 tỉ đồng, tăng khoảng 5% so với đầu năm, trong đó tín dụng bán lẻ chiếm hơn một nửa dư nợ ghi nhận mức tăng trưởng 7,4% trong nửa đầu năm.

Lãnh đạo Vietcombank đánh giá mức tăng trưởng này là một điểm sáng trong toàn hệ thống, mặc dù nếu so với chỉ tiêu 14-15% đề ra cho năm nay, VCB mới chỉ hoàn thành 1/3 chặng đường.

Năm ngoái lợi nhuận trước thuế của ngân hàng này đã cán mốc gần 1 tỉ USD, con số cao kỷ lục từ trước đến nay trong hệ thống các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên bức tranh năm 2020 trở thành thách thức lớn đối

với Vietcombank nói riêng và giới ngân hàng nói chung khi Covid-19 bùng phát.

Trong nửa đầu năm, thực hiện theo thông tư 01 của Ngân hàng Nhà nước, nhiều ngân hàng đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm. Tại Vietcombank, con số này là 11.761 tỉ đồng và đã giảm lãi suất cho vay trên tổng dư nợ hơn 200.000 tỉ đồng.

Tín dụng vẫn là nguồn thu chính của các ngân hàng dù trong nhiều năm qua nhiều ngân hàng đã chủ động đẩy mạnh các thu nhập phi tín dụng như bancassurance, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đầu tư chứng khoán và trái phiếu,...

## 4. Giải pháp, đề xuất việc hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp

### 4.1. Từ phía ngân hàng Vietcombank

- Giảm lãi suất cho vay, tăng hạn mức tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp lớn như Vinacomin, Vietnam Airlines, Công ty CP Tùng Lâm,...

- Triển khai các gói tín dụng ưu đãi dành cho các khách hàng doanh nghiệp chịu tác động bởi Covid-19 để phục hồi sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động và cân đối dòng tiền.

### 4.2. Từ phía NHNN

- Trong điều hành lãi suất, điều chỉnh giảm 02 lần các mức lãi suất điều hành, với tổng mức giảm 1,0-1,5%/năm để hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn chi phí thấp từ NHNN; giảm 0,6-0,75%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 1%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên trợ, hiện ở mức 5,0%/năm, để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của doanh nghiệp và người dân.

- Về điều hành tỷ giá, ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước, thanh khoản thông suốt, TCTD mua ròng từ khách hàng, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

- Trong lĩnh vực thanh toán, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được rà

soát, bổ sung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM).

### 4.3. Từ quan điểm nhìn nhận riêng của tác giả

- Trong tình hình hiện nay nên bám sát theo diễn biến dịch Covid-19, kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng, đảm bảo chất lượng tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng khôi phục nhanh chóng sản xuất, kinh doanh. Từ đó, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế, đảm bảo hài hòa mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế sau đại dịch.

- Đẩy mạnh giải pháp ngân hàng số. Đây là công cụ an toàn, thuận tiện, giúp tối ưu hóa chi phí cho doanh nghiệp với các ưu đãi như miễn phí hoàn toàn phí chuyển khoản nội địa, giảm 50% phí chuyển khoản quốc tế, ưu đãi lãi suất, ưu đãi tỷ giá khi giao dịch mua bán ngoại tệ đồng thực hiện thủ tục nhanh chóng...

### 5. Kết luận

Bài nghiên cứu này cho ta cái nhìn bao quát, toàn diện cũng như những phân tích cụ thể, chi tiết sự thay đổi về nhu cầu tín dụng của các doanh nghiệp tại ngân hàng Vietcombank qua từng thời kỳ, từng giai đoạn của đại dịch Covid19. Thực trạng nhu cầu tín dụng 6 tháng đầu năm của các doanh nghiệp Việt Nam tại ngân hàng Vietcombank có những thay đổi, chuyển biến rõ rệt. Nhu cầu tín dụng thời gian qua rất yếu, đặc biệt là trong tháng 4 – 5/2020, tuy nhiên đã phục hồi tốt hơn trong tháng 6/2020. Mặc dù tín dụng tăng trưởng âm, ngân hàng vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong 6 tháng đầu năm, với lợi nhuận trước thuế đạt mức cao, nguồn vốn đang dư thừa. Đồng thời Vietcombank còn chuyển sang tín dụng bán lẻ, do đó rủi ro được phân tán khi có khủng hoảng rủi ro nợ xấu thấp. Không chỉ riêng ngân hàng Vietcombank, các ngân hàng khác cũng có chuyển biến gần như tương tự về nhu cầu tín dụng và sự tăng trưởng tín dụng trong 6 tháng đầu năm. Tín dụng tại một số ngân hàng khác dù không âm và có dấu hiệu tăng,

nhưng không cao như mọi năm. Một phần nguyên do cũng là vì hiện nay với những doanh nghiệp yếu thì không đáp ứng được điều kiện tín dụng để cho vay, trong khi đó, với những công ty lớn chưa có nhu cầu sử dụng vốn vay. Thậm chí, các doanh nghiệp này còn đem tiền nhàn rỗi gửi ngân hàng. Vì vậy ta phải đưa ra giải pháp thích hợp để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong tình hình kinh tế hiện nay, thúc đẩy các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh sản xuất, sử dụng tín dụng, hoặc giúp các doanh nghiệp có nhu cầu tín dụng có thể sử dụng dịch vụ tín dụng được tối ưu nhất. Mục thứ 5 của bài viết đã đưa ra các giải pháp cụ thể từ từng đối tượng để hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tốt nhất.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Vũ, Đ. (17/04/2020). Retrieved from tapchitaichinh.vn: <http://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/tin-dung-tang-manh-trong-dinh-dich-covid19-tai-sao-321623.html>.

[2] 6 tháng đầu năm 2020: Ngành ngân hàng đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp vượt qua đại dịch( 06/2020) [http://vnba.org.vn/index.php?option=com\\_k2&view=item&id=15083:6-thang-dau-nam-2020-nganh-ngan-hang-dong-hanh-cung-nguoi-dan-doanh-nghiep-vuot-qua-dai-dich&Itemid=252&lang=vi](http://vnba.org.vn/index.php?option=com_k2&view=item&id=15083:6-thang-dau-nam-2020-nganh-ngan-hang-dong-hanh-cung-nguoi-dan-doanh-nghiep-vuot-qua-dai-dich&Itemid=252&lang=vi)

[3] (26/04/2020). Retrieved from dntthanhhoa.vn: <http://dntthanhhoa.vn/web/trang-chu/thao-go-kho-khan-trong-quan-he-tin-dung-cho-doanh-nghiep-bi-anh-huong-boi-dich-benh-covid-19.html>.

[4] Thùy Vinh( 06/2020), Một loạt ngân hàng báo cáo sớm kết quả quý 2, lợi nhuận đạt được vẫn khả quan, Đầu tư chứng khoán. <https://tinnhanhchungkhoan.vn/ngan-hang/mot-loat-ngan-hang-bao-cao-som-ket-qua-quy-2-loi-nhuan-dat-duoc-van-kha-quan-331828.html>

[5] Đình Vũ( 04/2020), Tín dụng tăng mạnh trong đỉnh dịch COVID-19, tại sao?, Tạp chí tài chính. <http://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/tin-dung-tang-manh-trong-dinh-dich-covid19-tai-sao-321623.html>

[6] Vân Linh( 07/2020), Tín dụng nhiều ngân hàng chưa thoát tăng trưởng âm, Tạp chí Tài chính. <http://tapchitaichinh.vn/ngan-hang/tin-dung-nhieu-ngan-hang-chua-thoat-tang-truong-am-325917.html>

## BỎ HỌC CẤP 3, NGƯỜI ĐÀN ÔNG NHẬT BẢN TRỞ THÀNH TỶ PHÚ GIỮA ĐẠI DỊCH

Lê Thị Thảo Nghi

K194131681

Trước một đại dịch kéo dài và không thấy điểm dừng, các công ty thừa biết những tổn thất mà chúng đem lại và phải tìm những giải pháp khắc phục tổn thất ở mức thấp nhất nhưng GMO Internet-một công ty Nhật Bản đã giúp cho nhà sáng lập Masatoshi Kumagai trở thành tỷ phú. Theo Forbes, tài sản ròng của doanh nhân Kumagai chạm mốc 1 tỷ USD khi cổ phiếu GMO Internet tăng vọt nhờ nhu cầu sử dụng các dịch vụ Internet ở Nhật Bản ngày càng tăng. Công ty có trụ sở tại Tokyo này cung cấp cơ sở hạ tầng Internet như điện toán đám mây, hệ thống phục vụ quảng cáo, truyền thông và ngân hàng trực tuyến. Các nhà đầu tư lạc quan về tốc độ tăng trưởng tương lai của GMO Internet. “Các hình thức kinh doanh và phong cách sống mới dựa trên Internet như làm việc từ xa, kiểm tra y tế trực tuyến, lớp học hay mua sắm online ngày càng phổ biến do ảnh hưởng của dịch Covid-19, từ đó đẩy mạnh nhu cầu của người dùng với các dịch vụ mà chúng tôi đã phát triển trong 25 năm qua”, ông Kumagai cho biết. Cổ phiếu GMO Internet niêm yết tại Tokyo tăng 50% tính từ đầu năm đến nay, trong khi chỉ số Nikkei giảm 5% trong cùng kỳ. Công ty báo cáo đạt doanh thu thuần trong quý I cao kỷ lục với 53,6 tỷ yen (490 triệu USD), tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nhân Kumagai sẽ bước sang tuổi 57 vào tháng 7 tới. Ông thành lập công ty tiền thân của GMO Internet vào năm 1991. Khoảng 8 năm sau, công ty này lên sàn, trở thành một trong những công ty Internet sớm nhất được niêm yết tại Nhật Bản. Phần lớn tài sản của Kumagai đến từ cổ phần của ông tại GMO Internet. Bên cạnh GMO Internet, Kumagai cũng tỏ ra là một người rất năng động ngoài công việc. Theo website cá nhân của ông, ông được cấp giấy phép bay trực thăng và có PADI - chứng chỉ lặn biển chuyên nghiệp. Ông thích rượu và đã đầu tư vào nhà nhập khẩu rượu Vin Passion và sưu tập các tác phẩm nghệ thuật của tác giả British và Jukian Opie. Không giống

như hầu hết tỷ phú Nhật Bản, Kumagai bỏ học từ thời phổ thông. “Tôi cảm thấy xấu hổ về bản thân mình. Tôi đã không học gì cả vì tự tin rằng mình có thể đạt được bất kỳ điều gì”, ông cho biết. Đến năm 20 tuổi, Kumagai nhận ra sự cần thiết của việc học tập và ông tự trau dồi thêm kiến thức cho mình. Đây là một ví dụ rất điển hình của sự thông minh, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đậm sức sống tuổi trẻ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hằng.T Retrieved from <https://vietstock.vn/2020/07/bo-hoc-cap-3-nguoi-dan-ong-nhat-ban-tro-thanh-ty-phu-giua-dai-dich-4262-772661.htm>

## ĐIỀU KIỆN VÀ NỘI DUNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN GẶP KHÓ KHĂN TRONG ĐẠI DỊCH COVID-19

Trương Công Quốc Bảo

K18504

### 1. Điều kiện, thủ tục hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch covid-19

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 15/2020/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, trình tự hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 sau:

- Người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương;
- Hộ kinh doanh;
- Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp;
- Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm;
- Người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội.
- Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động.

Cụ thể, người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- 1- Thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 1 tháng

liên tục trở lên tính từ ngày 1/4/2020 đến hết ngày 30/6/2020 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 1/4/2020 đến ngày 1/6/2020

2- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương; 3- Làm việc tại các doanh nghiệp không có doanh thu hoặc không còn nguồn tài chính để trả lương (sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng tiền lương, nguồn lợi nhuận sau thuế và các nguồn tài chính hợp pháp khác của doanh nghiệp, số dư đến hết ngày 31/3/2020) do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau:

1- Doanh thu do cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh năm 2020 dưới 100 triệu đồng, được xác định tại thời điểm ngày 15/1/2020 theo quy định của pháp luật quản lý thuế;

2- Tạm ngừng kinh doanh từ ngày 1/4/2020 theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ kinh phí khi có đủ các điều kiện sau đây: Có giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trước thời điểm ngày 1/4/2020 và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 1/4/2020 đến hết ngày 15/6/2020 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định; không có thu nhập hoặc có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1- Mất việc làm và có thu nhập thấp hơn mức chuẩn cận nghèo quy định tại Quyết định

số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trong thời gian từ ngày 1/4/2020 đến ngày 30/6/2020;

2- Cư trú hợp pháp tại địa phương;

3- Thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp, làm một trong những công việc sau: bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định; thu gom rác, phế liệu; bốc vác, vận chuyển hàng hóa; lái xe mô tô 2 bánh chở khách, xe xích lô chở khách; bán lẻ xổ số lưu động; tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú, du lịch, chăm sóc sức khỏe. Quyết định nêu rõ, căn cứ vào điều kiện và tình hình thực tế, UBND cấp tỉnh quyết định các đối tượng được hỗ trợ khác ngoài các đối tượng này từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác. Nguồn kinh phí hỗ trợ người bán vé xổ số lưu động được bảo đảm từ các nguồn tài chính hợp pháp của các công ty xổ số kiến thiết và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Quyết định cũng nêu rõ hỗ trợ người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội. Cụ thể: Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng (bao gồm cả thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng, thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động hằng tháng) trong danh sách hưởng trợ cấp tháng 4/2020. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến ngày 31/12/2019 của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận theo chuẩn nghèo quốc gia quy định tại Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015. Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách trợ cấp xã hội hằng tháng, trong danh sách hưởng trợ cấp xã hội tháng 4/2020. Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo rà soát, xem xét, phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ.

Về hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động, Quyết định nêu rõ điều kiện vay vốn như sau:

1- Có từ 20% hoặc từ 30 người lao động trở lên đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 1 tháng liên tục trở lên; đã

trả trước tối thiểu 50% tiền lương ngừng việc cho người lao động trong khoảng thời gian từ ngày 1/4/2020 đến hết ngày 30/6/2020;

2- Đang gặp khó khăn về tài chính, không cân đối đủ nguồn để trả lương ngừng việc cho người lao động, đã sử dụng hết quỹ dự phòng tiền lương để trả lương cho người lao động ngừng việc;

3- Không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm ngày 31/12/2019.

## 2. Các mức hỗ trợ cho các đối tượng gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19

Ngày 9/4/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Theo đó 7 nhóm đối tượng được hỗ trợ như sau:

1- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động phải thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên do các doanh nghiệp gặp khó khăn bởi đại dịch Covid-19, không có doanh thu hoặc không có nguồn tài chính để trả lương thì được hỗ trợ với mức 1.800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch, tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và không quá 3 tháng.

2- Người sử dụng lao động có khó khăn về tài chính và đã trả trước tối thiểu 50% lương ngừng việc cho người lao động theo Khoản 3 Điều 98 của Bộ luật lao động trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 thì được vay không có tài sản đảm bảo tối đa 50% tiền lương tối thiểu vùng đối với từng người lao động theo thời gian trả lương thực tế nhưng không quá 3 tháng với lãi suất 0%, thời hạn vay tối đa 12 tháng tại Ngân hàng Chính sách xã hội để trả phần lương còn lại và giải ngân trực tiếp hàng tháng đến người bị ngừng việc.

3- Hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 được hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng không quá 3 tháng.

4- Người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao

động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng theo hằng tháng tùy theo tình hình thực tế của diễn biến dịch nhưng tối đa không quá 3 tháng. Thời gian áp dụng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020.

5- Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

6- Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được hỗ trợ thêm 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

7- Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được hỗ trợ 250.000 đồng/khẩu/tháng. Thời gian áp dụng là 3 tháng, từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 và được chi trả một lần.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị quyết 42/NQ-CP về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn trong đại dịch Covid-19.

Quyết định 15/2020/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

## KINH DOANH KỸ THUẬT SỐ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Nguyễn Ngọc Minh Thanh

K19404A

Chúng ta đều biết rằng, công nghệ đã trở thành một phần không thể thiếu trong thời đại hiện nay. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở những thành phố lớn. Không khó để bắt gặp hình ảnh các anh mặc áo Grab, Go Viet, Be, Now,... đi chở khách hay đi ship đồ ăn. Khi vào các cửa hàng tiện lợi thì có rất nhiều các hình thức thanh toán từ tiền mặt, thẻ tín dụng đến dùng Internet Banking quét mã QR và đủ thể loại ví điện tử Momo, Airpay. Có thể nói công nghệ đã trở thành một phần cuộc sống của chúng ta. Trong đó, kinh doanh kỹ thuật số như một xu hướng mới mở ra nhằm đáp ứng, giải quyết nhu cầu này.

Vậy kinh doanh kỹ thuật số là gì? Kinh doanh kỹ thuật số (Digital Business) là sử dụng công nghệ làm cốt lõi để tạo ra giá trị và trải nghiệm cho người tiêu dùng. Kinh doanh kỹ thuật số được xem là một giải pháp toàn diện để bao quát các yếu tố xoay quanh kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ, đảm bảo tối ưu hiệu quả và tránh rủi ro. Đây là một trong những khái niệm kinh doanh mới tại Việt Nam nhưng lại đầy tiềm năng phát triển trong tương lai. Có lẽ khi nhắc đến kinh doanh kỹ thuật số mọi người sẽ nghĩ ngay đến các hình thức bán hàng online đang thịnh hành ví dụ như Shopee, Lazada, Thegioididong,... Nhưng thực tế đó chỉ là một phần nhỏ của lĩnh vực này. Các mô hình kinh tế chia sẻ như Grab, Luxstay hay các công ty tài chính công nghệ như Timo, Momo cũng nằm trong lĩnh vực kinh doanh kỹ thuật số. Ở đây, ngành này không chỉ sử dụng công nghệ chỉ như một nền tảng để phát triển kinh doanh mà lấy công nghệ làm giá trị cốt lõi, làm yếu tố tiên quyết tạo nên trải nghiệm của khách hàng.

Phó giáo sư Nkhoma, Trưởng khoa Kinh doanh và Quản trị tại RMIT Việt Nam cho biết: “Khái niệm Kinh doanh Kỹ thuật số còn khá mới ở Việt Nam, tuy nhiên đang trên đà tăng trưởng tốt với tổng thu nhập 5 tỷ USD vào năm 2016. Con số này dự đoán tăng lên 10 tỷ USD năm 2021 theo số liệu từ Bộ Công Thương”. Đặc biệt trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp lại càng thúc đẩy việc chuyển đổi số hơn nữa để phục vụ nhu cầu nội bộ và đáp ứng thay đổi của thời đại, nhu cầu cấp thiết của người tiêu dùng. Trong một nhận định mới đây, ông Chu Tiến Dũng- Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp TP HCM cho rằng, trải qua mùa dịch, nhu cầu và sự cần thiết của chuyển đổi số trong các doanh nghiệp càng trở nên cấp thiết. “Kinh doanh trên nền tảng chuyển đổi số đang đóng vai trò quan trọng trong sự phục hồi và phát triển bền vững cho doanh nghiệp”. Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã thay đổi thói quen mua hàng của người tiêu dùng, từ đó cũng thay đổi luôn hình thức kinh doanh của các doanh nghiệp. Việc dẫn cách xã hội đã khiến người dân thích thú hơn với các sản phẩm và dịch vụ đến từ ứng dụng điện tử và giao hàng tận nơi. Có thể coi nó như một bước nhảy đà mạnh mẽ để

thúc đẩy sự đầu tư, phát triển của các doanh nghiệp vào lĩnh vực kinh doanh kỹ thuật số.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng, bất ngờ của ngành kinh doanh này cũng là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Để có thể bắt kịp và ứng dụng thành công kỹ thuật số vào lĩnh vực kinh doanh của bản thân, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều rào cản. Đặc biệt là các doanh nghiệp vốn đã có thời gian dài vận hành theo lối truyền thống và trực tiếp. Tốc độ thay đổi của công nghệ thông tin ở thời điểm này là vô cùng lớn nên các bộ phận công nghệ thông tin của các doanh nghiệp vốn hoạt động theo lối truyền thống dễ bị “ngộp” và không biết làm thế nào để chuẩn hóa lại toàn bộ hệ thống: máy tính, máy chủ, ứng dụng hỗ trợ, bảo mật và an toàn thông tin,... Tất nhiên, một số doanh nghiệp nhanh nhạy thì đây không phải là vấn đề lớn. Hoặc thay vì cố gắng thay đổi để bắt kịp công nghệ, nhiều công ty đã tin tưởng vào một bên thứ ba, chẳng hạn như các đơn vị tích hợp hệ thống, các đơn vị cho thuê giải pháp để xử lý các công việc liên quan đến kỹ thuật số. Và vấn đề thứ hai được đặt ra là về lực lượng lao động, liệu có đủ lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, các nhân sự cũ vốn quen với cách làm việc truyền thống liệu có thích nghi được với phong cách làm việc “số” như: tiếp thị qua điện tử, sự kiện ảo, hợp tác và hội họp từ xa, công cụ theo dõi công việc từ xa,... Trong môi trường làm việc từ xa, việc thiếu cộng tác và kết nối rất có thể dẫn đến tình trạng một tập thể là việc kém hiệu quả. Trước diễn biến khôn lường của đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp phải có một phương hướng làm việc phù hợp, đầu tư vào kinh doanh kỹ thuật số thì mới có thể thích nghi được với các điều kiện và thói quen mới, đồng thời có thể phản ứng nhanh nhạy khi có biến động bất ngờ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đan, T. (15/8/2019). Retrieved from vnexpress.net: <https://vnexpress.net/kinh-doanh-ky-thuat-so-la-nganh-tiem-nang-trong-tuong-lai-3967623.html>.

Louis. (21/04/2020). Retrieved from smartfactoryvn.com: <https://smartfactoryvn.com/resources/digital-transformation/covid-19-loi-keu-goi-chuyen-doi-so/>.

**MINI GAME**

Nguyễn Ngọc Phương Thư

K194040561

**CÂU HỎI:** Có 10 câu hỏi liên quan đến đại dịch COVID và tình hình kinh tế giữa diễn biến của đại dịch. Khi trả lời đúng các câu hỏi, bạn sẽ thu thập được chữ cái đáp án của câu hỏi đó, hãy cố gắng trả lời đúng tất cả các câu hỏi để thu thập đầy đủ các chữ cái và tìm ra thông điệp bí ẩn nhé!

1. Độ tuổi nào có thể mắc COVID?

Q. Ai cũng có thể mắc COVID

R. 5-18 tuổi

S. 18-30 tuổi

T. 30-60 tuổi

2. Để ứng phó với diễn biến của dịch COVID-19, Việt Nam chính thức tạm ngừng nhập cảnh đối với người nước ngoài và cả người gốc Việt có giấy miễn thị thực vào thời gian nào?

S. 0h ngày 20/3/2020

T. 0h ngày 21/3/2020

U. 0h ngày 22/3/2020

V. 0h ngày 24/3/2020

3. Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, thành phố Đà Nẵng ban hành lệnh cấm kinh doanh buôn bán (kể cả đặt qua mạng hay mang về) từ thời gian nào?

V. 13h ngày 26/7/2020

W. 13h ngày 28/7/2020

X. 13h ngày 29/7/2020

Y. 13h ngày 30/7/2020



4. Bài hát nào dưới đây được chọn là bài hát chủ đề tuyên truyền chống dịch COVID?

D. Việt Nam sẽ chiến thắng

E. Ghen Cô Vy

F. Cô Na đi xa

G. Diệt giặc CORONA

5. Với hành vi lợi dụng mạng xã hội để chia sẻ, cung cấp thông tin giả, thông tin xuyên tạc sai sự thật, xuyên tạc, vu khống,... điều 101 nghị định 15/2020/ NĐ - CP quy định mức xử phạt hành chính bao nhiêu?

S. 5- 10 triệu đồng

T. 10-20 triệu đồng

U. 15-30 triệu đồng

V. 30-40 triệu đồng

6. Hiệp định nào chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020 sau 14 cuộc đàm phán, được gọi là “kết tinh của một thập kỷ nỗ lực không ngừng nghỉ”?

T. EVFTA

U. ACFTA

V. VJEPA

W. CPTPP

7. Theo đánh giá mới nhất của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố ngày 17/07/2020, nền kinh tế Mỹ đã sụt giảm bao nhiêu phần trăm trong quý II/2020?

G. 9.6%

H. 37%

I. 44%

J. 12%

8. Theo Bộ Công thương, 7 tháng đầu năm 2020 của Việt Nam xuất khẩu hàng hóa ước đạt bao nhiêu tỷ USD, tăng bao nhiêu phần trăm so với cùng kỳ năm trước?

- A. 145.79 tỷ USD, 0.2%
- B. 150.85 tỷ USD, 0.1%
- C. 130.5 tỷ USD, 0.5%
- D. 140 tỷ USD, 0.3%

9. Chính sách gói hỗ trợ các doanh nghiệp vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của COVID-19 của Chính phủ Việt Nam là chính sách gì?

- K. Tiền tệ
- L. Kích cầu
- M. Kiểm hãm
- N. Tài khóa

10. Nhật Bản đã lên kế hoạch hỗ trợ bao nhiêu doanh nghiệp Việt Nam tái sản xuất sau khi rời khỏi Trung Quốc?

- E. 30 doanh nghiệp
- F. 10 doanh nghiệp
- G. 15 doanh nghiệp
- H. 20 doanh nghiệp

# THƯ NGỎ VIẾT BÀI CHUYÊN SAN SỐ 23

Thân chào quý đọc giả,

Trong thời gian vừa qua, Chuyên san đã nhận được rất nhiều bài viết từ các bạn Cộng tác viên trong số báo 22. Một lần nữa, Chuyên san xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý đọc giả đã luôn yêu quý và ủng hộ cho các số báo nói riêng và hoạt động của Chuyên san nói chung.

Trong thời gian sắp đến, Chuyên san Kinh tế Tài chính – Ngân hàng dự kiến phát hành số báo 23 với chủ đề: “ VIỆT NAM - 5 NĂM NHÌN LẠI”.

Chuyên san rất mong có thể tiếp tục nhận được sự công tác của các bạn sinh viên cũng như quý đọc giả. Những bài viết được chọn lọc và đăng lên báo sẽ nhận được nhuận bút theo quy định.

Yêu cầu:

Về nội dung, các bạn có thể lựa chọn một trong các chủ đề dưới đây:

- Đánh giá kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016-2020 (với các mảng ngân hàng, chứng khoán,...)
- Đánh giá kinh tế Việt Nam và thế giới năm 2020
- Những chủ đề khác có liên quan

Về hình thức:

- Trình bày theo bố cục một bài Nghiên cứu khoa học.
- Toàn bộ nội dung không qua 4000 từ, Font Times New Roman, size 12, line 1.5.
- Đồ thị, biểu đồ trình bày dưới dạng gốc, hình ảnh.

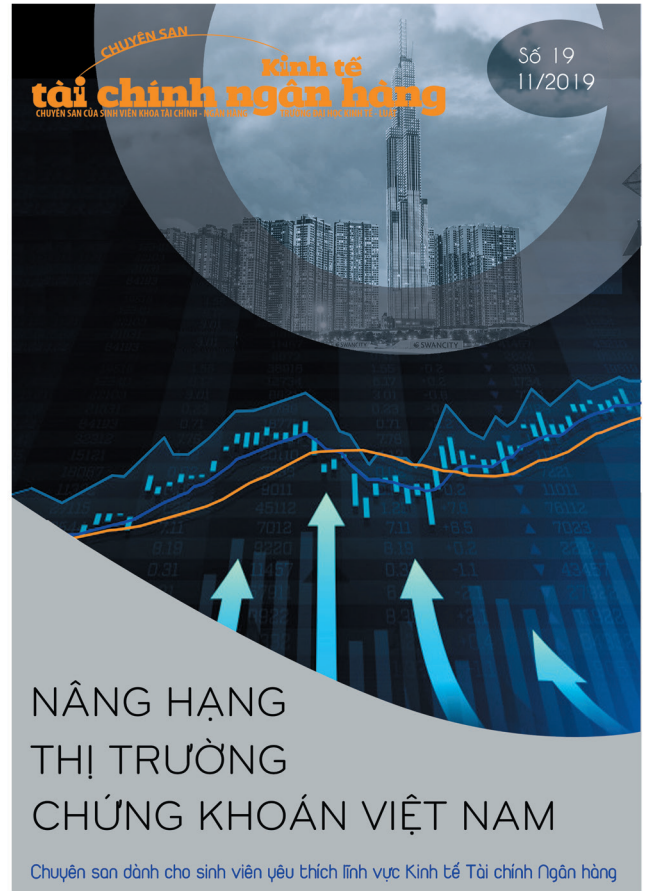
Hạn chót nhận bài ngày ...

Thông tin liên hệ hoặc gửi bài: [chuyensantcnh@uel.edu.vn](mailto:chuyensantcnh@uel.edu.vn)

# BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY



Chuyên san dành cho sinh viên yêu thích lĩnh vực Kinh tế Tài chính Ngân hàng



Chuyên san dành cho sinh viên yêu thích lĩnh vực Kinh tế Tài chính Ngân hàng



Chuyên san dành cho sinh viên yêu thích lĩnh vực Kinh tế Tài Chính Ngân hàng



Chuyên san dành cho sinh viên yêu thích lĩnh vực Kinh tế Tài chính Ngân Hàng